

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Số: 750/NĐBR-TCKT

V/v Công bố thông tin Báo cáo thường niên
năm 2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Hương, ngày 20 tháng 4 năm 2026

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

1. Tên TCPH: Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
2. Tên giao dịch: Ba Ria Thermal Power Joint stock Company
3. Mã chứng khoán: BTP
4. Trụ sở chính: Khu phố Hương Giang, P. Long Hương, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
5. Điện thoại: 0254. 2212 811 Fax: 0254. 3825 985
6. Sàn giao dịch: HOSE
7. Người thực hiện CBTT: Bà Phan Thị Thùy Linh. Điện thoại: 0986 099 771
8. Nội dung của thông tin công bố:
 - Báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa được lập ngày 20/4/2026.

Đính kèm (Báo cáo thường niên năm 2025).

9. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ Báo cáo thường niên năm 2025:
www.btp.com.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT/BTP;
- Ban TGD/BTP;
- Trưởng Ban KS/BTP;
- P. KTAT/BTP (Đăng Website BTP);
- Thư ký/BTP;
- Lưu: VT, TCKT.

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
KẾ TOÁN TRƯỞNG**



Phan Thị Thùy Linh

POWER GENERATION JOINT STOCK
CORPORATION 3
BARIA THERMAL POWER JOINT STOCK
COMPANY

No.: 750 /NDBR-TCKT
Re: Disclosure of information on the
2025 Annual Report.

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Long Hung, April 20, 2026

To:

- State Securities Commission of Vietnam;
- Ho Chi Minh Stock Exchange

1. Issuer: BaRia Thermal Power Joint Stock Company
2. Transaction name: BaRia Thermal Power Joint stock Company
3. Stock symbol: BTP
4. Head office: Huong Giang Quarter, Long Hung Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.
5. Telephone: 0254. 2212 811 Fax: 0254. 3825 985
6. Stock Exchange: HOSE
7. Person in charge of information disclosure: Ms. Phan Thi Thuy Linh. Telephone: 0986 099 771
8. Content of information disclosure:
 - The 2025 Annual Report of BaRia Thermal Power Joint Stock Company, dated April 20, 2026.

Attached (2025 Annual Report).

9. Website for full disclosure of the 2025 Annual Report: www.btp.com.vn

We hereby certify that the information provided above is true and accurate, and we take full legal responsibility for the disclosed content./.

Recipients:

- As stated above;
- BOD/BTP;
- BOM/BTP;
- Head of the BOS/BTP;
- Technical Safety Department/BTP (for website posting);
- Secretary/BTP;
- Archive: Administration, Finance & Accounting.

**ON BEHALF OF THE GENERAL
DIRECTOR
CHIEF ACCOUNTANT**



Phan Thi Thuy Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

____ Trao chất lượng - Giữ niềm tin ____



EVN TPC BÀ RỊA

BÁO CÁO

THƯỜNG NIÊN

2025

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
BĐH	Ban Điều hành
BKS	Ban Kiểm soát
TV	Thành viên
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
VĐL	Vốn điều lệ
NLTT	Năng lượng tái tạo
ĐSX	Điện sản xuất
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
LNST	Lợi nhuận sau thuế
QHĐ8	Quy hoạch điện VIII
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CTCP	Công ty cổ phần
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
SXKD	Sản xuất kinh doanh



MỤC LỤC

01 THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
 - Quá trình hình thành và phát triển
 - Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
 - Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
 - Định hướng phát triển
 - Các rủi ro

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động kinh doanh
 - Tổ chức và nhân sự
 - Tình hình đầu tư, góp vốn vào các công ty liên kết
 - Tình hình tài chính
 - Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
 - Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
 - Tình hình tài chính
 - Những cải tiến về cơ cấu sản xuất, chính sách, quản lý
 - Giải trình của BTGD đối với ý kiến kiểm toán
 - Kế hoạch phát triển trong tương lai
 - Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

04 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc
- Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị năm 2025

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
 - Ban Kiểm soát
 - Các giao dịch, thù lao và các khóa lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025

- Ý kiến kiểm toán
 - Báo cáo tài chính đã kiểm toán



01

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Tên Tiếng Anh:

BARIA THERMAL POWER JOINT STOCK COMPANY

Mã cổ phiếu:

BTP

Vốn điều lệ:

604.856.000.000 đồng

Giấy chứng nhận ĐKDN:

Số 3500701305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 01/11/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 18/08/2025 tại Sở Tài Chính Thành Phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính:

Khu phố Hương Giang, phường Long Hương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại:

0254 2212 811

Fax:

0254 3825 985

Website:

<https://btp.com.vn/>

Email:

info@btp.com.vn



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1991

Trạm phát điện Turbine khí Bà Rịa được thành lập trực thuộc Nhà máy điện Chợ Quán (Công ty Điện lực 2).

1992

Trạm phát điện Turbine khí Bà Rịa được chuyển thành Nhà máy điện Bà Rịa trực thuộc Công ty Điện lực 2.

1995

Nhà máy điện Bà Rịa chuyển trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam.

2000

Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động Hạng Ba.

2007

Thành lập Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

2005

Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động Hạng Nhì.

2013

Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa trực thuộc Tổng Công ty Phát điện 3.

2010

Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động Hạng Nhất.

2024

Giấy khen của Tổng Công ty Phát điện 3 đã có thành tích xuất sắc nhiệm vụ năm 2024 theo Quyết định số 75/QĐ-GENCO3 ngày 07/01/2025.

2025

Giấy khen của Ủy Ban nhân dân Phường Long Hương theo Quyết định số 700/QĐ-UBND của Ủy Ban Nhân dân Phường Long Hương đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua giai đoạn 2020-2025.

2023

Bảng khen của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã có thành tích xuất sắc trong công tác, dẫn đầu phong trào thi đua năm 2023 theo Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 12/3/2024.

Bảng khen của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2023 theo Quyết định số 1636/QĐ-EVN ngày 26/12/2023.

Chứng nhận của Giám đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 7075/QĐ-CATP-PC07 của Công an Thành phố Hồ Chí Minh đạt điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ năm 2025.

Giấy khen của Tổng Công ty Phát điện 3 theo Quyết định số 4511/QĐ-GENCO3 ngày 30/12/2025 Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong công tác năm 2025.

Bảng khen của Công đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 02/QĐ-CĐĐVN ngày 08/01/2026 của Công đoàn Điện lực Việt Nam về việc đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua Lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm 2025.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
1	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng; Quản lý vận hành bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện.	3512 (Chính)
2	Đào tạo trung cấp Chi tiết: Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị nhà máy điện.	8532
3	Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và dịch vụ liên quan đến công việc chế tạo kim loại.	2599
4	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Lập dự án đầu tư xây dựng; Quản lý đầu tư xây dựng, giám sát thi công trình dân dụng và công nghiệp;	7110
5	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê thiết bị; Cho thuê phương tiện vận tải;	7730
6	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng;	4932
7	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng.	4329
8	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước cất, nước uống đóng chai.	1104
9	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp.	4299
10	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
11	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán vật tư thiết bị.	4659
12	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng, khách sạn.	5510

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
13	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Cho thuê tài sản cố định, cầu cảng, văn phòng.	6810
14	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: kinh doanh nông sản.	4620
15	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến hải sản	1020
16	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa	4933
17	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: bốc dỡ hàng hóa	5224
18	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: kinh doanh hải sản	4632
19	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Cung cấp dịch vụ thí nghiệm vật tư, thiết bị điện; Cung cấp dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện	7120

Địa bàn kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh chủ yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cũ).

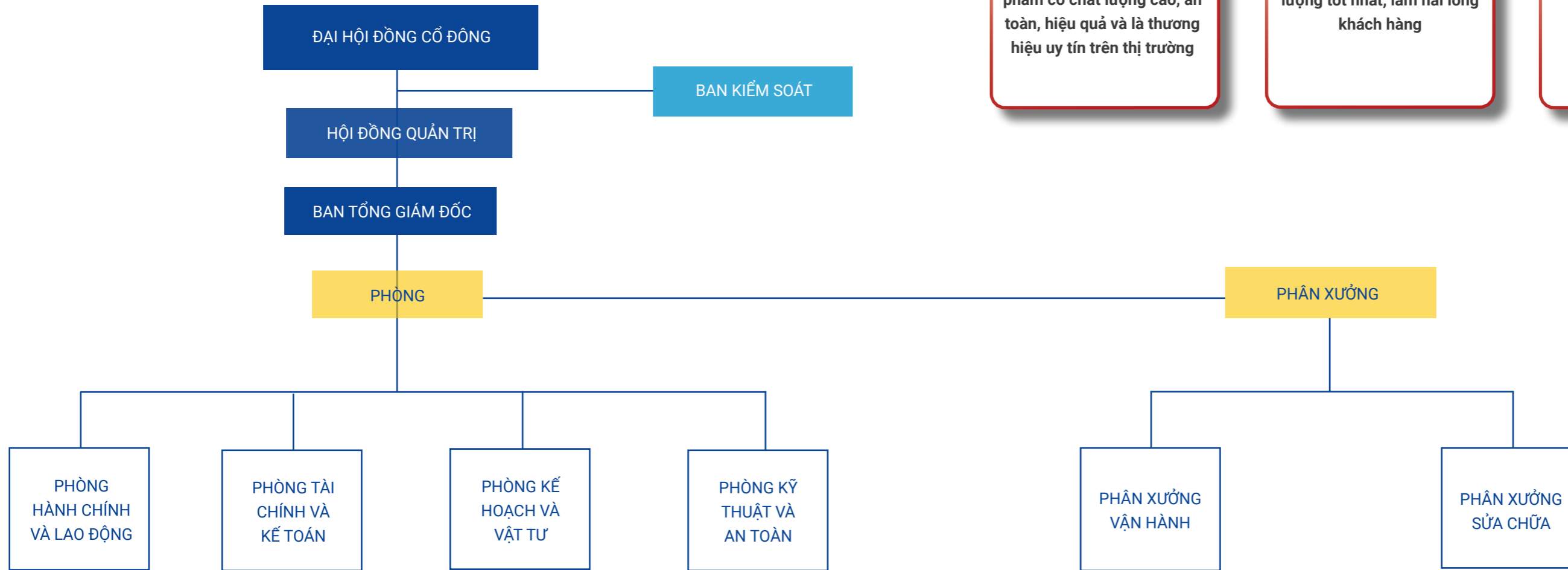
- CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
- Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, phường Long Hương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: 0254 2212 811
- Fax: 0254 3825 985
- Email: info@btp.com.vn



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Công ty hoạt động với mô hình Công ty cổ phần được quy định tại Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như các văn bản pháp luật có liên quan khác. Trải qua quá trình phát triển, bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu như sau:



TẦM NHÌN

Là đơn vị sản xuất điện và cung ứng các dịch vụ, sản phẩm có chất lượng cao, an toàn, hiệu quả và là thương hiệu uy tín trên thị trường



SỨ MỆNH

Đảm bảo cung ứng điện và dịch vụ đa dạng với chất lượng tốt nhất, làm hài lòng khách hàng



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Chất lượng – Tín nhiệm
Tận tâm – Trí tuệ
Sáng tạo – Hiệu quả

Cơ cấu bộ máy quản lý

Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền có quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Vai trò của Ban Kiểm soát là đảm bảo các quyền lợi của cổ đông và thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

Ban Tổng Giám đốc

Được Hội đồng quản trị ủy quyền thực hiện việc Điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Công ty liên kết



Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn



Công ty cổ phần Simacai

Địa chỉ Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Lĩnh vực SXKD chính Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng; quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy công, kiến trúc của nhà máy thủy điện

Tỷ lệ sở hữu 25%

Địa chỉ Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Lĩnh vực SXKD chính Sản xuất điện

Tỷ lệ sở hữu 36%

Công ty góp vốn



Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Địa chỉ Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Lĩnh vực SXKD chính Sản xuất và kinh doanh điện năng

Tỷ lệ sở hữu 2%



Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

Địa chỉ Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Lĩnh vực SXKD chính Sản xuất và kinh doanh điện năng

Tỷ lệ sở hữu 2,3%



Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ

Địa chỉ Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Lĩnh vực SXKD chính Sản xuất và kinh doanh điện năng

Tỷ lệ sở hữu 8,1%



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Công ty tiếp tục triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trong đó tập trung duy trì hoạt động ổn định của Công ty theo mô hình cung cấp dịch vụ phụ trợ cho nhà máy điện, đảm bảo hiệu quả và an toàn trong vận hành.
- Tập trung tối ưu hóa chi phí sản xuất kinh doanh, đặc biệt là chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, vật tư – nhiên liệu, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, cải thiện kết quả kinh doanh và gia tăng giá trị cho cổ đông.
- Ưu tiên sử dụng hiệu quả nguồn vốn hiện có, tiếp tục rà soát, đánh giá các dự án và hạng mục đầu tư đang triển khai, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả và phù hợp với định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn mới.
- Công ty tiếp tục chú trọng công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, hạn chế tối đa các rủi ro phát sinh, bảo vệ con người và tài sản, đồng thời đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng

- Công ty hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế hiệu quả gắn liền với phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp, người lao động và xã hội.
- Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và cộng đồng xung quanh khu vực hoạt động.
- Công ty cam kết tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, bao gồm các nghĩa vụ về thuế, bảo hiểm và các nghĩa vụ xã hội khác theo quy định.
- Công ty tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội tại địa phương, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho người lao động, đóng góp vào sự ổn định và phát triển của cộng đồng nơi Công ty hoạt động.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Công ty tiếp tục thực hiện công tác rà soát, đánh giá tình trạng thiết bị, máy móc một cách định kỳ và toàn diện; xây dựng kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng và cải tạo hệ thống theo hướng tối ưu, nhằm nâng cao độ sẵn sàng và độ tin cậy của các tổ máy.
- Công ty tiếp tục nghiên cứu và từng bước triển khai phương án sửa chữa các tổ máy bằng thiết bị Non-OEM, góp phần chủ động nguồn vật tư, rút ngắn thời gian sửa chữa, giảm chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Công ty chủ động nghiên cứu, ứng dụng khoa học – công nghệ và các giải pháp quản lý hiện đại, đồng thời theo dõi và triển khai các nội dung liên quan đến chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty.
- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm và hợp tác đầu tư các dự án nguồn điện mới, cũng như các cơ hội đầu tư phù hợp khác nhằm đa dạng hóa hoạt động, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong trung và dài hạn.
- Quyết liệt triển khai và đảm bảo tiến độ thực hiện Dự án Nhà máy thủy điện Si Ma Cai, đồng thời nghiên cứu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh sang các lĩnh vực phù hợp để tăng doanh thu, lợi nhuận và tạo nền tảng phát triển bền vững cho Công ty.
- Tiếp tục củng cố uy tín, nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo hoạt động cốt lõi là sản xuất điện và dịch vụ phụ trợ có hiệu quả, có lãi, từng bước khẳng định vị thế của Công ty trong lĩnh vực năng lượng.

Mục tiêu đối với người lao động

- Công ty tiếp tục xây dựng môi trường làm việc ổn định, đoàn kết, nâng cao sự gắn bó giữa người lao động với Công ty thông qua việc đổi mới phương thức quản trị nhân lực và quản trị sản xuất.
- Chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ kỹ thuật và cán bộ quản lý, với lộ trình và mục tiêu đào tạo rõ ràng, phù hợp với yêu cầu vận hành và định hướng phát triển trong giai đoạn mới.
- Thực hiện chính sách tiền lương, thu nhập và phúc lợi hợp lý, gắn với hiệu quả sản xuất kinh doanh, nhằm đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.
- Công ty tiếp tục quan tâm đến sức khỏe và an toàn lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động đạt tiêu chuẩn và thường xuyên tổ chức huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động cho cán bộ công nhân viên.

CÁC RỦI RO



Rủi ro kinh tế

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, kinh tế Việt Nam năm 2025 ghi nhận mức tăng trưởng khả quan, với GDP tăng 8,02% so với năm trước, phản ánh sự mở rộng của hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng trong nền kinh tế. Sự gia tăng các hoạt động này gắn liền với nhu cầu sử dụng điện năng ở mức cao. Tuy nhiên, triển vọng tăng trưởng vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định trong bối cảnh kinh tế toàn cầu biến động phức tạp, có thể ảnh hưởng đến nhu cầu phụ tải điện, cơ chế huy động các nguồn điện và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành điện, trong đó có Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

Bên cạnh đó, áp lực lạm phát và biến động tỷ giá tiếp tục là rủi ro đáng lưu ý trong năm 2025. Theo Tổng cục Thống kê, CPI năm 2025 tăng 3,31% so với cùng kỳ, trong khi lạm phát cơ bản tăng 3,21%. Đồng thời, chỉ số giá USD tăng 3,92% so với cùng kỳ năm trước. Những biến động này có thể làm gia tăng chi phí đầu vào của BTP, đặc biệt đối với các chi phí nhiên liệu, vật tư, thiết bị và phụ tùng thay thế có yếu tố nhập khẩu hoặc chịu tác động từ giá nguyên liệu quốc tế. Trong khi đó, giá bán điện và doanh thu của Công ty chịu sự điều tiết và phụ thuộc lớn vào các hợp đồng mua bán điện và cơ chế thị trường điện, khiến khả năng chuyển toàn bộ phần chi phí tăng thêm vào giá bán còn hạn chế, từ đó tiềm ẩn rủi ro thu hẹp biên lợi nhuận.

Ngoài ra, môi trường kinh tế toàn cầu tiếp tục tiềm ẩn nhiều bất ổn do căng thẳng địa chính trị và biến động trên thị trường năng lượng quốc tế. Các yếu tố như xung đột Nga – Ukraine kéo dài, tình hình Trung Đông diễn biến phức tạp và rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng có thể khiến giá khí tự nhiên và các sản phẩm năng lượng biến động mạnh. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí nhiên liệu phục vụ phát điện của BTP, đặc biệt trong bối cảnh Công ty đang nghiên cứu, đàm phán và thực hiện các thủ tục mua khí LNG để bổ sung nguồn nhiên liệu sử dụng phát điện trong thời gian tới.

Trước các rủi ro kinh tế nêu trên, BTP chủ động theo dõi sát diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường năng lượng và chính sách điều hành của Nhà nước, đồng thời triển khai các biện pháp quản trị chi phí, quản lý rủi ro nhiên liệu, đa dạng hóa nguồn cung và nâng cao hiệu quả vận hành. Các giải pháp này nhằm giảm thiểu tác động bất lợi từ biến động kinh tế, góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và bền vững cho Công ty trong năm 2025 và các năm tiếp theo.



Rủi ro nguyên vật liệu

Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa hoạt động trong lĩnh vực nhiệt điện khí – dầu, với khí thiên nhiên và dầu diesel là nguồn nhiên liệu đầu vào then chốt. Đặc thù của ngành nhiệt điện khí, dầu đòi hỏi nguồn cung nhiên liệu phải được duy trì ổn định và liên tục nhằm đảm bảo khả năng vận hành an toàn, đáp ứng yêu cầu huy động công suất của hệ thống điện. Do đó, bất kỳ biến động nào liên quan đến nguồn cung nhiên liệu đều có thể ảnh hưởng đáng kể đến công suất khai thác và sản lượng điện phát ra của các nhà máy nhiệt điện nói chung, cũng như của BTP nói riêng.

Theo nghiên cứu của Wood Mackenzie, nhu cầu khí đốt và LNG tại Việt Nam được dự báo sẽ tăng trưởng bình quân khoảng 12% mỗi năm và có thể tăng gấp ba lần vào giữa những năm 2030, dưới tác động của nhu cầu năng lượng gia tăng và quá trình chuyển dịch cơ cấu nguồn điện quốc gia. Ngành điện được dự báo tiếp tục là lĩnh vực tiêu thụ khí đốt lớn nhất, trong đó điện khí LNG đóng vai trò ngày càng quan trọng. Theo kịch bản phát triển đến năm 2030, công suất điện khí LNG có thể đạt khoảng 22.400 MW, chiếm gần 14,9% tổng công suất hệ thống, với sản lượng điện ước đạt khoảng 83 tỷ kWh, qua đó tạo áp lực ngày càng lớn lên thị trường cung ứng khí trong nước và khu vực.

Trong khi nhu cầu tăng mạnh, nguồn cung khí nội địa lại có xu hướng suy giảm khi nhiều mỏ khí tại khu vực Đông Nam Bộ đang bước vào giai đoạn suy giảm tự nhiên, dẫn đến sản lượng khí trong nước giảm đáng kể trong những năm gần đây. Điều này làm gia tăng vai trò của LNG nhập khẩu trong việc bảo đảm nhiên liệu cho phát điện. Tuy nhiên, thị trường LNG tại Việt Nam hiện vẫn chủ yếu tiếp cận thông qua các hợp đồng ngắn hạn và giao ngay, khiến giá LNG chịu ảnh hưởng lớn từ biến động cung – cầu toàn cầu và chi phí vận chuyển. Trong bối cảnh đó, các rủi ro như gián đoạn nguồn cung, biến động giá LNG hoặc đứt gãy chuỗi cung ứng quốc tế có thể làm gia tăng chi phí nhiên liệu đầu vào, qua đó tác động trực tiếp đến biên lợi nhuận và hiệu quả hoạt động của BTP.

Trước những rủi ro này, BTP chủ động theo dõi diễn biến thị trường LNG và khí đốt, triển khai các phương án đàm phán mua LNG với các đối tác phù hợp, ký hợp đồng dài hạn với nhà cung cấp dầu diesel, đa dạng hóa nguồn cung, đồng thời tối ưu hóa công tác vận hành và quản lý chi phí nhằm đảm bảo tính chủ động về nhiên liệu, giảm thiểu rủi ro liên quan biến động nguyên vật liệu, bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và hiệu quả.

CÁC RỦI RO

Rủi ro pháp luật

Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa, với tư cách là một doanh nghiệp cổ phần niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), phải tuân thủ một hệ thống pháp luật đa chiều bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Thuế, Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn liên quan khác. Bất kỳ thay đổi pháp lý nào trong các luật này đều có thể gây ra chi phí tuân thủ tăng thêm, rủi ro trễ hạn tuân thủ hoặc phát sinh chi phí bổ sung nếu không cập nhật và thực hiện kịp thời.

Cụ thể, Luật số 56/2024/QH15, sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán và các luật có liên quan, chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2025, đã nâng cao yêu cầu về minh bạch thông tin, chuẩn mực báo cáo và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp niêm yết. Bên cạnh đó, Thông tư số 68/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính, có hiệu lực từ ngày 02/11/2024 và được triển khai trong năm 2025, quy định lộ trình công bố thông tin bằng tiếng Anh, qua đó làm gia tăng yêu cầu đối với hệ thống báo cáo, nhân sự chuyên môn và chi phí tuân thủ của Công ty. Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của BTP còn chịu tác động từ các quy định pháp luật chuyên ngành điện lực đang được triển khai theo định hướng mới, có thể ảnh hưởng đến kế hoạch vận hành và quản trị trong giai đoạn tới.

Trước các rủi ro pháp luật phát sinh từ những thay đổi nêu trên, BTP tiếp tục tăng cường công tác tuân thủ và pháp chế. Công ty chủ động theo dõi, cập nhật và triển khai kịp thời các quy định pháp luật mới, rà soát, hoàn thiện hệ thống công bố thông tin và quy trình báo cáo theo yêu cầu hiện hành, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các đơn vị tư vấn pháp lý, kiểm toán và cơ quan quản lý nhằm đảm bảo việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ pháp lý.

Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là một trong những yếu tố có thể ảnh hưởng đến chi phí tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty trong bối cảnh Công ty có các khoản dư nợ vay bằng ngoại tệ. Biến động bất lợi của tỷ giá, đặc biệt là sự mất giá của đồng Việt Nam so với ngoại tệ vay, có thể làm gia tăng nghĩa vụ trả nợ và chi phí lãi vay, từ đó tác động trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty.

Hiện tại, BTP đang sử dụng khoản vay bằng đồng Won Hàn Quốc từ Quỹ Hợp tác Phát triển Kinh tế Hàn Quốc (EDCF) để phục vụ Dự án đui hơi 306-2, trong đó Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) là chủ thể ký kết hợp đồng vay và Công ty thực hiện vay lại từ EVN. Do đó, mọi biến động của tỷ giá đồng Won so với đồng Việt Nam đều có khả năng ảnh hưởng đến nghĩa vụ tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trước rủi ro này, BTP thường xuyên theo dõi diễn biến thị trường ngoại hối, đánh giá mức độ nhạy cảm của các khoản vay ngoại tệ đối với biến động tỷ giá, đồng thời chủ động xây dựng và điều chỉnh các biện pháp quản trị tài chính phù hợp. Các giải pháp được triển khai nhằm kiểm soát chi phí tài chính, hạn chế tác động bất lợi của rủi ro tỷ giá và góp phần duy trì hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.

Rủi ro an toàn lao động

BTP hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện năng, trong đó các nhà máy điện khí – dầu có đặc thù kỹ thuật phức tạp, vận hành liên tục với hệ thống thiết bị công suất lớn, áp suất và nhiệt độ cao. Người lao động thường xuyên làm việc trong môi trường có nguy cơ phát sinh sự cố kỹ thuật, rò rỉ nhiên liệu, cháy nổ, cũng như các rủi ro liên quan đến hệ thống điện, tua-bin và thiết bị phụ trợ. Trong bối cảnh yêu cầu vận hành ổn định, an toàn hệ thống điện ngày càng cao, bất kỳ sai sót nào trong quy trình vận hành, bảo trì hoặc tuân thủ quy chuẩn an toàn đều có thể dẫn đến tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật nghiêm trọng và gián đoạn hoạt động sản xuất.

Nhận thức rõ những rủi ro tiềm ẩn này, BTP luôn xác định công tác an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp là yếu tố nền tảng trong quản trị vận hành nhà máy. Công ty duy trì việc đào tạo, huấn luyện định kỳ cho người lao động về quy trình kỹ thuật, an toàn điện, an toàn phòng cháy chữa cháy và xử lý tình huống khẩn cấp, đồng thời áp dụng nghiêm ngặt các quy định, tiêu chuẩn an toàn theo quy định của pháp luật và ngành điện. Công tác kiểm tra, giám sát hiện trường, bảo dưỡng thiết bị và chăm sóc sức khỏe người lao động được thực hiện thường xuyên nhằm giảm thiểu rủi ro, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, qua đó góp phần duy trì hoạt động sản xuất ổn định và bền vững của Công ty trong dài hạn.



CÁC RỦI RO

Rủi ro môi trường

Mặc dù được đánh giá là sạch hơn so với các nguồn năng lượng truyền thống như than đá hoặc dầu mỏ, hoạt động sản xuất điện từ khí tự nhiên vẫn tiềm ẩn những rủi ro nhất định về môi trường. Quá trình đốt khí phát sinh khí CO₂ và các oxit nitơ (NOx), góp phần vào phát thải khí nhà kính và ô nhiễm không khí nếu không được kiểm soát hiệu quả. Trong bối cảnh các cam kết giảm phát thải ngày càng được siết chặt, cùng với xu hướng chuyển dịch mạnh mẽ sang năng lượng xanh và năng lượng tái tạo, ngành điện khí đang chịu áp lực ngày càng lớn trong việc tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường nghiêm ngặt hơn. Việc không đáp ứng kịp thời các yêu cầu này có thể làm gia tăng chi phí tuân thủ, ảnh hưởng đến hiệu quả vận hành, đồng thời tiềm ẩn rủi ro về pháp lý và uy tín đối với doanh nghiệp.

Nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm trong công tác bảo vệ môi trường, BTP luôn xác định định hướng sản xuất kinh doanh phải gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững và đảm bảo nhiệm vụ cung ứng điện an toàn, ổn định cho Hệ thống điện Quốc gia. Công ty chú trọng xây dựng và triển khai các kế hoạch quản lý môi trường một cách bài bản, tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành từ giai đoạn lập dự án, phê duyệt đến quá trình vận hành nhà máy. Song song đó, BTP tích cực thúc đẩy các hoạt động nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trong nội bộ thông qua việc hưởng ứng và tham gia các chương trình, chiến dịch do EVN và EVNGENCO3 phát động, cũng như các sự kiện cộng đồng liên quan đến môi trường. Thông qua những nỗ lực này, Công ty từng bước hình thành văn hóa và đạo đức môi trường trong toàn hệ thống, góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và củng cố nền tảng phát triển bền vững.



Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro đã được nhận diện và dự báo, Công ty vẫn có thể đối mặt với các rủi ro bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai, dịch bệnh hoặc các sự kiện khách quan khác nằm ngoài khả năng kiểm soát. Những yếu tố này có thể gây ra thiệt hại đáng kể về con người và tài sản, làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch và tác động tiêu cực đến kết quả hoạt động cũng như sự phát triển ổn định của Công ty.

Mặc dù xác suất xảy ra không cao, BTP vẫn chủ động xây dựng và duy trì các phương án phòng ngừa, kế hoạch ứng phó và kiểm soát rủi ro phù hợp nhằm sẵn sàng xử lý các tình huống khẩn cấp. Công ty thực hiện đánh giá mức độ ảnh hưởng và khả năng xảy ra của từng nhóm rủi ro bất khả kháng, qua đó xác định thứ tự ưu tiên trong công tác quản trị rủi ro. Các kế hoạch ứng phó được xây dựng theo hướng toàn diện và linh hoạt, nhằm hạn chế tối đa thiệt hại, đảm bảo an toàn cho người lao động, bảo vệ tài sản và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện cho phép.





02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, góp vốn vào các công ty liên kết
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tổng quan ngành điện năm 2025

Năm 2025, ngành điện Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định trong bối cảnh nền kinh tế phục hồi mạnh mẽ, hoạt động sản xuất công nghiệp, xây dựng và dịch vụ gia tăng, kéo theo nhu cầu tiêu thụ điện năng duy trì ở mức cao. Hệ thống điện quốc gia được củng cố cả về quy mô công suất lẫn khả năng vận hành, qua đó bảo đảm cung ứng điện an toàn, liên tục cho phát triển kinh tế – xã hội.

Theo Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), tính đến cuối năm 2025, tổng công suất nguồn điện toàn hệ thống (không bao gồm công suất nhập khẩu) đạt khoảng 87.600 MW, tăng khoảng 6.400 MW so với năm 2024, đưa Việt Nam trở thành quốc gia có quy mô công suất nguồn điện đứng thứ hai khu vực ASEAN. Cơ cấu nguồn điện tiếp tục dịch chuyển theo hướng đa dạng hóa, trong đó nguồn năng lượng tái tạo (gió, điện mặt trời, sinh khối...) đạt khoảng 24.453 MW, chiếm 27,9%; nhiệt điện than đạt 28.100 MW, chiếm 32,1%; và thủy điện đạt 24.640 MW, chiếm 28,1% tổng công suất toàn hệ thống. Cùng với sự gia tăng về công suất, sản lượng điện thương phẩm tiếp tục tăng để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế. Tổng sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống năm 2025 ước đạt khoảng 322,8 tỷ kWh, tăng 4,6% so với năm 2024. Mức tăng trưởng này tuy thấp hơn mức tăng đột biến của năm 2024 nhưng vẫn phản ánh xu hướng mở rộng ổn định của nhu cầu tiêu thụ điện trong bối cảnh kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng tích cực. Bên cạnh đó, việc trong năm không xuất hiện nhiều đợt nắng nóng kéo dài trên diện rộng – yếu tố thường làm nhu cầu điện sinh hoạt tăng cao – cũng góp phần khiến sản lượng điện thương phẩm tăng ở mức thấp hơn so với dự báo.

Về môi trường chính sách, Luật Điện lực sửa đổi được thông qua từ cuối năm 2024 và áp dụng trong năm 2025 đã tạo khung pháp lý đồng bộ hơn cho hoạt động quy hoạch, đầu tư và vận hành thị trường điện cạnh tranh. Các cơ chế khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo, điện khí LNG và xã hội hóa đầu tư hạ tầng điện tiếp tục được hoàn thiện, qua đó tạo nền tảng thu hút nguồn lực tư nhân và nâng cao hiệu quả vận hành hệ thống.

Tổng công suất nguồn điện toàn hệ thống (không bao gồm công suất nhập khẩu) năm 2025 đạt 87.600 MW, tăng 6.400 MW so với năm 2024.

Nhu cầu điện thương phẩm được dự báo tăng bình quân khoảng 10%/năm trong giai đoạn 2026–2030.

Điện gió ngoài khơi được kỳ vọng tăng tốc mạnh sau năm 2030 và trở thành nguồn chủ lực vào giai đoạn cuối kỳ quy hoạch.

Triển vọng ngành nhiệt điện 2026

Năm 2026 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng khi là năm đầu tiên triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 5 năm giai đoạn 2026–2030, mở ra giai đoạn phát triển mới của đất nước với mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững. Theo định hướng điều hành của Chính phủ và Bộ Công Thương, mục tiêu tăng trưởng GDP được đặt ở mức cao, phấn đấu từ 10% trong năm 2026 và tiếp tục nâng lên trong các năm tiếp theo. Để phù hợp với quỹ đạo tăng trưởng này, nhu cầu điện thương phẩm được dự báo tăng bình quân khoảng 10%/năm trong giai đoạn 2026–2030, phản ánh mối tương quan chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế và tiêu thụ năng lượng.

Bên cạnh động lực từ khu vực sản xuất, công nghiệp và dân sinh, xu hướng phát triển các trung tâm dữ liệu (Data Center), công nghệ AI, điện toán đám mây và xe điện đang tạo thêm nhu cầu phụ tải lớn với yêu cầu cao về tính ổn định và liên tục của nguồn cung. Đồng thời, theo dự báo của các cơ quan khí tượng, thời tiết có xu hướng chuyển sang trạng thái trung tính trong nửa đầu năm 2026 trước khi dịch chuyển dần sang pha El Nino từ nửa cuối năm, có thể khiến nền nhiệt tăng cao và kéo theo nhu cầu sử dụng điện gia tăng, đặc biệt trong mùa khô.

Theo Cục Điện lực (Bộ Công Thương), để đáp ứng mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân khoảng 10%/năm giai đoạn 2026–2030 và khoảng 7,5%/năm giai đoạn 2031–2050, Quy hoạch điện VIII điều chỉnh đặt mục tiêu điện thương phẩm đến năm 2030 đạt khoảng 500,4–557,8 tỷ kWh. Điều này cho thấy áp lực đầu tư và vận hành hệ thống điện sẽ tiếp tục gia tăng trong trung và dài hạn. Trong bối cảnh nhu cầu phụ tải tăng nhanh và một số nguồn năng lượng tái tạo còn phụ thuộc điều kiện thời tiết, nhiệt điện – đặc biệt là nhiệt điện than – vẫn đóng vai trò nguồn điện nền trong ngắn hạn nhờ khả năng phát điện ổn định và huy động liên tục, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Nguồn điện khí và LNG từng bước được bổ sung song vẫn đối mặt với thách thức về nguồn cung và chi phí nhiên liệu.

Tuy nhiên, về dài hạn, Quy hoạch điện VIII định hướng tái cơ cấu mạnh mẽ hệ thống điện theo hướng giảm dần vai trò của nhiệt điện than, hạn chế phát triển dự án mới và từng bước loại bỏ các nhà máy cũ sau năm 2035, đồng thời ưu tiên mở rộng điện khí (đặc biệt là LNG) và năng lượng tái tạo. Theo phương án điều chỉnh, tỷ trọng công suất lắp đặt của nhóm năng lượng tái tạo được nâng lên khoảng 44% tổng công suất hệ thống, tăng đáng kể so với mức 29% trước đó. Điện mặt trời và điện gió (bao gồm cả trên bờ và ngoài khơi) được xác định là hai trụ cột trong chiến lược phát triển dài hạn, trong đó điện gió ngoài khơi được kỳ vọng tăng tốc mạnh sau năm 2030 và trở thành nguồn chủ lực vào giai đoạn cuối kỳ quy hoạch.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2025	KH 2025	%TH 2025/ KH 2025
1	Tổng doanh thu	triệu đồng	311.926	442.820	70,44%
-	Doanh thu sản xuất điện	triệu đồng	261.000	410.068	63,65%
-	Doanh thu từ hoạt động tài chính	triệu đồng	48.383	29.498	164,02%
-	Doanh thu dịch vụ, sản xuất, kinh doanh và hoạt động khác	triệu đồng	2.544	3.255	78,16%
2	Sản lượng sản xuất điện	Triệu kWh	13,71	85,00	16,13%
3	Sản lượng Điện bán	Triệu kWh	13,29	82,69	16,07%
4	Tổng chi phí	Triệu đồng	267.726	410.930	65,15%
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	44.200	31.890	138,60%
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	42.571	31.496	135,16%



Lợi nhuận trước thuế vượt 38,60% so với kế hoạch

44.200 TRIỆU ĐỒNG

Lợi nhuận sau thuế vượt 35,16% so với kế hoạch

42.571 TRIỆU ĐỒNG

Trong năm 2025, hoạt động sản xuất điện của Công ty chịu ảnh hưởng từ phương thức huy động hệ thống điện, khi các tổ máy chủ yếu vận hành ở chế độ dự phòng và phủ đỉnh (dịch vụ phụ trợ), dẫn đến sản lượng phát điện chưa đạt kế hoạch đề ra. Cụ thể, sản lượng điện sản xuất đạt 13,71 triệu kWh, tương ứng 16,13% kế hoạch năm; sản lượng điện thương phẩm đạt 13,29 triệu kWh, tương ứng 16,07% kế hoạch năm. Trong bối cảnh đó, doanh thu từ hoạt động sản xuất điện đạt 261.000 triệu đồng, giảm so với năm trước do thời gian vận hành ngắn và suất hao cao – đặc thù của hình thức phát điện dịch vụ phụ trợ. Tuy nhiên, Công ty đã chủ động thích ứng với điều kiện vận hành, đồng thời phát huy hiệu quả các nguồn thu khác, góp phần duy trì quy mô doanh thu ở mức hợp lý. Đáng chú ý, Công ty đã triển khai quyết liệt các giải pháp tối ưu chi phí, nâng cao hiệu quả quản trị vận hành, giúp tổng chi phí thực hiện trong năm chỉ ở mức 267.726 triệu đồng, tương ứng 65,15% kế hoạch năm. Kết quả, lợi nhuận trước thuế đạt 44.200 triệu đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 42.571 triệu đồng, lần lượt vượt 38,60% và 35,16% kế hoạch năm. Đây là mức tăng trưởng tích cực trong bối cảnh sản lượng điện suy giảm, thể hiện năng lực điều hành linh hoạt và hiệu quả của Công ty trong việc cân đối giữa sản xuất và kiểm soát chi phí.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban Điều hành

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)		Tỷ lệ sở hữu
			Cá nhân	Đại diện	
1	Ông Lê Văn Huy	Tổng Giám đốc kiêm TV HĐQT	-	12.030.889	19,89%
2	Ông Võ Nhu	Phó Tổng Giám đốc	-	-	-
3	Bà Phan Thị Thùy Linh	Kế toán trưởng	-	-	-

(*) Căn cứ danh sách cổ đông tại ngày 25/11/2025

Lý lịch thành viên Ban Điều hành



ÔNG LÊ VĂN HUY

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1970

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD, Kỹ sư Điện công nghiệp

Nơi sinh: Thôn Trường Hải, Xã Ninh Giang, Tỉnh Ninh Bình

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 25/11/2025:

Cá nhân: 0 cổ phiếu, tỷ lệ: 0,00% VDL

Đại diện: 12.030.889 cổ phiếu, tỷ lệ: 19,89% VDL

Quá trình công tác:

11/1995 – 06/1997	Nhân viên Công ty Xây lắp điện II, TP Hồ Chí Minh
07/1997 – 12/2000	Vận hành viên Phân xưởng vận hành, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
12/2000 – 04/2004	Trưởng ca Vận hành, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
04/2004 – 04/2007	Kỹ thuật viên phân xưởng Vận hành, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
04/2007 – 01/2009	Phó Quân đốc phân xưởng Vận hành, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
01/2009 – 06/2009	Quyền Quân đốc phân xưởng Vận hành, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
06/2009 – 07/2017	Quản đốc phân xưởng Vận hành, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
07/2017 – 06/2020	Phó Tổng Giám đốc kỹ thuật Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
06/2020 – 06/2025	Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
06/2020 – nay	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.



ÔNG VÕ NHU

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện khí hoá & Cung cấp điện

Nơi sinh: Thôn 3, xã Duy Nghĩa, Thành phố Đà Nẵng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT tại Công ty CP Simacai

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 25/11/2025:

Cá nhân: 0 cổ phiếu, tỷ lệ: 0,00% VDL

Đại diện: 0 cổ phiếu, tỷ lệ: 0,00% VDL

Quá trình công tác:

04/1994 – 09/2010	Kỹ thuật viên, Phân xưởng vận hành, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
09/2010 – 11/2010	Kỹ thuật viên, Phân xưởng sửa chữa Điện-Tự động, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
11/2010 – 03/2011	Kỹ thuật viên, Phân xưởng vận hành, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
03/2011 – 12/2017	Phó Quản đốc, Phân xưởng vận hành, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
01/2018 – 04/2020	Quản đốc, Phân xưởng vận hành, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
04/2020 – nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa, Phó bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
06/2020 – 08/2022	Ủy viên Ban Chấp hành Công đoàn Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
09/2022 – nay	Chủ tịch Công đoàn Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa



BÀ PHAN THỊ THÙY LINH

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1987

Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kế toán

Nơi sinh: Phường Bình Minh, Tỉnh Tây Ninh

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 25/11/2025:

Cá nhân: 0 cổ phiếu, tỷ lệ: 0,00% VDL

Đại diện: 0 cổ phiếu, tỷ lệ: 0,00% VDL

Quá trình công tác:

04/2009 – 09/2009	Văn phòng, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
10/2009 – 06/2014	Cán sự Phòng Tài chính - Kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
07/2014 – 01/2018	Phó phòng Phòng Tài chính - Kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
02/2018 – 06/2025	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
06/2025 – nay	Kế toán trưởng kiêm Người công bố thông tin Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Những thay đổi trong BDH

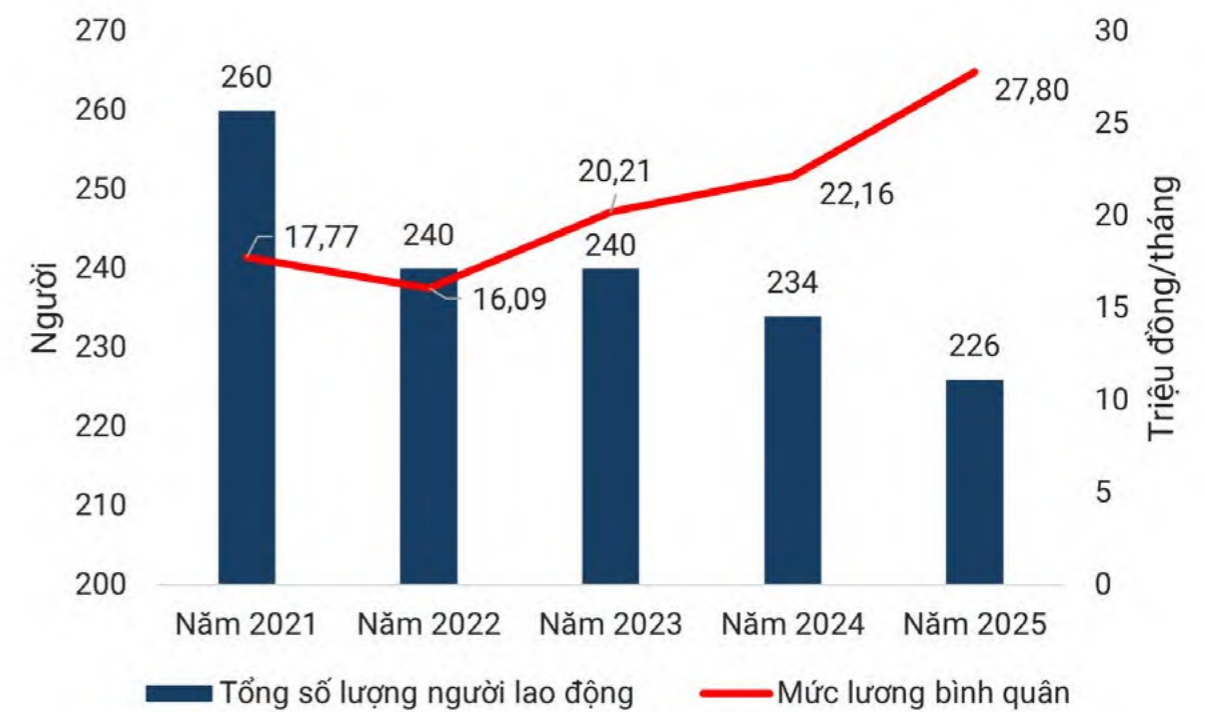
STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày từ nhiệm/miễn nhiệm
1	Bà Trần Thị Bảo Xuân	Phụ trách kế toán		26/06/2025
2	Bà Phan Thị Thùy Linh	Kế toán trưởng	26/06/2025	

Số lượng cán bộ, công nhân viên năm 2025

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	226	100,00%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	139	61,50%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	39	17,26%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	48	21,24%
II	Theo giới tính	226	100,00%
1	Nam	193	85,40%
2	Nữ	33	14,60%
III	Theo đối tượng lao động	226	100,00%
1	Lao động trực tiếp	166	73,45%
2	Lao động gián tiếp	60	26,55%
IV	Theo thời hạn HĐLĐ	221	100,00%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	0	0,00%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	2	0,90%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	219	99,10%
V	Theo độ tuổi	226	100,00%
1	Dưới 30 tuổi	8	3,54%
2	Từ 30-39 tuổi	13	5,75%
3	Từ 40-49 tuổi	110	48,67%
4	Từ 50-59 tuổi	93	41,15%
5	Trên 60 tuổi	2	0,88%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tổng số lượng người lao động (người)	260	240	240	234	226
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	17,77	16,09	20,21	22,16	27,80

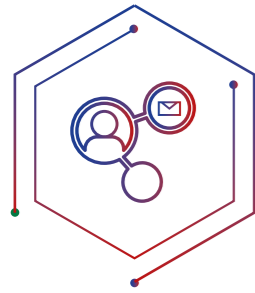


TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Chính sách nhân sự

Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa xác định nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi, quyết định trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh, an toàn vận hành và sự phát triển bền vững của Công ty. Trên cơ sở đó, BTP không ngừng hoàn thiện công tác quản trị nhân sự, tập trung xây dựng các chính sách tuyển dụng, đào tạo, đãi ngộ và môi trường làm việc chuyên nghiệp, nhằm tạo điều kiện để người lao động yên tâm công tác, phát huy năng lực và gắn bó lâu dài với Công ty.

Về tuyển dụng



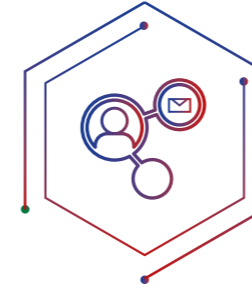
BTP chú trọng xây dựng chính sách tuyển dụng chặt chẽ, minh bạch và phù hợp với đặc thù ngành điện. Công ty ưu tiên tuyển dụng đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, đặc biệt trong các lĩnh vực vận hành, bảo dưỡng sửa chữa thiết bị, kỹ thuật điện, cơ khí, tự động hóa và quản lý kỹ thuật. Quy trình tuyển dụng được thực hiện theo nguyên tắc công khai, khách quan, đảm bảo lựa chọn đúng người, đúng việc, đáp ứng yêu cầu vận hành an toàn, ổn định và hiệu quả Nhà máy. Thông qua công tác tuyển dụng, BTP từng bước xây dựng đội ngũ nhân sự có chất lượng, đáp ứng yêu cầu sản xuất điện trong bối cảnh thị trường điện cạnh tranh và yêu cầu ngày càng cao về an toàn, môi trường.

Về đào tạo



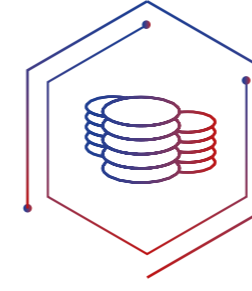
Công ty xác định công tác đào tạo là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm duy trì chất lượng nguồn nhân lực và đảm bảo hiệu quả vận hành nhà máy. Theo đó, Công ty tiếp tục tổ chức các chương trình đào tạo, huấn luyện nội bộ nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn, kiến thức vận hành thiết bị, an toàn lao động và bảo vệ môi trường cho người lao động. Thông qua các hoạt động này, người lao động từng bước nâng cao năng lực, đáp ứng yêu cầu công việc và thích ứng với các yêu cầu ngày càng cao trong hoạt động sản xuất điện.

Về môi trường làm việc



BTP luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, kỷ cương và chuyên nghiệp, coi đây là nền tảng để người lao động yên tâm công tác và phát huy hiệu quả làm việc. Công ty luôn tuân thủ nghiêm các quy định về an toàn, vệ sinh lao động, đồng thời thường xuyên kiểm tra, giám sát điều kiện làm việc tại Nhà máy nhằm giảm thiểu rủi ro và bảo vệ sức khỏe người lao động. Bên cạnh đó, Công ty cũng quan tâm đến đời sống tinh thần của cán bộ, công nhân viên thông qua các hoạt động văn hóa, thể thao, chăm sóc sức khỏe và gắn kết nội bộ, góp phần xây dựng văn hóa doanh nghiệp đoàn kết, trách nhiệm và chuyên nghiệp.

Về chính sách lương, thưởng, đãi ngộ



Công ty xây dựng chính sách tiền lương, tiền thưởng và đãi ngộ theo hướng công bằng, minh bạch, gắn với hiệu quả công việc và kết quả sản xuất kinh doanh. Thu nhập của người lao động được xem xét điều chỉnh phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn và mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Bên cạnh tiền lương, BTP cũng thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật và Tập đoàn Điện lực Việt Nam, đồng thời triển khai các hình thức khen thưởng nhằm ghi nhận, động viên kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác vận hành, sản xuất điện và đảm bảo an toàn. Các chế độ phúc lợi, bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe và hoạt động gắn kết nội bộ được duy trì thường xuyên, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, GÓP VỐN VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2025	TH 2024	% 2025/2024
Tổng tài sản	1.247.829	1.276.004	97,79%
Doanh thu thuần	367.175	296.142	123,99%
Giá vốn hàng bán	195.557	183.448	106,60%
Doanh thu hoạt động tài chính	28.902	4.537	637,04%
Chi phí tài chính	15.258	28.328	53,86%
Chi phí bán hàng	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.476	13.687	105,76%
Lợi nhuận từ HĐKD	170.786	75.216	227,06%
Lợi nhuận khác	351	(125)	-
Lợi nhuận trước thuế	171.138	75.092	227,90%
Lợi nhuận sau thuế	162.378	70.313	230,94%

Công ty cổ phần Simacai

Công ty đang trong giai đoạn thi công dự án, chưa sản xuất nên chưa có kết quả SXKD.

Đầu tư, thực hiện các dự án mới

Không có.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tổng quan tình hình tài chính

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	% 2025/2024
1	Tổng giá trị tài sản	1.218.679	1.271.615	96,02%
2	Doanh thu thuần	263.278	357.407	73,66%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	46.128	43.949	111,47%
4	Lợi nhuận khác	(1.928)	(1.133)	-
5	Lợi nhuận trước thuế	44.200	42.817	109,92%
6	Lợi nhuận sau thuế	42.571	42.817	104,77%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán ngắn hạn			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	5,00	4,47
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,52	3,18
Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	11,67	16,36
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	13,21	19,56
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	1,48	2,17
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,21	0,26
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	16,17	11,98
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	3,98	3,78
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	3,42	3,14
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	17,52	12,30

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

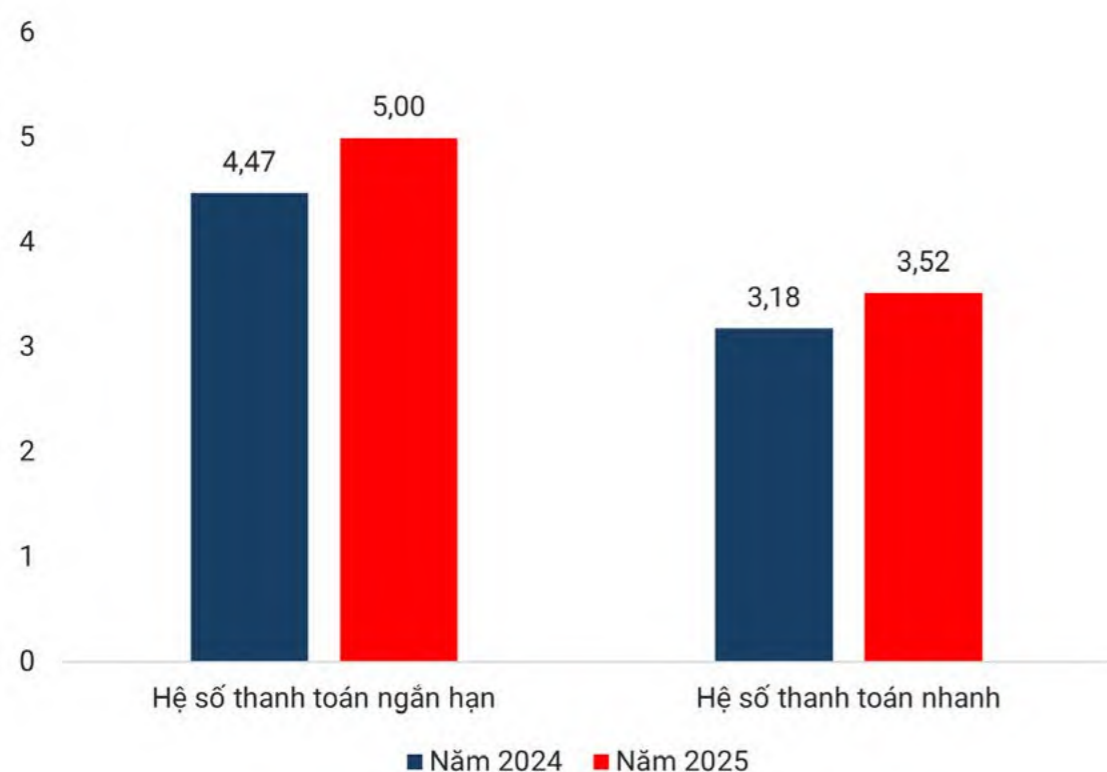
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Trong năm 2025, năng lực thanh toán của Công ty tiếp tục được củng cố với các chỉ số duy trì ở mức cao và cải thiện so với năm trước. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 5,00 lần (so với 4,47 lần năm 2024) và hệ số thanh toán nhanh đạt 3,52 lần (so với 3,18 lần). Các mức này đều cao hơn đáng kể so với ngưỡng an toàn thông thường, phản ánh nền tảng tài chính vững chắc, khả năng đáp ứng tốt các nghĩa vụ nợ đến hạn cũng như mức độ an toàn thanh khoản cao của Công ty.

Tại ngày 31/12/2025, tài sản ngắn hạn đạt 473.872 triệu đồng, giảm 9,87% so với đầu kỳ. Sự sụt giảm chủ yếu đến từ việc Công ty chủ động cơ cấu lại danh mục tài sản tài chính nhằm tối ưu hiệu quả sử dụng vốn. Trong đó, đầu tư tài chính ngắn hạn giảm từ 200.000 triệu đồng xuống 177.000 triệu đồng (giảm 11,5%), tương ứng với khoản tiền gửi có kỳ hạn được rút bớt để chuyển sang tăng cường đầu tư vào công ty liên kết (Công ty cổ phần Simacai), phù hợp với định hướng mở rộng đầu tư chiến lược và nâng cao hiệu quả sinh lời dài hạn. Đồng thời, hàng tồn kho ghi nhận giảm 10.742 triệu đồng, cho thấy Công ty đang thực hiện kiểm soát kế hoạch mua sắm – dự trữ để nâng cao vòng quay hàng tồn kho và giải phóng vốn lưu động. Mặc dù quy mô tài sản ngắn hạn thu hẹp, Công ty vẫn duy trì cơ cấu tài sản thanh khoản cao, với tỷ trọng tiền và các khoản tương đương tiền chiếm 18,25% và đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm 37,35% tổng tài sản ngắn hạn.

Song song đó, nợ ngắn hạn tại thời điểm cuối năm đạt 94.779 triệu đồng, giảm 22.916 triệu đồng (19,47%) so với đầu kỳ. Mức giảm chủ yếu đến từ việc Công ty đã hoàn tất thanh toán các khoản phải trả người bán, đặc biệt là khoản thanh toán cho Viện Nghiên cứu Cơ khí (31.501 triệu đồng). Việc chủ động giảm nghĩa vụ nợ phải trả giúp cải thiện chất lượng bảng cân đối kế toán, giảm áp lực thanh toán và góp phần nâng cao hơn nữa các hệ số thanh khoản.



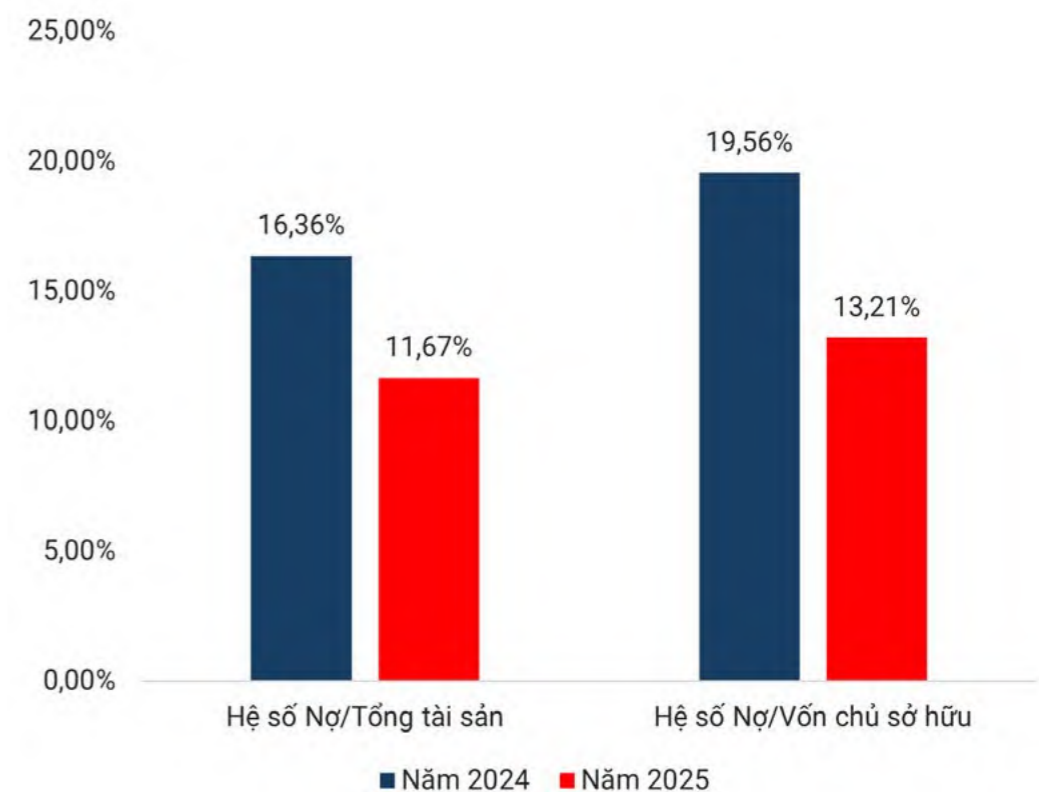
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Trong năm 2025, cơ cấu nguồn vốn của Công ty tiếp tục được cải thiện theo hướng an toàn và thận trọng hơn, thể hiện qua việc các chỉ số đòn bẩy tài chính đồng loạt giảm mạnh. Cụ thể, hệ số nợ trên tổng tài sản giảm xuống còn 11,67% và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu giảm còn 13,21%. Các mức này duy trì ở ngưỡng thấp so với mặt bằng chung ngành, cho thấy Công ty có mức độ tự chủ tài chính cao, ít phụ thuộc vào nguồn vốn vay và dư địa lớn cho việc huy động vốn khi cần thiết.

Tại ngày 31/12/2025, tổng nợ phải trả đạt 142.184 triệu đồng, giảm 60.823 triệu đồng so với năm trước, chủ yếu đến từ việc Công ty chủ động thanh toán các nghĩa vụ đến hạn và từng bước thu hẹp dư nợ vay. Trong đó, các khoản phải trả người bán ngắn hạn giảm đáng kể do Công ty đã hoàn tất thanh toán cho Viện Nghiên cứu Cơ khí như đã đề cập trước đó. Ngoài ra, khoản vay bằng Won với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (nguồn vốn EDCF – Hàn Quốc) tiếp tục được trả nợ theo đúng tiến độ, dư nợ giảm còn 94.809 triệu đồng và dự kiến sẽ tất toán hoàn toàn vào cuối năm 2027.

Tổng tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2025 đạt 1.218.679 triệu đồng, giảm nhẹ so với đầu kỳ, chủ yếu do sự suy giảm của tài sản ngắn hạn như đã phân tích ở trên. Trong khi đó, tài sản dài hạn tiếp tục được củng cố, với các khoản đầu tư tài chính dài hạn tăng 48.964 triệu đồng do gia tăng đầu tư vào công ty liên kết và trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính. Mặc dù tài sản cố định giảm 46.049 triệu đồng do khấu hao theo kế hoạch, điều này phản ánh việc phân bổ chi phí hợp lý và tối ưu hiệu quả sử dụng tài sản hiện hữu.

Song song đó, vốn chủ sở hữu cũng tăng 12.887 triệu đồng, chủ yếu nhờ gia tăng quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, qua đó củng cố nền tảng vốn nội tại và nâng cao năng lực tài chính tổng thể.



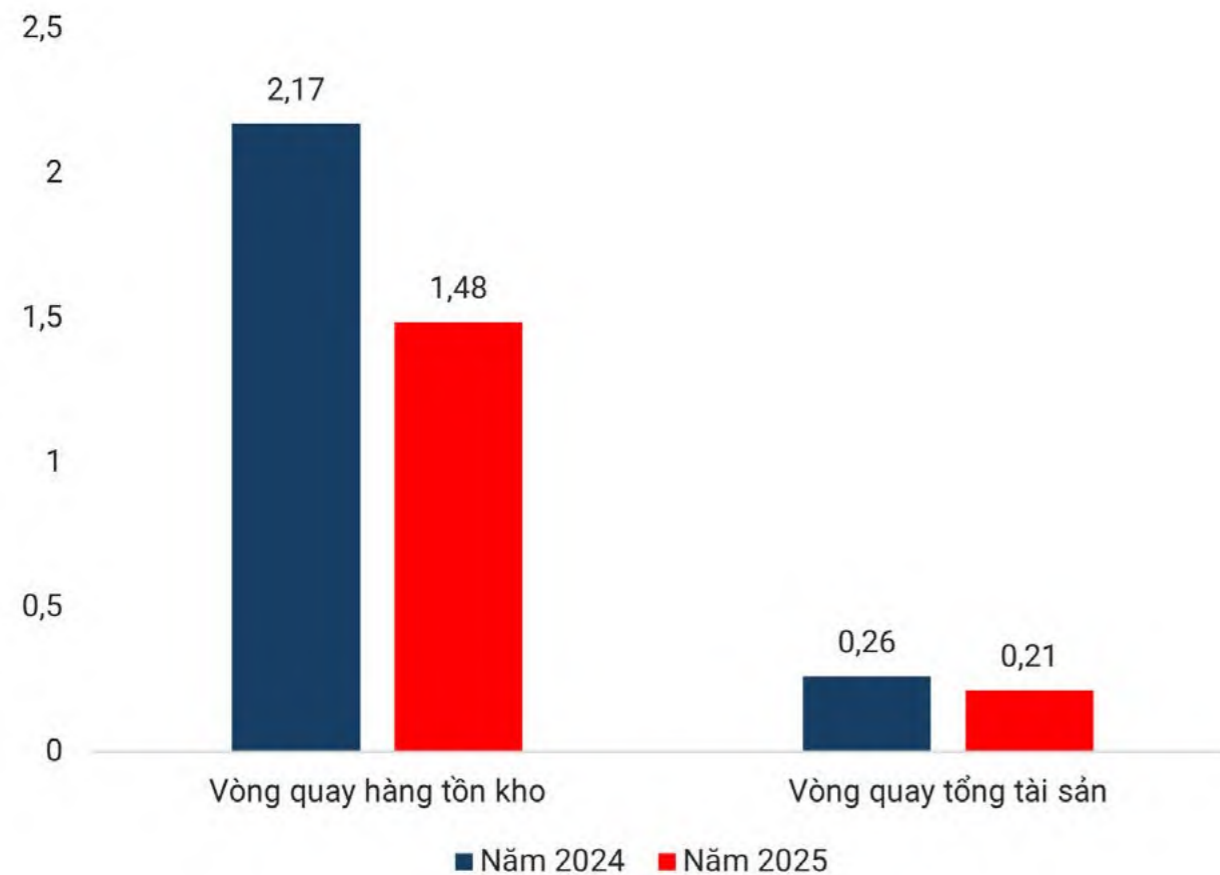
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục chịu ảnh hưởng từ các yếu tố thị trường điện và nhu cầu huy động nguồn phát chưa thuận lợi, dẫn đến doanh thu thuần và giá vốn đều giảm so với cùng kỳ. Cụ thể, doanh thu thuần đạt 263.278 triệu đồng, giảm 26,34%, trong khi giá vốn hàng bán giảm mạnh hơn với 37,14%, còn 216.162 triệu đồng. Mức giảm giá vốn cao hơn tốc độ giảm doanh thu cho thấy Công ty đã chủ động kiểm soát tốt chi phí sản xuất và sử dụng hiệu quả nguyên vật liệu, qua đó góp phần duy trì biên lợi nhuận và hạn chế tác động bất lợi từ việc sản lượng điện sản xuất và điện thương phẩm suy giảm trong năm.

Trong bối cảnh đó, vòng quay hàng tồn kho đạt 1,48 lần, giảm so với mức 2,17 lần của năm 2024, chủ yếu do tốc độ tiêu thụ nguyên vật liệu chậm lại khi sản lượng điện sản xuất giảm, trong khi giá trị hàng tồn kho cuối kỳ chỉ giảm nhẹ 7,09%. Đồng thời, vòng quay tổng tài sản cũng giảm từ 0,26 lần xuống 0,21 lần, chủ yếu do doanh thu giảm theo sản lượng điện sản xuất và điện thương phẩm, trong khi quy mô tổng tài sản chỉ biến động nhẹ. Điều này phản ánh đặc thù của doanh nghiệp phát điện dịch vụ phụ trợ khi mức độ huy động phụ thuộc lớn vào nhu cầu điều độ hệ thống, thay vì năng lực nội tại. Tuy nhiên, Công ty vẫn duy trì nền tảng tài sản ổn định, tập trung khai thác tối đa hiệu suất thiết bị và kiểm soát chi phí, tạo điều kiện sẵn sàng nắm bắt cơ hội gia tăng sản lượng khi điều kiện thị trường thuận lợi hơn.

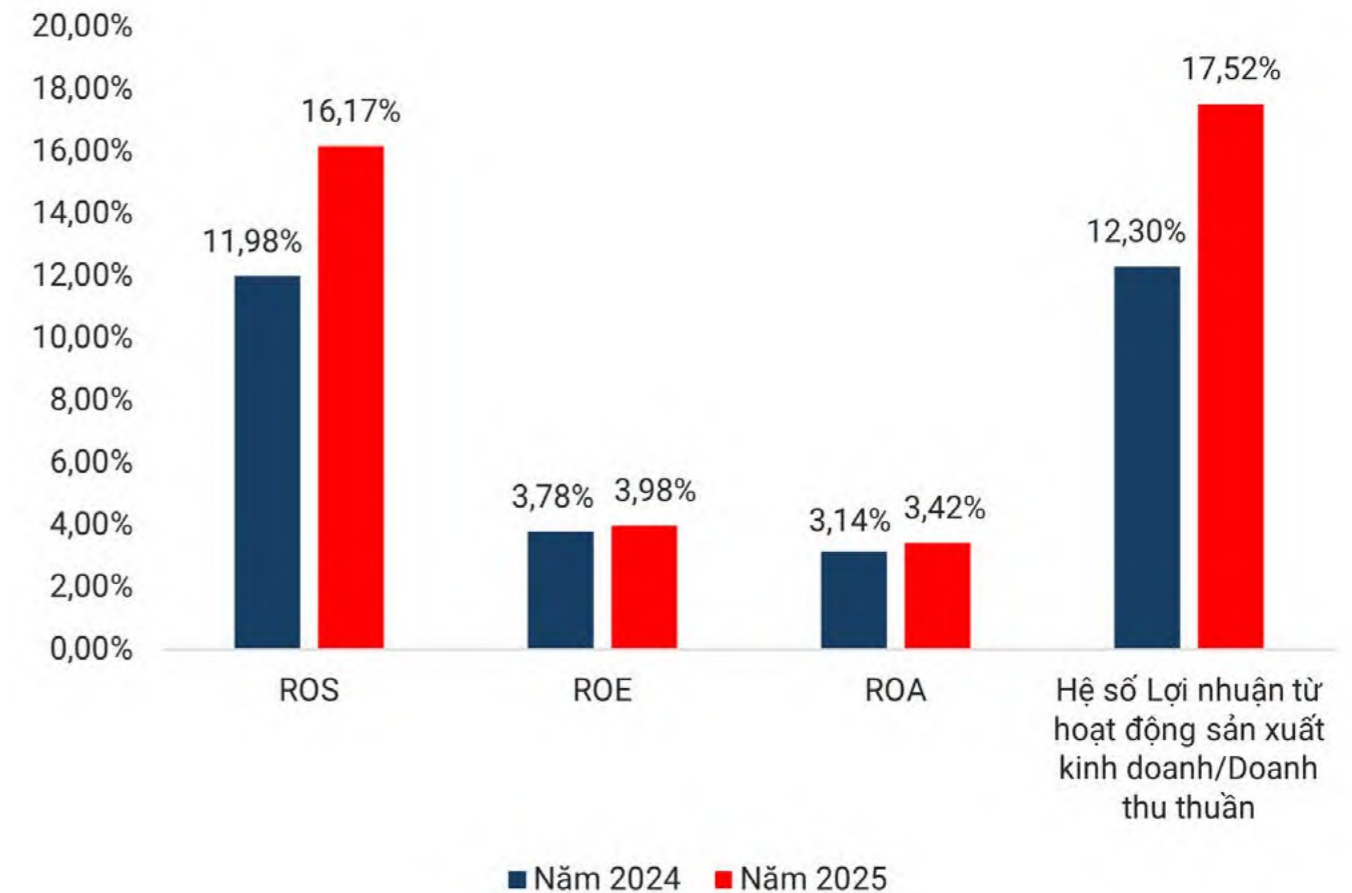


Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2025, mặc dù doanh thu thuần chịu ảnh hưởng từ mức sản lượng sản xuất điện và điện thương phẩm thấp, các chỉ tiêu khả năng sinh lời của Công ty vẫn ghi nhận sự cải thiện rõ rệt, phản ánh hiệu quả trong công tác quản trị chi phí và tối ưu hoạt động sản xuất kinh doanh.

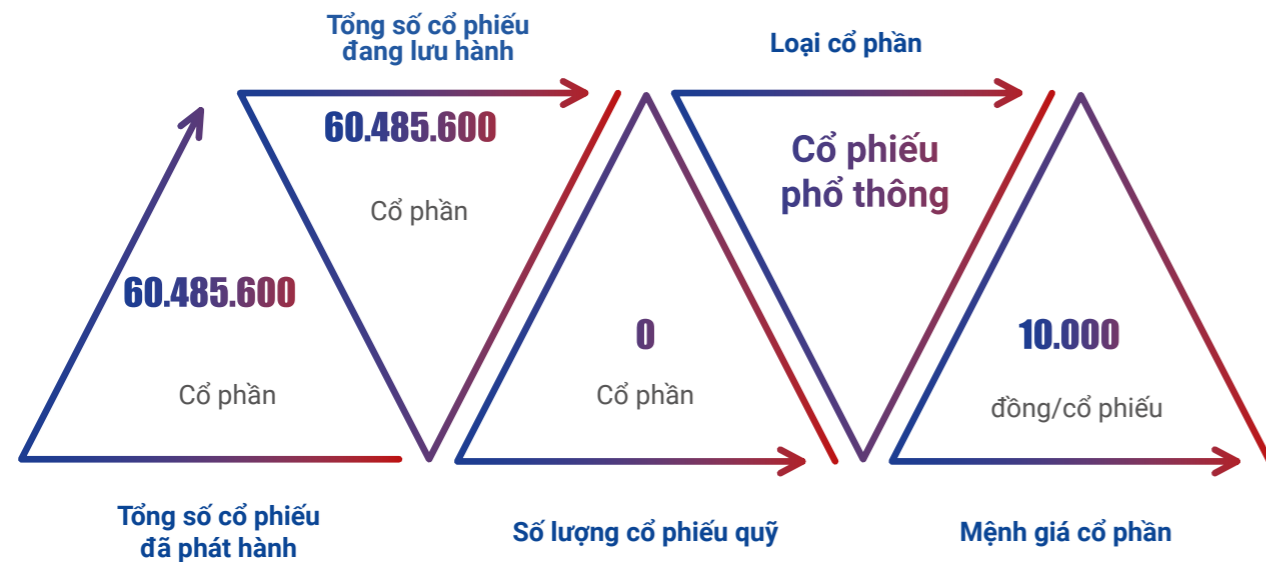
Cụ thể, tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần đạt 17,52%, tăng đáng kể so với mức 12,30% năm 2024, đồng thời tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần đạt 16,17%, cao hơn mức 11,98% của năm trước. Kết quả này chủ yếu nhờ giá vốn hàng bán giảm đáng kể hơn so với mức giảm doanh thu, thể hiện việc Công ty chủ động tiết giảm chi phí nhiên liệu, tối ưu vận hành thiết bị và kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí sản xuất, qua đó nâng cao biên lợi nhuận và chất lượng lợi nhuận cốt lõi.

Bên cạnh đó, hiệu quả sử dụng vốn và tài sản tiếp tục được cải thiện. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đạt 3,98%, tăng nhẹ so với mức 3,78% năm 2024, đồng thời tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA) cũng cải thiện rõ rệt, đạt 3,42%. Các chỉ số này cho thấy Công ty đang khai thác tài sản và nguồn vốn ngày càng hiệu quả hơn, đồng thời duy trì khả năng sinh lời ổn định trong điều kiện thị trường chưa thuận lợi.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Thông tin cổ phiếu



Cơ cấu cổ đông

(Căn cứ danh sách tại ngày: 25/11/2025)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần (cổ phiếu)	Số lượng cổ đông (người)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ phiếu phổ thông	60.485.600	1.864	100,00
1	Cổ đông trong nước	57.459.320	1.824	95,00
-	Cá nhân	7.831.949	1.812	12,95
-	Tổ chức	49.627.371	12	82,05
2	Cổ đông nước ngoài	3.026.280	40	5,00
-	Cá nhân	105.180	28	0,17
-	Tổ chức	2.921.100	12	4,83
II	Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	60.485.600	1.864	100,00

Các cổ đông lớn

(Căn cứ danh sách tại ngày: 25/11/2025)

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần	Số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Khánh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	48.123.557	79,56

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Từ khi thành lập đến nay, Công ty không thực hiện tăng vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Không có.

Các chứng khoán khác:

Không có.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Xử lý nước thải sinh hoạt sử dụng và nước thải công nghiệp

Các nguồn nước thải của Công ty gồm:

- Nước thải sinh hoạt.
- Nước thải công nghiệp.

Nguồn nước đóng vai trò thiết yếu và không thể thay thế trong hoạt động sản xuất điện của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa. Nhận thức rõ tầm quan trọng của tài nguyên này, Công ty luôn ưu tiên sử dụng nước một cách tiết kiệm, hiệu quả và có trách nhiệm, đồng thời áp dụng các quy trình kiểm soát nghiêm ngặt nhằm đảm bảo toàn bộ nước thải sau xử lý đáp ứng đầy đủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trước khi xả thải.

Trong năm, hệ thống xử lý nước thải tập trung tiếp tục được duy trì vận hành ổn định, kết hợp quan trắc định kỳ các chỉ tiêu chất lượng nước, giúp kịp thời phát hiện và xử lý các biến động bất thường.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty sử dụng khí tự nhiên làm nhiên liệu chính cho các tổ máy phát điện, đây là nguồn năng lượng có mức phát thải thấp hơn so với các nhiên liệu hóa thạch truyền thống, góp phần giảm phát thải khí nhà kính và nâng cao hiệu suất sản xuất. Trong trường hợp nguồn cung khí bị gián đoạn, dầu DO được sử dụng làm nhiên liệu thay thế nhằm đảm bảo tính liên tục và an toàn cung cấp điện cho hệ thống.

Với định hướng phát triển bền vững, Công ty tập trung quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu đầu vào thông qua:

- Tối ưu định mức tiêu hao nhiên liệu và hóa chất;
- Kiểm soát tồn kho hợp lý, hạn chế hao hụt và lãng phí;
- Ưu tiên lựa chọn nhà cung cấp đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng và môi trường.

Song song đó, Công ty tiếp tục ứng dụng các giải pháp kỹ thuật và công nghệ tiên tiến trong vận hành – bảo dưỡng, bao gồm phương pháp bảo trì dựa trên độ tin cậy (RCM), số hóa dữ liệu vận hành và giám sát tình trạng thiết bị theo thời gian thực. Các giải pháp này giúp phát hiện sớm rủi ro, giảm thời gian dừng máy, tiết kiệm chi phí sửa chữa và tối ưu hiệu suất tổ máy, qua đó giảm tiêu hao nhiên liệu và phát thải ra môi trường.

Thông qua việc nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, tiết kiệm tài nguyên và giảm phát thải, Công ty đang từng bước đóng góp vào mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, hướng tới phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 theo cam kết của Việt Nam tại COP26. Điều này không chỉ thể hiện trách nhiệm môi trường mà còn củng cố hình ảnh Công ty là doanh nghiệp năng lượng vận hành an toàn, thân thiện và có trách nhiệm với cộng đồng.

Xử lý khí thải

Các nguồn phát sinh bụi và khí thải tại Công ty chủ yếu đến từ:

- Khí thải của các tổ máy phát điện sử dụng khí thiên nhiên làm nhiên liệu chính;
- Nhiên liệu dự phòng dầu DO.

So với các loại nhiên liệu hóa thạch truyền thống, khí thiên nhiên có đặc tính phát thải thấp hơn, đặc biệt đối với bụi, SOx và CO₂, do đó góp phần giảm thiểu tác động môi trường ngay từ đầu vào. Việc ưu tiên sử dụng nguồn nhiên liệu sạch hơn thể hiện định hướng xuyên suốt của Công ty trong quá trình chuyển dịch sang mô hình phát điện thân thiện môi trường.

Công ty luôn đặt ưu tiên hàng đầu vào việc kiểm soát nồng độ ô nhiễm không khí xung quanh khu vực nhà máy, thông qua hệ thống quản lý kỹ thuật và giám sát môi trường chặt chẽ. Các giải pháp cải tiến đã được triển khai đồng bộ, bao gồm nâng cấp hệ thống đường ống thoát khí, lắp đặt đầu hơi và nâng chiều cao ống khói lên 25m nhằm tăng khả năng khuếch tán khí thải, giảm thiểu ảnh hưởng đến khu vực lân cận. Đồng thời, Công ty thực hiện quan trắc môi trường định kỳ các thông số phát thải, đảm bảo các chỉ tiêu bụi, NOx, CO và các khí ô nhiễm khác luôn nằm trong giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Kết quả từ các báo cáo quan trắc và đánh giá tác động môi trường cho thấy, việc kết hợp sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên, tối ưu chế độ vận hành tổ máy và cải tiến hạ tầng phát tán khí thải đã giúp chất lượng không khí khu vực xung quanh nhà máy được kiểm soát ổn định, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn môi trường hiện hành. Điều này khẳng định trách nhiệm của Công ty trong việc tuân thủ pháp luật, bảo vệ sức khỏe người lao động và cộng đồng dân cư, đồng thời góp phần thực hiện cam kết phát triển bền vững.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Tiêu thụ năng lượng

Với đặc thù là đơn vị sản xuất điện, Công ty xác định sử dụng năng lượng hiệu quả và tiết kiệm điện tự dùng là một trong những trọng tâm quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm phát thải. Công ty đã thiết lập hệ thống theo dõi, báo cáo và cập nhật số liệu tiêu thụ năng lượng định kỳ hàng tháng, qua đó đánh giá sát sao tình hình sử dụng điện, nhiên liệu và kịp thời phát hiện các điểm chưa tối ưu để có biện pháp điều chỉnh.

Dữ liệu tiêu thụ năng lượng được tổng hợp, phân tích vào cuối năm để xây dựng kế hoạch tiết giảm cho giai đoạn tiếp theo, đồng thời lồng ghép các chỉ tiêu tiết kiệm năng lượng vào công tác quản lý vận hành. Cách tiếp cận này không chỉ giúp kiểm soát chi phí sản xuất mà còn góp phần giảm cường độ phát thải trên mỗi đơn vị điện năng.

Song song với công tác giám sát, Công ty còn triển khai nhiều giải pháp tiết kiệm điện tự dùng tại các khu vực vận hành và văn phòng, như:

- Sử dụng biến tần cho hệ thống máy nén khí và quạt ACC tổ máy ST10 nhằm điều chỉnh tốc độ theo nhu cầu thực tế;
- Thay thế đèn hệ thống chiếu sáng truyền thống bằng đèn LED tiết kiệm năng lượng;
- Tối ưu thời gian vận hành thiết bị, tắt máy khi không cần thiết;
- Tận dụng ánh sáng và thông gió tự nhiên tại khu vực văn phòng;
- Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng cho người lao động.

Bên cạnh đó, Công ty từng bước số hóa dữ liệu vận hành và áp dụng các giải pháp quản lý năng lượng thông minh, giúp nâng cao khả năng dự báo phụ tải nội bộ và tối ưu chế độ hoạt động của tổ máy. Nhờ vậy, mức tiêu hao năng lượng tự dùng được kiểm soát hiệu quả, góp phần nâng cao hiệu suất chung của nhà máy.

Xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn nguy hại

Lượng chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty được theo dõi, thống kê và quản lý thường xuyên. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh chủ yếu từ hoạt động sản xuất và bảo trì thiết bị, bao gồm giấy, bìa carton, bao bì, vật tư thay thế, lưới/lọc gió, phế liệu kim loại (sắt, thép, nhôm...), gỗ và các vật liệu đóng gói. Công ty thực hiện phân loại ngay tại nguồn, ưu tiên tái sử dụng hoặc thu hồi phế liệu có giá trị nhằm giảm thiểu khối lượng chất thải phải xử lý.

Đối với chất thải rắn sinh hoạt, Công ty ký hợp đồng với Công ty cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa theo Hợp đồng số 07/HĐVS.5 từ ngày 02/01/2025 để thu gom và vận chuyển hàng ngày, đảm bảo vệ sinh môi trường trong khuôn viên nhà máy, duy trì cảnh quan xanh – sạch – đẹp và phòng ngừa nguy cơ ô nhiễm thứ cấp.

Với chất thải nguy hại (dầu thải, giẻ lau nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang, ắc quy, hóa chất, bao bì nhiễm hóa chất, bùn thải kỹ thuật...), Công ty thực hiện quản lý theo quy trình nghiêm ngặt: thu gom riêng biệt, dán nhãn nhận diện, lưu giữ tại kho chuyên dụng đạt tiêu chuẩn kỹ thuật và có biện pháp chống rò rỉ, cháy nổ. Toàn bộ chất thải nguy hại được bàn giao cho các đơn vị có giấy phép xử lý hợp pháp, đảm bảo quy trình vận chuyển – xử lý – tiêu hủy tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Hồ sơ chứng từ, sổ theo dõi và báo cáo định kỳ được lưu trữ đầy đủ, phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng.

Bên cạnh việc tuân thủ pháp luật, Công ty còn đẩy mạnh nâng cao nhận thức cho người lao động về phân loại rác, giảm thiểu phát sinh chất thải và sử dụng vật tư tiết kiệm, khuyến khích các sáng kiến tái chế và sử dụng vật liệu thân thiện môi trường trong hoạt động văn phòng và sản xuất.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2025, Công ty đã tổ chức vận động cán bộ, công nhân viên tham gia hiến máu nhân đạo với 79 lượt người tham gia, góp phần hỗ trợ công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Đồng thời, Công ty đã triển khai hỗ trợ xây dựng và sửa chữa Nhà Đại đoàn kết cho các hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn phường Long Hương. Bên cạnh đó, BTP còn tích cực chung tay hỗ trợ đồng bào miền Trung – Tây Nguyên bị ảnh hưởng bởi bão lũ thông qua các hoạt động quyên góp, ủng hộ và cử lực lượng tham gia vệ sinh, chỉnh trang cơ sở hạ tầng, kiểm tra, thay mới hệ thống điện, quạt, bóng đèn, đường dây điện, đồng thời hỗ trợ sửa chữa điện cho trạm y tế, xã phường và các hộ dân khó khăn. Các hoạt động trên không chỉ thể hiện tinh thần tương thân tương ái, sẻ chia với xã hội mà còn góp phần tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa doanh nghiệp và địa phương, khẳng định cam kết của Công ty trong việc phát triển hài hòa giữa hiệu quả kinh doanh và trách nhiệm cộng đồng.



Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty xác định nguồn nhân lực là yếu tố then chốt cho sự phát triển bền vững và luôn đặt người lao động ở vị trí trung tâm trong chiến lược quản trị. Hàng năm, Công ty tổ chức Hội nghị Người lao động và các buổi đối thoại định kỳ nhằm lắng nghe, tiếp nhận ý kiến, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, đồng thời tăng cường sự minh bạch và gắn kết nội bộ.

Công ty cũng thực hiện đầy đủ các chế độ lương, thưởng, bảo hiểm và phúc lợi theo quy định, đồng thời quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động thông qua khám sức khỏe định kỳ, hoạt động văn hóa – thể thao và các chương trình hỗ trợ phúc lợi. Bên cạnh đó, công tác đào tạo chuyên môn, an toàn lao động và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cũng được chú trọng nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp và ổn định lâu dài.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Hiện tại, Công ty chưa phát sinh các hoạt động huy động vốn thuộc thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có chỉ thị từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.





03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
- 2. Tình hình tài chính**
- 3. Những cải tiến về cơ cấu sản xuất, chính sách, quản lý**
- 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**
- 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán**
- 6. Báo cáo liên tác động liên quan đến môi trường và xã hội**

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đánh giá tổng thể về hoạt động Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2025	TH 2024	KH 2025	% TH 2025/ KH 2025	% TH 2025/ TH 2024
1	Tổng doanh thu	311.926	431.957	442.820	70,44%	72,21%
2	Tổng chi phí	267.726	389.141	410.930	65,15%	68,80%
3	Lợi nhuận trước thuế	44.200	42.817	31.890	138,60%	103,23%
4	Lợi nhuận sau thuế	42.571	42.817	31.496	135,16%	99,43%

Năm 2025, trong bối cảnh kinh tế vĩ mô duy trì đà tăng trưởng tích cực với GDP tăng 8,02% và nhu cầu tiêu thụ điện ổn định, dưới sự chỉ đạo sát sao của Tổng Công ty Phát điện 3, sự phối hợp hiệu quả của Công đoàn cùng với tinh thần đoàn kết, nỗ lực của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã cơ bản hoàn thành các mục tiêu lợi nhuận đề ra. Mặc dù tổng doanh thu đạt 311.926 triệu đồng, tương ứng 70,44% kế hoạch, chịu ảnh hưởng từ việc các tổ máy chủ yếu vận hành ở chế độ dự phòng và phủ đỉnh, Công ty đã chủ động triển khai hiệu quả các giải pháp tiết giảm chi phí và tối ưu vận hành. Nhờ đó, tổng chi phí được kiểm soát ở mức 267.726 triệu đồng, tạo nền tảng giúp lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt đạt 44.200 triệu đồng và 42.571 triệu đồng, vượt xa kế hoạch đề ra và duy trì sự ổn định so với năm trước, qua đó thể hiện rõ hiệu quả trong công tác quản trị cũng như khả năng thích ứng linh hoạt của Công ty trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động.

Đạt 311.926 triệu đồng

**Tổng
doanh thu**

Đạt 44.200 triệu đồng

**Lợi nhuận
trước thuế**

Thuận lợi

- Trong năm 2025, Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao và hỗ trợ hiệu quả từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và Tổng Công ty Phát điện 3 (EVNGENCO3), tạo nền tảng vững chắc để Công ty chủ động vượt qua khó khăn, nâng cao hiệu quả quản trị, tối ưu vận hành và duy trì tăng trưởng ổn định.
- Ngành điện được dự báo duy trì đà tăng trưởng tích cực nhờ nhu cầu tiêu thụ điện năng không ngừng gia tăng, gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và phục hồi kinh tế. Với vai trò là ngành hạ tầng thiết yếu, điện năng tiếp tục giữ vị trí chiến lược trong bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, qua đó mở ra nhiều cơ hội phát triển bền vững cho các đơn vị phát điện, trong đó có Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
- Hiện Công ty vận hành theo cơ chế cung cấp dịch vụ phụ trợ, trong đó giá biến đổi của hợp đồng mua bán điện được xác định trên cơ sở chi phí nhiên liệu thực tế, qua đó hạn chế đáng kể rủi ro biến động giá đầu vào và tạo nền tảng ổn định về doanh thu, lợi nhuận và dòng tiền. Trên cơ sở này, việc chủ động tối ưu vận hành, tiết giảm tiêu hao nhiên liệu và kiểm soát chi phí sản xuất tiếp tục giúp Công ty cải thiện giá vốn và nâng cao hiệu quả sinh lời.
- Bên cạnh đó, Công ty còn sở hữu đội ngũ nhân sự ổn định, giàu kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao, đáp ứng tốt yêu cầu vận hành các tổ máy và triển khai hiệu quả các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Việc đẩy mạnh chuyển đổi số đồng bộ trong quản trị, kỹ thuật – sản xuất và đầu tư xây dựng đã góp phần nâng cao năng suất lao động, tối ưu nguồn lực, tăng cường tính minh bạch và khả năng thích ứng, qua đó củng cố lợi thế cạnh tranh và tạo động lực cho sự phát triển dài hạn của Công ty.

Khó khăn

- Năm 2025, thị trường năng lượng tiếp tục chịu tác động bởi những biến động kinh tế vĩ mô và thương mại toàn cầu, cùng với mặt bằng giá nhiên liệu khí duy trì ở mức cao, ảnh hưởng nhất định đến khả năng cạnh tranh của các nguồn điện khí. Bên cạnh đó, cơ chế vận hành thị trường điện ngày càng hoàn thiện theo hướng cạnh tranh, ưu tiên huy động các nguồn điện có chi phí thấp, khiến nhu cầu huy động các tổ máy của Công ty trong một số thời điểm chưa cao, nhiều tổ máy vận hành ở trạng thái dự phòng, qua đó tác động đến sản lượng điện sản xuất và doanh thu trong kỳ.
- Trong khi nhu cầu tiêu thụ điện của nền kinh tế vẫn duy trì xu hướng tăng trưởng dài hạn, nguồn cung khí nội địa, đặc biệt tại khu vực Đông Nam Bộ, tiếp tục suy giảm do nhiều mỏ khí bước vào giai đoạn suy giảm tự nhiên, làm gia tăng sự phụ thuộc vào nguồn LNG nhập khẩu và đặt ra yêu cầu cao hơn về quản trị chi phí nhiên liệu cũng như tính linh hoạt trong vận hành hệ thống.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị: triệu đồng

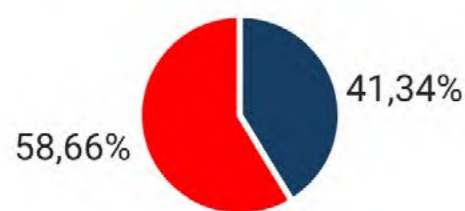
Chỉ tiêu	31/12/2025		31/12/2024		% tăng/giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	473.872	38,88%	525.740	41,34%	-9,87%
Tài sản dài hạn	744.807	61,12%	745.875	58,66%	-0,14%
Tổng tài sản	1.218.679	100,00%	1.271.615	100,00%	-4,16%

Nhận xét

Đặc thù của ngành sản xuất điện đòi hỏi mức đầu tư lớn vào tài sản cố định và hạ tầng kỹ thuật ngay từ giai đoạn đầu, do đó tài sản dài hạn luôn chiếm tỷ trọng chủ đạo trong tổng tài sản của Công ty. Tại ngày 31/12/2025, tổng tài sản của Công ty đạt 1.218.679 triệu đồng, giảm nhẹ 4,16% so với đầu kỳ, chủ yếu đến từ sự điều chỉnh của tài sản ngắn hạn trong bối cảnh Công ty chủ động cơ cấu lại dòng tiền và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

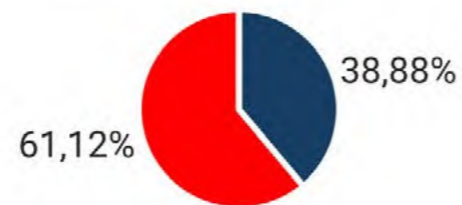
Cụ thể, tài sản ngắn hạn đạt 473.872 triệu đồng, giảm 9,87%, trong đó đầu tư tài chính ngắn hạn giảm từ 200.000 triệu đồng xuống 177.000 triệu đồng (giảm 11,5%). Ở chiều ngược lại, tài sản dài hạn tiếp tục được củng cố và duy trì nền tảng ổn định cho hoạt động sản xuất, đặc biệt các khoản đầu tư tài chính dài hạn tăng 48.964 triệu đồng nhờ gia tăng đầu tư vào công ty liên kết với tổng mức 51.827 triệu đồng. Trong khi đó, tài sản cố định giảm 46.049 triệu đồng chủ yếu do khấu hao theo kế hoạch, phản ánh đặc điểm chu kỳ tài sản của ngành điện, trong khi hệ thống máy móc, thiết bị vẫn được duy trì vận hành an toàn, hiệu quả.

Tỷ trọng tài sản năm 2024



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

Tỷ trọng tài sản năm 2025



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: triệu đồng

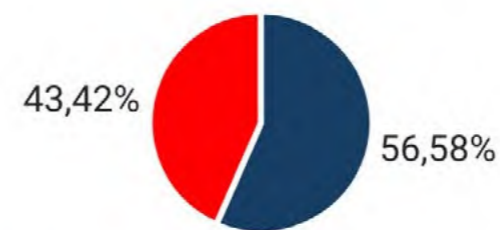
Doanh thu	31/12/2025		31/12/2024		% tăng/giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	94.779	66,66%	117.696	56,58%	-19,47%
Nợ dài hạn	47.404	33,34%	90.311	43,42%	-47,51%
Tổng nợ phải trả	142.184	100,00%	208.007	100,00%	-31,64%

Nhận xét

Tại ngày 31/12/2025, nợ ngắn hạn ghi nhận 94.779 triệu đồng, giảm 22.916 triệu đồng - tương ứng giảm 19,47% so với đầu kỳ. Mức giảm này chủ yếu đến từ việc Công ty đã hoàn tất thanh toán cho Viện Nghiên cứu Cơ khí. Nợ dài hạn giảm mạnh 47,51% do Công ty thực hiện trả nợ gốc đúng hạn đối với khoản vay bằng Won từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam tài trợ cho dự án đuôi hơi 306-2. Dự nợ khoản vay này tiếp tục thu hẹp còn 94.809 triệu đồng (bao gồm cả phần đến hạn trả trong năm), dự kiến sẽ được tất toán hoàn toàn vào cuối năm 2027 theo lộ trình đã cam kết.

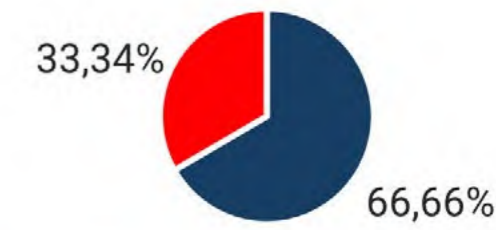
Nhờ đó, tổng nợ phải trả tại thời điểm cuối năm chỉ còn 142.184 triệu đồng, giảm 31,64% so với năm 2024. Việc sụt giảm đáng kể nghĩa vụ nợ trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn được duy trì ổn định đã góp phần cải thiện chất lượng bảng cân đối kế toán, tăng cường mức độ an toàn tài chính và tạo dư địa cho Công ty linh hoạt huy động nguồn lực phục vụ các kế hoạch đầu tư trong giai đoạn tới.

Tỷ trọng nợ năm 2024



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn

Tỷ trọng nợ năm 2025



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, nâng cao tính chuyên môn hóa và hiệu quả phối hợp giữa các đơn vị, qua đó tăng cường năng lực điều hành và khả năng phản ứng linh hoạt trước những biến động của thị trường điện. Với sự quan tâm, chỉ đạo sát sao từ Tổng Công ty Phát điện 3, Công ty đã chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp quản trị và vận hành, hoàn thành tốt nhiệm vụ cung ứng điện an toàn, ổn định cho hệ thống điện quốc gia, đặc biệt trong các giai đoạn cao điểm và mùa khô.

Công tác vận hành sản xuất tiếp tục được xác định là trọng tâm, với mục tiêu đảm bảo an toàn, tin cậy và tối ưu hiệu quả kinh tế. Công ty đẩy mạnh kiểm soát chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mua sắm vật tư – thiết bị, nâng cao hiệu quả bảo dưỡng sửa chữa và khai thác tối đa công suất tổ máy. Song song đó, năng suất lao động cũng được cải thiện thông qua việc bố trí nhân sự hợp lý, tăng cường đào tạo chuyên môn và áp dụng các phương pháp quản lý tiên tiến.

Đặc biệt, chương trình chuyển đổi số tiếp tục được triển khai toàn diện trên các lĩnh vực kỹ thuật, quản lý vật tư, tài chính – kế toán và điều hành sản xuất, giúp chuẩn hóa dữ liệu, minh bạch quy trình và nâng cao chất lượng ra quyết định.

Giải trình của BTGD đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa được chấp thuận toàn phần, do đó Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2026 (*)
1	Tổng sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh	85,00
2	Điện bán (Thương phẩm)	Triệu kWh	82,69
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	432.138
4	Tổng chi phí	Triệu đồng	396.448
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	35.690
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	34.623
7	Cổ tức	%	2,00

(*) Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 dựa trên số liệu hiện tại Công ty lập, số liệu kế hoạch chính thức năm 2026 sẽ thông qua Đại hội đồng cổ đông năm 2026.

Căn cứ để hoàn thành kế hoạch

Để đảm bảo hoàn thành các mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2026, Công ty sẽ tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tối ưu hiệu quả vận hành và nâng cao tính chủ động trong quản trị nguồn lực. Trong bối cảnh nguồn khí nội địa có xu hướng suy giảm, Công ty cần luôn chủ động tìm kiếm và đa dạng hóa các nguồn cung khí bổ sung, xây dựng phương án nhiên liệu linh hoạt nhằm đảm bảo đủ nhiên liệu cho vận hành liên tục, an toàn và ổn định. Đồng thời, công tác theo dõi, giám sát tình hình hoạt động của các đơn vị cũng được thực hiện chặt chẽ, kết hợp chỉ đạo điều hành kịp thời và kiểm soát tiến độ công việc, giúp tối ưu hiệu suất tổ máy và giảm thiểu rủi ro phát sinh.

Bên cạnh đó, việc dự báo sát tình hình hệ thống điện và thị trường điện sẽ tiếp tục được chú trọng, qua đó giúp Công ty chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất phù hợp với xu hướng cung – cầu, tối ưu hóa chi phí và tận dụng hiệu quả cơ hội huy động nguồn điện.

Công ty cũng xác định phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố then chốt, thông qua đẩy mạnh đào tạo chuyên môn, nâng cao kỹ năng vận hành và tăng cường ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý – sản xuất. Việc xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên sâu, giàu kinh nghiệm sẽ tạo nền tảng vững chắc giúp Công ty nâng cao năng suất lao động, thích ứng nhanh với yêu cầu công nghệ mới và củng cố lợi thế cạnh tranh.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường



Hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, Công ty xác định bảo vệ môi trường là nhiệm vụ xuyên suốt song hành với hoạt động sản xuất điện. Bên cạnh việc đảm bảo hiệu suất vận hành và hiệu quả kinh tế, Công ty đặc biệt chú trọng nâng cao ý thức tiết kiệm tài nguyên, chống lãng phí và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về môi trường trong toàn thể cán bộ, công nhân viên.

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp kiểm soát phát thải và giảm thiểu tác động môi trường. Quy trình sản xuất được tối ưu nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng nhiên liệu, giảm tiêu hao năng lượng và hạn chế phát sinh chất thải. Công tác quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện định kỳ, đảm bảo các thông số phát thải luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Song song đó, hoạt động vệ sinh công nghiệp và kiểm soát rủi ro cháy nổ được duy trì thường xuyên tại khu vực sản xuất, hành lang và kho bãi nhằm giữ gìn môi trường làm việc an toàn, sạch sẽ. Công ty cũng định kỳ rà soát, đánh giá các nguy cơ môi trường trong toàn bộ quá trình vận hành để kịp thời có biện pháp phòng ngừa, khắc phục, từng bước xây dựng mô hình nhà máy điện thân thiện với môi trường.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động



Nhằm xây dựng môi trường làm việc an toàn, ổn định và giàu tính gắn kết, các chính sách tiền lương, thưởng và phúc lợi luôn được thực hiện đầy đủ, kịp thời và minh bạch. Người lao động được trang bị bảo hộ lao động, tham gia bảo hiểm tai nạn 24/24, bảo hiểm chăm sóc sức khỏe và khám sức khỏe định kỳ, qua đó đảm bảo an toàn và nâng cao chất lượng đời sống.

Công tác an toàn – vệ sinh lao động cũng được tăng cường thông qua các chương trình đào tạo, tập huấn chuyên môn, kiểm tra và sát hạch định kỳ, giúp nâng cao nhận thức, kỹ năng phòng ngừa tai nạn và bệnh nghề nghiệp. Nhờ đó, môi trường làm việc luôn được duy trì an toàn, hạn chế rủi ro và đảm bảo vận hành sản xuất liên tục, hiệu quả.

Trong năm 2025, Công ty cũng tổ chức nhiều hoạt động thiết thực nhằm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động như hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia phòng, chống thiên tai, chương trình chạy bộ nhân Tháng Công nhân hướng tới Ngày môi trường thế giới 05/6, “Bữa cơm Công đoàn” tri ân người lao động, cùng các khóa huấn luyện phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ. Các hoạt động này không chỉ góp phần nâng cao sức khỏe cho người lao động mà còn giúp nâng cao tinh thần đoàn kết và sự gắn bó lâu dài của CBCNV với Công ty.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Công ty với cộng đồng địa phương



Trong năm 2025, BTP tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động trách nhiệm xã hội với nhiều chương trình thiết thực, hướng đến cộng đồng và địa phương nơi Công ty hoạt động, khẳng định vai trò doanh nghiệp gắn kết và phát triển bền vững cùng xã hội.

Đáng chú ý, Công ty đã tổ chức vận động cán bộ, công nhân viên tham gia hiến máu nhân đạo, triển khai hỗ trợ xây dựng và sửa chữa Nhà Đại đoàn kết cho các hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn phường Long Hương. BTP cũng tích cực chung tay hỗ trợ đồng bào miền Trung – Tây Nguyên bị ảnh hưởng bởi bão lũ thông qua các hoạt động quyên góp, ủng hộ và cử lực lượng tham gia vệ sinh, chỉnh trang cơ sở hạ tầng, hệ thống đường dây điện, cũng như hỗ trợ sửa chữa điện cho trạm y tế, xã phường và các hộ dân khó khăn.

Những hoạt động trên không chỉ góp phần lan tỏa tinh thần sẻ chia, tương thân tương ái mà còn khẳng định cam kết của Công ty trong việc phát triển hài hòa giữa hiệu quả sản xuất kinh doanh và trách nhiệm xã hội, qua đó củng cố hình ảnh doanh nghiệp uy tín, nhân văn và bền vững trong cộng đồng.



04

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

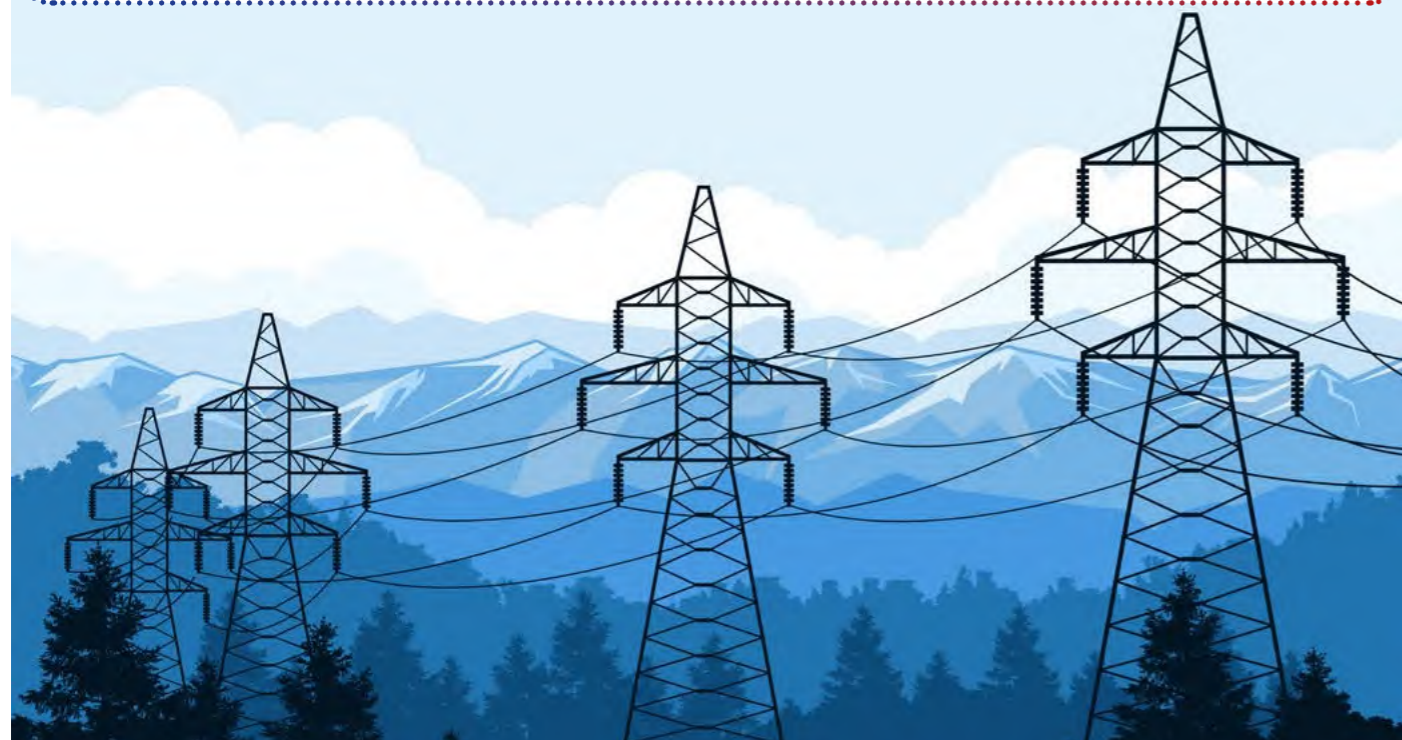
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Về sản xuất kinh doanh

ĐVT: MWh

STT	Các chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2025	% TH 2025/ KH 2025
I	Điện sản xuất	13.712,46	85.000,00	16,13%
1	ĐSX của TBK	10.851,13	55.935,58	19,40%
-	Bảng khí đốt	9.509,32	55.935,58	17,00%
-	Bảng dầu DO	1.341,81	0,00	-
2	ĐSX của TBH	2.861,33	29.064,42	9,84%
-	Đuôi hơi ST9	1.543,93	13.247,10	11,66%
-	Đuôi hơi ST10	1.317,40	15.817,32	8,33%
II	Điện thương phẩm	13.290,61	82.688,93	16,07%

Để đảm bảo tính chính xác và hiệu quả trong thanh toán tiền bán điện, Công ty đã chủ động hoàn thiện đầy đủ hồ sơ, tăng cường kiểm soát và đối chiếu số liệu minh bạch với Công ty Mua bán điện, qua đó đảm bảo thanh toán đúng tiến độ và đúng quy định.



Về công tác tài chính

Công ty đã triển khai công tác quản trị tài chính theo hướng chủ động và thận trọng, lập kế hoạch tài chính chi tiết gắn với từng mục tiêu sản xuất kinh doanh và chiến lược đầu tư dài hạn. Nguồn vốn được phân bổ linh hoạt, ưu tiên cho các hạng mục trọng yếu nhằm tối ưu hiệu quả sử dụng tài sản và nâng cao khả năng sinh lời. Đồng thời, Công ty cũng tăng cường kiểm soát chi phí, tiết giảm các khoản chi chưa cần thiết, đẩy mạnh thực hành tiết kiệm và chống lãng phí, qua đó cải thiện biên lợi nhuận.

Công tác quản lý dòng tiền và công nợ cũng được theo dõi sát sao, đảm bảo thanh khoản an toàn và duy trì nguồn tiền ổn định phục vụ sản xuất liên tục. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên đánh giá hiệu quả các khoản đầu tư, chủ động quản trị rủi ro tài chính và tuân thủ đầy đủ các quy định về công bố thông tin, góp phần củng cố uy tín và niềm tin của cổ đông, đối tác.



Về công tác quản trị



Công ty tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị theo hướng hiện đại, minh bạch và chuyên nghiệp. Hệ thống quy chế, quy trình nội bộ được rà soát, cập nhật và chuẩn hóa nhằm nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các đơn vị, tăng tính kiểm soát và giảm thiểu rủi ro vận hành. Song song đó, Công ty còn đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý sản xuất, tài chính và nhân sự, từng bước số hóa dữ liệu và tự động hóa báo cáo, giúp nâng cao năng suất lao động và hỗ trợ ra quyết định kịp thời, chính xác.

Về đầu tư phát triển nguồn điện mới

Công ty thường xuyên theo dõi, cập nhật tiến độ các dự án nguồn điện đang triển khai và các hạng mục đã hoàn thành nhằm đánh giá hiệu quả đầu tư, rút kinh nghiệm trong công tác quản lý và tối ưu chi phí vận hành. Đồng thời, Công ty cũng chủ động nghiên cứu quy hoạch phát triển điện lực, tìm kiếm và sàng lọc các cơ hội đầu tư tiềm năng, tích cực làm việc với các đối tác để trao đổi, đàm phán và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc tham gia các dự án mới.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Về hoạt động sản xuất, kinh doanh điện năng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2026 (*)
1	Tổng sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh	85,00
2	Điện bán (Thương phẩm)	Triệu kWh	82,69
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	432.138
4	Tổng chi phí	Triệu đồng	396.448
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	35.690
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	34.623
7	Cổ tức	%	2,00

(*) Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 dựa trên số liệu hiện tại Công ty lập, số liệu kế hoạch chính thức năm 2026 sẽ thông qua Đại hội đồng cổ đông năm 2026.

Về quản trị Công ty

Hội đồng quản trị định hướng Công ty tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị theo hướng minh bạch, chuyên nghiệp và tiệm cận các thông lệ quản trị doanh nghiệp tốt, đảm bảo mọi hoạt động tuân thủ nghiêm Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ và quy định pháp luật hiện hành. Công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát tuân thủ được tăng cường nhằm phòng ngừa sớm các rủi ro tài chính, pháp lý và vận hành, qua đó nâng cao tính an toàn và bền vững trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Song song đó, Công ty cần tập trung nâng cao hiệu quả điều hành thông qua tối ưu hóa chi phí, chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dữ liệu, kế hoạch – tài chính và vận hành sản xuất. Việc quản trị nguồn lực cần được thực hiện theo hướng tinh gọn, hiệu quả, góp phần cải thiện năng suất lao động và gia tăng giá trị cho cổ đông.

Trong lĩnh vực tài chính – kế toán, Công ty tiếp tục duy trì kỷ luật tài chính chặt chẽ, đảm bảo quản lý dòng tiền chủ động, thu hồi công nợ kịp thời, cân đối nguồn vốn hợp lý cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển. Đồng thời, HĐQT chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua đào tạo chuyên sâu, bồi dưỡng năng lực quản lý và kỹ thuật, xây dựng đội ngũ nhân sự có tính chuyên nghiệp, sẵn sàng thích ứng với yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

Về đầu tư phát triển nguồn điện mới

Hội đồng quản trị xác định đầu tư nguồn điện mới là định hướng trọng tâm nhằm mở rộng quy mô và tạo động lực tăng trưởng dài hạn cho Công ty. Công ty cần chủ động theo dõi, đánh giá các dự án trong ngành, đồng thời tích cực nghiên cứu, đàm phán với các đối tác tiềm năng để tìm kiếm cơ hội đầu tư hiệu quả, ưu tiên các nguồn điện hiệu suất cao và thân thiện môi trường.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2025, Ban Tổng Giám đốc đã nghiêm túc triển khai và thực hiện đầy đủ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, đảm bảo hoạt động điều hành tuân thủ đúng định hướng chiến lược và mục tiêu phát triển của Công ty, đồng thời bảo vệ tối đa quyền lợi hợp pháp của cổ đông.

BTGD duy trì cơ chế điều hành linh hoạt, chủ động theo dõi sát diễn biến thị trường điện, tình hình cung ứng nhiên liệu và hoạt động sản xuất kinh doanh, qua đó kịp thời đề xuất và triển khai các giải pháp phù hợp nhằm tối ưu hiệu quả vận hành, kiểm soát chi phí và hạn chế rủi ro phát sinh. Công tác chỉ đạo điều độ sản xuất cũng được thực hiện chặt chẽ, giúp đảm bảo các tổ máy vận hành an toàn, ổn định, đáp ứng yêu cầu huy động của hệ thống điện quốc gia.

BTGD đã tăng cường công tác quản trị nội bộ, đẩy mạnh tiết giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động và thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý – vận hành. Việc thường xuyên đánh giá hiệu quả hoạt động của từng đơn vị, nhận diện kịp thời các tồn tại và khai thác tốt các cơ hội phát triển đã giúp Công ty sử dụng hiệu quả nguồn lực, nâng cao hiệu quả đầu tư và cải thiện năng lực cạnh tranh.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành phần và cơ cấu HĐQT

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)		Tỷ lệ sở hữu
			Cá nhân	Đại diện	
1	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	3.200	19.249.423	31,82
2	Ông Lê Văn Huy	TV. HĐQT kiêm TGĐ	-	12.030.889	19,89
3	Ông Trần Lê Trung Hiếu	TV. HĐQT không điều hành	-	4.812.356	7,96
4	Ông Trần Lê Minh	TV độc lập HĐQT	-	-	-
5	Ông Châu Thiên Minh Trí	TV. HĐQT không điều hành	-	12.030.889	19,89

(*) Căn cứ danh sách cổ đông chốt ngày 25/11/2025



Lý lịch HĐQT



ÔNG NGUYỄN TIẾN DŨNG

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo máy, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Nơi sinh: Xã Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 25/11/2025:

Cá nhân: 3.200 cổ phiếu, tỷ lệ: 0,0053% VDL

Đại diện: 19.249.423 cổ phiếu, tỷ lệ 31,82% VDL

Quá trình công tác:

01/1989 – 07/1991	Công tác tại Nhà máy thủy điện Trị An
08/1991 – 11/1992	Công tác tại trạm turbine khí Nhà máy điện Chợ Quán
12/1992 – 12/1995	Tổ trưởng sửa chữa cơ điện nhà máy điện Bà Rịa.
01/1996 – 12/1997	Tổ trưởng sửa chữa cơ thuộc PXSC Cơ Điện nhà máy điện Bà Rịa.
01/1998 – 06/2003	Phó quản đốc phân xưởng sửa chữa cơ.
06/2003 – 02/2008	Quản đốc phân xưởng sửa chữa cơ nhiệt, Công ty Nhiệt điện Bà Rịa.
02/2008 – 09/2010	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
10/2010 – 06/2019	TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
07/2019 – 06/2021	Trưởng ban kỹ thuật sản xuất Tổng Công ty Phát điện 3.
07/2021 – 10/2021	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa.
11/2021 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
06/2025 – nay	Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Lý lịch HĐQT



ÔNG TRẦN LÊ TRUNG HIẾU

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện khí hóa & Cung cấp điện

Nơi sinh: Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chánh văn phòng - TTBV, Tổng Công ty phát điện 3.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 25/11/2025:

Cá nhân: 0 cổ phiếu, tỷ lệ: 0,00% VĐL

Đại diện: 4.812.356 cổ phiếu, tỷ lệ 7,96% VĐL

Quá trình công tác:

03/2000 – 07/2007	Vận hành viên Phân xưởng Vận hành 2, Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ.
07/2007 – 01/2012	Trưởng ca Phân xưởng Vận hành 2, Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ
01/2012 – 01/2013	Tổ trưởng Tổ KT-VP PXVH2, Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ.
01/2013 – 09/2014	Phó Quản đốc PXVH2, Tổng Công ty Phát điện 3.
10/2014 – 04/2016	Phó Chánh văn phòng - TTBV, Tổng Công ty Phát điện 3.
05/2016 – nay	Chánh văn phòng - TTBV, Tổng Công ty phát điện 3
06/2021 – nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.



ÔNG TRẦN LÊ MINH

Thành viên độc lập HĐQT

Năm sinh: 1966

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Th.sĩ Quản trị Kinh doanh

Nơi sinh: Xã Tịnh Ấn Đông, Tỉnh Quảng Ngãi

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 (EVNPECC3)

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 25/11/2025:

Cá nhân: 0 cổ phiếu, tỷ lệ: 0,00% VĐL

Đại diện: 0 cổ phiếu, tỷ lệ: 0,00% VĐL

Quá trình công tác:

01/1990 – 02/2003	Công tác tại Phòng Dự án nguồn, Công ty tư vấn xây dựng điện 3 (EVNPECC3)
12/2003 – 11/2007	Phó phòng, Phòng Dự án nguồn, Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVNPECC3).
12/2007 – 01/2009	Trưởng phòng, Phòng Dự án nguồn, Công ty tư vấn xây dựng điện 3 (EVNPECC3).
02/2009 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 (EVNPECC3).
05/2022 – nay	Thành viên độc lập HĐQT Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa.



ÔNG CHÂU THIÊN MINH TRÍ

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1970

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Nơi sinh: Phường Long Châu, Tỉnh Vĩnh Long

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 25/11/2025:

Cá nhân: 0 cổ phiếu, tỷ lệ: 0,00% VĐL

Đại diện: 12.030.889 cổ phiếu, tỷ lệ 19,89% VĐL

Quá trình công tác:

10/1996 – 03/2003	Nhân viên kế toán - Ban QLDA các NMD Phú Mỹ - BR.
04/1997 – 08/1998	Nhân viên kế toán - Nhà máy điện Phú Mỹ.
09/1998 – 04/1999	Trợ lý TP. Kế toán Nhà máy điện Phú Mỹ.
05/1999 – 05/2007	Phó trưởng phòng KT-TC Nhà máy điện Phú Mỹ
05/2007 – 12/2012	Trưởng phòng Tổng hợp, Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ.
01/2013 – 10/2018	Trưởng Ban ĐT-XD, Tổng Công ty Phát điện 3.
10/2018 – 04/2023	Trưởng Ban QLĐTXD, Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.
08/2020 – 04/2021	Thành viên, Tổ công tác hỗ trợ thử nghiệm, phát điện các tổ máy Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum, Tổng công ty phát điện 3.
04/2021 – 04/2023	Người đại diện, Phó Chủ tịch HĐQT tại Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sesan 3A
04/2023 – nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa.

ÔNG LÊ VĂN HUY

- Xem tại Phần II (Lý lịch Ban Điều hành)

Thành viên HĐQT kiêm TGD

Các tiểu ban thuộc HĐQT

HĐQT Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa thành lập tiểu ban giúp việc cho Hội đồng quản trị là Ban Kiểm toán nội bộ gồm 03 thành viên, do ông Trần Lê Minh – TV độc lập HĐQT làm Trưởng ban.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động Giám sát của HĐQT với BTGD

- Triển khai kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 vào ngày 26/6/2025.
- Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch năm 2025.
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ Báo cáo tài chính năm 2024 và Báo cáo tài chính bán niên năm 2025.
- Giám sát việc thực hiện mục tiêu của Ban Tổng Giám đốc đồng thời có các chỉ đạo, quyết định liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT.
- Tổ chức đi thực tế để kiểm tra tình hình thi công Dự án Thủy điện Si Ma Cai.

Các cuộc họp HĐQT năm 2025

STT	Thành viên	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Tiến Dũng	03/03	100%	
2	Ông Lê Văn Huy	03/03	100%	
3	Ông Trần Lê Trung Hiếu	03/03	100%	
4	Ông Trần Lê Minh	03/03	100%	
5	Ông Châu Thiên Minh Trí	03/03	100%	

Những thay đổi trong HĐQT năm 2025

Trong năm 2025 không có sự thay đổi trong cơ cấu HĐQT.



Danh sách NQ/QĐ của HĐQT năm 2025

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	118/NQ-NĐBR	04/02/2025	Nghị quyết về việc phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương sản xuất khác năm 2024
2	241/NQ-NĐBR	03/03/2025	Nghị quyết về kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của BTP
3	239/NQ-NĐBR	03/03/2025	Nghị quyết về kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn.
4	240/NQ-NĐBR	03/03/2025	Nghị quyết bổ nhiệm lại chức vụ Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn
5	256/NQ-NĐBR	05/03/2025	Nghị quyết về việc thông qua chương trình xây dựng Quy chế quản lý nội bộ của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa năm 2025
6	322/NQ-NĐBR	21/03/2025	Nghị quyết về việc sửa đổi, ban hành Quy định chi trả tiền lương của người lao động
7	352/NQ-NĐBR	28/03/2025	Nghị quyết ban hành Quy chế Công bố thông tin trong Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
8	394/NQ-NĐBR	09/04/2025	Nghị quyết gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
9	398/NQ-NĐBR	09/04/2025	Nghị quyết Thông qua các nội dung tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn
10	412/NQ-NĐBR	14/04/2025	Nghị quyết thông qua các nội dung tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ.
11	436/NQ-NĐBR	15/04/2025	Nghị quyết về việc sắp xếp mô hình tổ chức tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
12	469/NQ-NĐBR	23/04/2025	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị phiên họp thứ 1/2025
13	493/NQ-NĐBR	28/04/2025	Nghị quyết về việc phê duyệt danh mục hồ sơ rủi ro tổng thể và danh mục Hồ sơ rủi ro trọng yếu năm 2025 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
14	535/NQ-NĐBR	15/05/2025	Nghị quyết về việc bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách NQ/QĐ của HĐQT năm 2025

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
15	536/NQ-NĐBR	15/05/2025	Nghị quyết phê duyệt áp dụng quy chế, quy định về công tác đấu thầu sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh trong Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
16	565/NQ-NĐBR	26/05/2025	Nghị quyết gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
17	600/NQ-NĐBR	30/05/2025	Nghị quyết về việc thông qua nhân sự bổ nhiệm trưởng các đơn vị sau khi sáp nhập
18	671/NQ-NĐBR	19/06/2025	Nghị quyết về việc thông qua chủ trương góp vốn bổ sung đầu tư Dự án thủy điện Si Ma Cai
19	674/NQ-NĐBR	19/06/2025	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị phiên họp thứ 2/2025
20	714/NQ-NĐBR	27/06/2025	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
21	723/NQ-NĐBR	30/06/2025	Nghị quyết thông qua các nội dung tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Simacai.
22	935/NQ-NĐBR	20/08/2025	Nghị quyết về việc cho phép vay ngân hàng BIDV bổ sung bù đắp vốn của Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn
23	1197/NQ-NĐBR	03/11/2025	Nghị quyết về việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt
24	1196/NQ-NĐBR	03/11/2025	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị phiên họp thứ 3/2025
25	1225/NQ-NĐBR	10/11/2025	Nghị quyết thông qua các nội dung tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn
26	1309/NQ-NĐBR	24/11/2025	Nghị quyết ban hành quy chế về công tác đấu thầu sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh trong Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
27	1412/NQ-NĐBR	22/12/2025	Nghị quyết dừng nghiên cứu đầu tư dự án nhà máy điện gió Bà Rịa – Buôn Hồ
28	1440/NQ-NĐBR	26/12/2025	Nghị quyết Phê duyệt danh mục hồ sơ rủi ro tổng thể và hồ sơ rủi ro trọng yếu năm 2026 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Hoạt động của TV độc lập HĐQT

Với vai trò là Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị, ông Trần Lê Minh luôn tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, tích cực đóng góp ý kiến với tinh thần khách quan, trách nhiệm và thận trọng. Ông đã có những đóng góp quan trọng, giúp Hội đồng quản trị theo dõi, giám sát và điều hành các hoạt động của Công ty một cách hiệu quả.

Kết quả đánh giá của Thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị:

- HĐQT Công ty đã làm việc với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị, tuân thủ đúng các quy định đối với Công ty đại chúng. Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập kịp thời và thực hiện theo các trình tự quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

- Biên bản cuộc họp luôn được lập một cách đầy đủ, chi tiết, ghi nhận các ý kiến thảo luận, kết quả biểu quyết và quyết định cuối cùng. Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp đều được thông qua theo nguyên tắc đa số, đảm bảo tính dân chủ và minh bạch trong quá trình ra quyết định.

- Bên cạnh việc thực hiện chức năng quản lý và giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc, HĐQT đã tích cực phối hợp chặt chẽ với BĐH nhằm tìm kiếm, đề xuất và triển khai các giải pháp hiệu quả để tháo gỡ những khó khăn trong quá trình hoạt động.

Các TV HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

STT	TV HĐQT	Chức vụ	Tên chứng chỉ
1	Ông Lê Văn Huy	TV HĐQT kiêm TGD	Cán bộ Quản lý cấp 2 của EVN "Lãnh đạo tạo nhân tài" năm 2024

Các TV HĐQT tham gia Chương trình về quản trị Công ty

STT	TV HĐQT	Chức vụ	Tên chứng chỉ
1	Ông Lê Văn Huy	TV HĐQT kiêm TGD	Cán bộ Quản lý cấp 2 của EVN "Lãnh đạo tạo nhân tài" năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Thành phần và cơ cấu BKS

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)		Tỷ lệ sở hữu
			Cá nhân	Đại diện	
1	Bà Trần Thị Bảo Xuân	Trưởng ban	-	-	-
2	Bà Võ Thị Thu Hòa	Thành viên	-	-	-
3	Bà Mai Hương Giang	Thành viên	-	-	-

(*) Căn cứ danh sách cổ đông chốt ngày 25/11/2025

Lý lịch Thành viên BKS



BÀ TRẦN THỊ BẢO XUÂN

Trưởng ban BKS

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán

Nơi sinh: Tỉnh Vĩnh Long

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chuyên viên Ban KTNB & GSTC Tổng Công ty Phát điện 3

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 25/11/2025:

Cá nhân: 0 CP, tỷ lệ: 0,00% VDL

Đại diện: 0 CP, tỷ lệ: 0,00% VDL

Quá trình công tác:

04/2001 – 07/2010	Chuyên viên phòng Tài chính kế toán.
08/2010 – 09/2012	Phó phòng Tài chính kế toán
10/2012 – 12/2012	Trưởng phòng Tài chính kế toán
01/2013 – 12/2025	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
11/2017 – 06/2025	Người công bố thông tin Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
01/2025 – 06/2025	Phụ trách công tác tài chính - kế toán của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
06/2025 – nay	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.



BÀ VÕ THỊ THU HÒA

Thành viên BKS

Năm sinh: 1991

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Ngân hàng

Nơi sinh: Biên Hoà - Đồng Nai

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chuyên viên Ban Tài chính - Kế toán - Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 25/11/2025:

Cá nhân: 0 cổ phiếu, tỷ lệ: 0,00% VDL

Đại diện: 0 cổ phiếu, tỷ lệ: 0,00% VDL

Quá trình công tác:

04/2016 - nay	Ban Tài chính - Kế toán - Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.
01/2022 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.



BÀ MAI HƯƠNG GIANG

Thành viên BKS

Năm sinh: 1983

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Nơi sinh: Xã Đan Hải, Tỉnh Nghệ Tĩnh

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Trưởng ban quản lý đấu thầu, Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng, Tổng công ty phát điện 3

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 25/11/2025:

Cá nhân: 0 cổ phiếu, tỷ lệ: 0,00% VDL

Đại diện: 0 cổ phiếu, tỷ lệ: 0,00% VDL

Quá trình công tác:

6/2006 – 9/2006	Nhân viên Công ty cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng.
02/10/2006 – 31/12/2010	Chuyên viên Đấu thầu - Hợp đồng, Phòng Kế hoạch - Vật tư, Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ.
01/01/2011 – 31/12/2012	Tổ phó Tổ Đấu thầu - Hợp đồng, Phòng Kế hoạch - Vật tư, Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ.
01/01/2013 – 31/12/2015	Phó Trưởng phòng Kế hoạch, Ban Kế hoạch, Tổng Công ty Phát điện 3.
01/01/2016 – 31/07/2017	Phó phòng, Phòng Kế hoạch, Công ty DVSC các Nhà máy điện EVNGENCO3.
01/08/2017 – 30/09/2018	Trưởng Phòng, Phòng Kế hoạch, Công ty DVSC các Nhà máy điện EVNGENCO3.
01/10/2018 – 31/3/2022	Trưởng Phòng, Phòng Kế hoạch - Vật tư, Công ty DVSC các Nhà máy điện EVNGENCO3.
01/4/2022 – 05/7/2024:	Tổ trưởng, Ban Quản lý Đấu thầu, Tổng Công ty Phát điện 3.
06/7/2024 – 30/6/2025	Phó trưởng ban, Ban Quản lý Đấu thầu, Tổng Công ty Phát điện 3.
01/07/2025 – nay	Phó Trưởng ban quản lý đấu thầu, Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng, Tổng Công ty phát điện 3.
26/06/2025 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

BAN KIỂM SOÁT

Rà soát danh sách thay đổi thành viên BKS năm 2025

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày từ nhiệm/ miễn nhiệm
1	Bà Phan Thị Thùy Linh	Trưởng Ban Kiểm Soát		26/06/2025
2	Bà Trần Thị Bảo Xuân	Trưởng Ban Kiểm Soát	26/06/2025	
3	Bà Đỗ Thị Lệ Trân	Thành viên Ban Kiểm Soát		26/06/2025
4	Bà Mai Hương Giang	Thành viên Ban Kiểm Soát	26/06/2025	

Các cuộc họp BKS trong năm 2025

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Phan Thị Thùy Linh	02/03	66,67%	Miễn nhiệm ngày 26/6/2025
2	Bà Trần Thị Bảo Xuân	01/03	33,33%	Tham gia BKS ngày 26/6/2025
3	Bà Đỗ Thị Lệ Trân	02/03	66,67%	Miễn nhiệm ngày 26/6/2025
4	Bà Mai Hương Giang	01/03	33,33%	Tham gia BKS ngày 26/6/2025
5	Bà Võ Thị Thu Hòa	03/03	100%	

Ngoài 03 cuộc họp định kỳ nêu trên, các thành viên Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi, thống nhất, quyết định các nội dung, công việc thuộc chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định.

Nội dung các cuộc họp của BKS

STT	Số biên bản	Ngày	Nội dung
1	207/BB-NĐBR	10/01/2025	Kiểm soát hoạt động SXKD năm 2024
2	532/BB-NĐBR	28/3/2025	Kiểm soát hoạt động SXKD 6 tháng cuối năm 2024, thẩm định BCTC năm 2024.
3	1085/BB-NĐBR	12/9/2025	Kiểm soát hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2025, kế hoạch 6 tháng cuối năm 2025.

Hoạt động của BKS

Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao; Lập kế hoạch kiểm soát năm 2025 và phân công nhiệm vụ cho các thành viên ban kiểm soát; Thường xuyên kiểm tra và theo dõi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát luôn tuân thủ pháp luật, đảm bảo tính chính xác, khách quan, công khai, minh bạch và kịp thời.

Ban Kiểm soát đã tổ chức họp 03 kỳ vào tháng 01; tháng 03 và tháng 09/2025.

Nội dung chính trong các kỳ họp:

- + Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị.
- + Kiểm soát về công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
- + Kiểm tra, xác định độ tin cậy của báo cáo tài chính. Phân tích và đánh giá các chỉ tiêu tài chính.
- + Thẩm tra tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 bao gồm: Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và mục tiêu nhiệm vụ năm 2025 của Hội đồng quản trị; Tờ trình thông qua kết quả SXKD năm 2024, kế hoạch SXKD năm 2025 của Ban Tổng Giám đốc; Báo cáo tài chính sau kiểm toán và các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty. Đề xuất lựa chọn Công ty Kiểm toán năm 2025.
- + Thẩm tra kế hoạch/ quyết toán quỹ tiền lương của Công ty; Thẩm định các báo cáo tài chính đã được kiểm toán.
- + Tổ chức họp bầu Trưởng ban kiểm soát làm việc chuyên trách nhiệm kỳ 2022-2027.

Giám sát Công ty trong việc công bố thông tin theo quy định.

Tổ chức họp sơ kết/tổng kết đánh giá công tác kiểm soát năm 2025.

Kết thúc kỳ kiểm tra, Ban Kiểm soát đều lập báo cáo kiểm tra, giám sát đối với tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và gửi tới các cổ đông thông qua trang web, tài liệu Đại hội đồng cổ đông của Công ty và gửi Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD VÀ BKS

Danh sách các bên liên quan

STT	Mối quan hệ	Mối quan hệ
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")	Công ty mẹ cấp cao nhất
2	Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần	Công ty mẹ
3	Công ty Mua bán điện EVN	Chi nhánh của Công ty mẹ cấp cao nhất
4	Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin	Chi nhánh của Công ty mẹ cấp cao nhất
5	Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
6	Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
7	Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện	Chi nhánh của Công ty mẹ
8	Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Công ty liên kết
9	Công ty cổ phần Simacai	Công ty liên kết
10	Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	Bên liên quan khác
11	Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Bên liên quan khác
12	Công ty CP Tư Vấn Xây dựng Điện 3	Bên liên quan khác
13	Trường Cao Đẳng Điện Lực Tp.HCM	Bên liên quan khác
14	Công ty Điện Lực Bà Rịa Vũng Tàu	Bên liên quan khác
15	Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH - Công Ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam	Bên liên quan khác
16	Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	Bên liên quan khác
17	Các ông/bà thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Người nội bộ

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

ĐVT: đồng

STT	Bên liên quan	Năm 2025	Năm 2024
-----	---------------	----------	----------

Doanh thu bán điện

1	Công ty Mua bán điện EVN	260.999.671.162	350.731.173.313
---	--------------------------	-----------------	-----------------

Doanh thu khác

1	Công ty Điện Lực Bà Rịa Vũng Tàu	-	11.476.473
---	----------------------------------	---	------------

Mua hàng

1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	11.910.662.848	11.305.189.787
2	Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH - Công Ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam	154.058.473	353.201.048
3	Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin	372.181.407	372.181.407
4	Trường Cao Đẳng Điện Lực Tp.HCM	71.627.778	21.404.630
5	Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	-	36.386.000
6	Công ty Điện Lực Bà Rịa Vũng Tàu	402.429	90.450

Chi phí lãi vay

1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	2.790.993.156	3.848.485.438
---	----------------------------------	---------------	---------------

Trả nợ gốc vay

1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	43.393.580.954	43.868.373.950
---	----------------------------------	----------------	----------------

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD VÀ BKS

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

ĐVT: đồng

STT	Bên liên quan	Năm 2025	Năm 2024
Lãi vay đã trả			
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	2.904.833.523	4.016.622.133
Chia cổ tức			
1	Tổng công ty phát điện 3 - Công ty cổ phần	15.880.773.810	134.360.971.144
2	Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	221.100.000	1.870.640.000
3	Cổ đông khác	3.858.374.190	32.644.184.056
Góp vốn			
1	Công ty cổ phần Simacai	51.827.040.000	-
Thu nhập cổ tức			
1	Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	1.000.000.000	10.020.000.000
2	Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	25.069.575.000	16.713.050.000
3	Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	2.069.665.400	18.109.572.250
4	Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ	7.500.000.000	-

Số dư với các bên liên quan

ĐVT: đồng

STT	Bên liên quan	Năm 2025	Năm 2024
Phải thu ngân hàng của khách hàng			
1	Công ty Mua bán điện EVN	49.329.143.646	45.942.493.498
Phải thu từ cổ tức được chia			
1	Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	-	3.000.000.000
2	Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	-	10.348.327.000
3	Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	8.356.525.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn			
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	1.042.738.270	953.444.746
2	Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH - Công Ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam	-	37.270.454
3	Công ty Điện Lực Vũng Tàu	25.831	-
Chi phí phải trả ngắn hạn			
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	265.464.259	379.304.627
2	Cổ đông khác	-	149.290.090

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD VÀ BKS

Số dư với các bên liên quan

Đơn vị tính: Đồng

STT	Bên liên quan	Năm 2025	Năm 2024
Phải trả ngắn hạn khác			
1	Cổ đông khác	7.434.600.677	7.378.097.007
Vay dài hạn đến hạn trả			
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")	47.404.332.318	45.155.312.862
Vay dài hạn			
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")	47.404.332.131	90.310.625.546

Giao dịch giữa người nội bộ Công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với Công ty con, Công ty do Công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát: Không có.

Giao dịch giữa Công ty với công ty mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không có.

Giao dịch giữa Công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành: Không có.

Các giao dịch khác của Công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành: Không có.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD VÀ BKS

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với Công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (Nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty Mua bán điện	Chi nhánh của Công ty mẹ cấp cao nhất		Số 11 phố Cửa Bắc Phường Ba Đình TP Hà Nội, Việt Nam	Năm 2025		260.999.671.162	Doanh thu bán điện (Chưa VAT)
							49.329.143.646	Phải thu tiền điện của khách hàng (Đã bao gồm VAT)
2	Tập Đoàn điện lực VN (EVN)	Công ty mẹ cấp cao nhất (ĐV cấp 1)		Số 11 phố Cửa Bắc Phường Ba Đình TP Hà Nội, Việt Nam	Năm 2025	Nghị Quyết ĐHĐCĐ số: 714/NQ-NĐBR ngày 27/6/2025	1.042.738.270	Phải trả người bán ngắn hạn (Mua điện)
							265.464.259	Chi phí phải trả ngắn hạn
							11.910.662.848	Chi phí sản xuất điện (Mua điện)
							2.790.993.156	Chi phí lãi vay
							47.404.332.318	Vay dài hạn đến hạn trả
							47.404.332.131	Vay dài hạn
							2.904.833.523	Lãi vay đã trả
43.393.580.954	Nợ gốc vay đã trả							

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD VÀ BKS

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với Công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (Nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
3	Công ty Điện lực Vũng Tàu (Cũ: Công ty Điện lực Bà Rịa - Vũng Tàu)	Bên liên quan khác	Số 60 Trần Hưng Đạo, Phường Vũng Tàu, TP Hồ Chí Minh		Năm 2025		25.831	Phải trả người bán ngắn hạn (Mua điện cho trạm bơm PCCC)
							6.360.056	Doanh thu nước Powerful (Chưa VAT)
							402.429	Chi phí điện trạm bơm phòng cháy chữa cháy (Mua điện)
4	Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH - Công Ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam	Bên liên quan khác		22 Bis Phan Đăng Lưu, Phường Gia Định, TP.Hồ Chí Minh	Năm 2025		154.058.473	Chi phí thí nghiệm mẫu dầu máy biến thế
5	Trường cao đẳng Điện lực Hồ Chí Minh	Bên liên quan khác		554 Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, TP Hồ Chí Minh	Năm 2025		71.627.778	Chi phí đào tạo và chi phí dịch vụ ký túc xá
6	Công ty viễn thông điện lực và công nghệ thông tin	Bên liên quan khác		Số 11, phố Cửa Bắc, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội	Năm 2025		372.181.407	Chi phí dịch vụ bảo trì phần mềm
7	Tổng Công ty Phát điện 3 -CTCP	Công ty mẹ		Số 60 -66 Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phur ở ng An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	Năm 2025		15.880.773.810	Chia cổ tức
8	Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại	Bên liên quan khác		Km 28 quốc lộ 18, Phường Chí Linh, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Năm 2025		221.100.000	Chia cổ tức

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD VÀ BKS

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với Công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (Nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
9	Công ty cổ phần Simacai	Công ty liên kết		Lô 68, Khu Tái định cư đường D3, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai	Năm 2025		51.827.040.000	Đầu tư góp vốn
10	Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Công ty thành viên cùng Tập đoàn		Tổ dân phố 6, Phường Nam Triệu, TP Hải Phòng	Năm 2025		1.000.000.000	Thu nhập cổ tức
11	Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Công ty thành viên cùng Tập đoàn		Tổ 33, khu phố Hà Khánh 5, Phường Cao Xanh, Tỉnh Quảng Ninh	Năm 2025		2.069.665.400	Thu nhập cổ tức
12	Công ty cổ phần Thủy điện Buôn đôn	Công ty liên kết		23/2 Thủ Khoa Huân - Phường Thành Nhất – tỉnh DakLak	Năm 2025		25.069.575.000	Thu nhập cổ tức
							8.356.525.000	Phải thu cổ tức

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD VÀ BKS

Lương, thưởng, các khoản thù lao, lợi ích khác

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2025	Năm 2024
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1	Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch	779.486.000	493.689.000
2	Châu Thiên Minh Trí	Thành viên	633.772.000	423.736.000
3	Trần Lê Trung Hiếu	Thành viên	115.799.000	72.348.000
4	Trần Lê Minh	Thành viên	115.799.000	72.348.000
BAN ĐIỀU HÀNH				
1	Lê Văn Huy	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT	774.888.000	477.596.000
2	Võ Nhu	Phó TGD	621.865.000	430.168.000
3	Phan Thị Thùy Linh	Kế toán trưởng	601.079.000	394.940.000
BAN KIỂM SOÁT				
1	Trần Thị Bảo Xuân	Trưởng ban	595.549.000	441.402.000
2	Đỗ Thị Lệ Trân	Thành viên	37.542.000	66.048.000
3	Võ Thị Thu Hòa	Thành viên	115.799.000	66.048.000
4	Mai Hương Giang	Thành viên	78.257.000	-
Tổng cộng			4.469.835.000	2.938.323.000

Đánh giá việc thực hiện các quy định về Quản trị Công ty

Trong năm 2025, BTP tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, đặc biệt là các quy định áp dụng đối với công ty đại chúng và công ty niêm yết. Các hoạt động quản trị được triển khai đồng bộ, bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng quy trình theo Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ, qua đó phát huy hiệu quả vai trò đại diện quyền lợi của cổ đông và tăng cường tính minh bạch trong công tác điều hành.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ trong công tác giám sát, ra quyết định và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty diễn ra an toàn, hiệu quả và phù hợp với định hướng chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro tiếp tục được củng cố, góp phần nâng cao năng lực quản lý, phòng ngừa rủi ro và sử dụng nguồn lực một cách tối ưu.

BTP nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định, đảm bảo đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn, đồng thời tăng cường minh bạch hóa thông tin thông qua website của Công ty, tạo điều kiện để cổ đông và nhà đầu tư tiếp cận thông tin kịp thời. Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đúng quy định, quyền lợi cổ đông, bao gồm quyền biểu quyết, tiếp cận thông tin và chi trả cổ tức, luôn được đảm bảo.



06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tiên Dũng	Chủ tịch
Ông Lê Văn Huy	Thành viên
Ông Trần Lê Trung Hiếu	Thành viên
Ông Trần Lê Minh	Thành viên
Ông Châu Thiên Minh Trí	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Huy	Tổng Giám đốc
Ông Võ Nhu	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Bảo Xuân	Trưởng Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025)
Bà Phan Thị Thùy Linh	Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025)
Bà Đỗ Thị Lệ Trân	Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025)
Bà Võ Thị Thu Hòa	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Mai Hương Giang	Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
 M.S.D.N: 350701305-C.T.C.P.
 P. LONG THÀNH, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG THÁP
 Lê Văn Huy
 Tổng Giám đốc
 Ngày 31 tháng 3 năm 2026

35
 CÔNG
 CỔ
 PHẦN
 NHIỆT
 ĐIỆN
 BÀ RỊA
 VŨNG THÁP

1250
 CÔNG
 TY CỔ
 PHẦN
 NHIỆT
 ĐIỆN
 BÀ RỊA
 VŨNG THÁP

07
 CÔNG
 CỔ
 PHẦN
 NHIỆT
 ĐIỆN
 BÀ RỊA
 VŨNG THÁP

1250
 CÔNG
 TY CỔ
 PHẦN
 NHIỆT
 ĐIỆN
 BÀ RỊA
 VŨNG THÁP



Số: VN1A-HN-BC

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam
Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza
16 Láng Hạ, Phường Giàng Võ
Thành phố Hà Nội
Việt Nam
Điện thoại: +84 24 710 50000
www.deloitte.com/vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2026, từ trang 04 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0733-2023-001-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 31 tháng 3 năm 2026
Hà Nội, Việt Nam

Ưng Hồng Diễm An
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 4132-2022-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		473.871.649.773	525.740.129.339
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	86.491.651.982	89.293.046.945
1. Tiền	111		2.691.651.982	1.293.046.945
2. Các khoản tương đương tiền	112		83.800.000.000	88.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		177.000.000.000	200.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	177.000.000.000	200.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		60.490.004.071	64.499.354.142
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	49.371.453.610	48.639.089.087
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		24.750.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	11.093.800.461	15.860.265.055
IV. Hàng tồn kho	140		140.264.126.543	151.006.330.357
1. Hàng tồn kho	141	9	140.264.126.543	151.006.330.357
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.625.867.177	20.941.397.895
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		747.185.038	801.898.734
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	12.463.860.379
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	8.878.682.139	7.675.638.782
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		744.807.002.369	745.874.584.045
I. Tài sản cố định	220		185.868.694.256	231.917.253.474
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	184.879.869.681	230.312.711.275
- Nguyên giá	222		2.782.977.132.802	2.777.120.535.697
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.598.097.263.121)	(2.546.807.824.422)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	988.824.575	1.604.542.199
- Nguyên giá	228		7.373.139.309	7.373.139.309
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.384.314.734)	(5.768.597.110)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.989.959.183
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.989.959.183
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	496.214.634.467	447.250.927.800
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		225.577.040.000	173.750.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		273.500.927.800	273.500.927.800
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.863.333.333)	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		62.723.673.646	64.716.443.588
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	522.167.714	4.285.163.638
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	14	62.201.505.932	60.431.279.950
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.218.678.652.142	1.271.614.713.384

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Deloitte là tên gọi dùng để chỉ Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL"), hoặc mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu, và các đơn vị liên quan của các hãng thành viên (gọi chung là "Tổ chức Deloitte"). DTTL (hay còn gọi là "Deloitte Toàn cầu") và mỗi hãng thành viên cũng như các đơn vị liên quan là các pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không chịu trách nhiệm hoặc bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi hãng thành viên cũng như các đơn vị liên quan chỉ chịu trách nhiệm cho các hành vi và thiếu sót của riêng mình, không chịu trách nhiệm cho hành vi hoặc thiếu sót của các bên còn lại. DTTL không cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Vui lòng truy cập www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã Thuyết số minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	142.183.725.521	208.006.341.219
I. Nợ ngắn hạn	310	94.779.393.390	117.695.715.673
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 15	9.155.047.945	39.059.457.584
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 10	174.922.717	-
3. Phải trả người lao động	314	22.518.839.420	15.282.449.011
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	417.765.202	628.594.717
5. Phải trả ngắn hạn khác	319 16	8.861.526.761	9.428.759.810
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320 17	47.404.332.318	45.155.312.862
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322 18	6.246.959.027	8.141.141.689
II. Nợ dài hạn	330	47.404.332.131	90.310.625.546
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338 17	47.404.332.131	90.310.625.546
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	1.076.494.926.621	1.063.608.372.165
I. Vốn chủ sở hữu	410 19	1.076.494.926.621	1.063.608.372.165
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	604.856.000.000	604.856.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	7.560.228.689	7.560.228.689
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	156.891.397.324	144.046.421.501
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	19.793.897.715	19.793.897.715
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	287.393.402.893	287.351.824.260
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	244.822.600.437	244.535.238.182
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	42.570.802.456	42.816.586.078
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	1.218.678.652.142	1.271.614.713.384

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 22	263.278.406.910	357.406.763.322
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	263.278.406.910	357.406.763.322
3. Giá vốn hàng bán	11 23	216.162.103.773	343.887.575.072
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	47.116.303.137	13.519.188.250
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21 24	48.382.570.082	74.353.344.239
6. Chi phí tài chính	22 25	10.152.365.392	3.975.315.574
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	2.790.993.156	3.975.315.574
7. Chi phí bán hàng	25	17.691.211	13.023.801
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 27	39.200.862.496	39.934.950.216
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30	46.127.954.120	43.949.242.898
10. Thu nhập khác	31	264.926.104	197.229.199
11. Chi phí khác	32	2.193.250.625	1.329.886.019
12. (Lỗ) khác (40=31-32)	40	(1.928.324.521)	(1.132.656.820)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	44.199.629.599	42.816.586.078
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51 28	1.628.827.143	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60	42.570.802.456	42.816.586.078
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 29	704	547

Trần Tuyết Loan
 Người lập biểu

Phan Thị Thùy Linh
 Kế toán trưởng

Lê Văn Huy
 Tổng Giám đốc
 Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Trần Tuyết Loan
 Người lập biểu

Phan Thị Thùy Linh
 Kế toán trưởng

Lê Văn Huy
 Tổng Giám đốc
 Ngày 31 tháng 3 năm 2026



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	44.199.629.599	42.816.586.078
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	53.702.592.180	54.430.811.414
Các khoản dự phòng	03	2.863.333.333	-
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.498.038.903	(11.170.129.952)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(44.708.414.566)	(56.843.611.926)
Chi phí lãi vay	06	2.790.993.156	3.975.315.574
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	63.346.172.605	33.208.971.188
Thay đổi các khoản phải thu	09	9.358.855.485	11.120.252.314
Thay đổi hàng tồn kho	10	8.971.977.832	15.753.726.211
Thay đổi các khoản phải trả	11	(24.975.554.288)	35.186.921.364
Thay đổi chi phí trả trước	12	3.817.709.620	5.611.026.395
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.904.833.523)	(4.143.452.269)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16	39.892.000	89.500.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(11.658.074.662)	(11.791.729.110)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	45.996.145.069	85.035.216.093
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(7.654.032.962)	(308.518.519)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	77.535.575	45.455
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(322.000.000.000)	(335.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	345.000.000.000	390.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(51.827.040.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	50.903.322.639	67.506.400.533
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	14.499.785.252	122.197.927.469
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(43.393.580.954)	(43.868.373.950)
2. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(19.903.744.330)	(196.884.024.933)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(63.297.325.284)	(240.752.398.883)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(2.801.394.963)	(33.519.255.321)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	89.293.046.945	122.812.302.266
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	86.491.651.982	89.293.046.945

07
 VC
 PH
 T
 R
 TP

01
 TY
 +
 DAN
 TTE
 AM
 HA



Trần Tuyết Loan
 Người lập biểu
 Phan Thị Thùy Linh
 Kế toán trưởng
 Lê Văn Huy
 Tổng Giám đốc
 Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500701305 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 7 ngày 18 tháng 8 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch trên sàn chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 143/QĐ-SGDHCM ngày 17 tháng 7 năm 2009 với mã giao dịch cổ phiếu là “BTP”.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 226 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 235 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng. Ngoài ra, Công ty có hoạt động cung cấp dịch vụ quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện và kinh doanh nước uống đóng chai.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tên công ty	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
-------------	----------------------------------	---------------------	----------------------------------	-----------------

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	25	25	Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng; quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy công, kiến trúc của nhà máy thủy điện
Công ty Cổ phần Simacai	Tỉnh Lào Cai, Việt Nam	36	36	Sản xuất điện

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước),
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200, và
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm kế toán.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu và các chi phí liên quan trực tiếp phát sinh, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 – 30
Máy móc, thiết bị	05 – 14
Phương tiện vận tải	05 – 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10
Khác	05 – 10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng, phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện khoản phí bảo hiểm, công cụ, dụng cụ và các chi phí trả trước khác, có thời hạn phân bổ trong vòng một năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Công ty hiện đang phát điện theo hình thức dịch vụ phụ trợ sản lượng điện huy động theo lệnh điều độ của Trung tâm điều độ Hệ thống điện quốc gia và phù hợp với Quy định hệ thống điện truyền tải do Bộ Công thương ban hành. Doanh thu bán điện được tính theo Hợp đồng Cung cấp dịch vụ phụ trợ Nhà máy điện Bà Rịa số 01/2020/DVPT-BTP-EVN ngày 29 tháng 6 năm 2020 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung.

Doanh thu điện được ghi nhận hàng tháng bao gồm doanh thu theo giá cố định; doanh thu theo giá biến đổi và doanh thu khởi động bằng dầu DO.

Trong đó:

- Doanh thu theo giá cố định được xác định dựa trên Công suất khả dụng công bố. Hệ số khả dụng thực hiện và đơn giá cố định.

C O N T I N U E

500
C O N T I N U E

C O N T I N U E



- Doanh thu theo giá biến đổi bao gồm doanh thu theo giá biến đổi khí và doanh thu theo giá biến đổi đầu DO; được xác định dựa trên suất hao nhiên liệu (đầu DO, khí) được quy định trong hợp đồng mua bán điện nhân với giá khí thực tế đối với khí và giá xuất bình quân gia quyền đối với nhiên liệu đầu DO và tổng sản lượng điện phát được đo đếm tại 0h00 ngày 01 hàng tháng.
- Doanh thu điện khởi động bằng dầu DO được xác định dựa trên giá khởi động bằng nhiên liệu đầu DO và số lần khởi động của các tổ máy trong tháng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	350.785.705	3.613.119
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.340.866.277	1.289.433.826
Các khoản tương đương tiền (*)	83.800.000.000	88.000.000.000
	86.491.651.982	89.293.046.945

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng bằng đồng Việt Nam và hưởng lãi suất là 3,5%/năm đến 4,75% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 3,5%/năm).

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	177.000.000.000	200.000.000.000

(*) Số dư này phản ánh các khoản tiền có kỳ hạn với thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 12 tháng bằng đồng Việt Nam và hưởng lãi suất là 4,3% đến 5,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 3,5% đến 4,3%/năm).

13
TY
ÁN
ĐIỆ
IA
HỒ

112
C
N
T
I
E
M
H
P

b. Đầu tư vào công ty liên kết và góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (**)	25	83.750.000.000	372.366.754.000	83.750.000.000	370.584.028.667
Công ty Cổ phần Simacai	36	141.827.040.000	(*)	90.000.000.000	(*)
		225.577.040.000		173.750.000.000	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (**)	2	108.730.000.000	105.866.666.667	108.730.000.000	130.700.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (**)	2,5	114.770.927.800	131.354.764.053	114.770.927.800	145.773.433.007
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	8,09	50.000.000.000	(*)	50.000.000.000	(*)
		273.500.927.800		273.500.927.800	

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Simacai và Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Giá trị hợp lý của các cổ phiếu này được xác định bằng cách tham khảo giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính được công bố trên sàn giao dịch của những công ty đại chúng chưa niêm yết ("Upcom").

15



5 H
T T
H
T Y
30-12

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên thứ ba	42.309.964	2.696.595.589
Các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 30)	49.329.143.646	45.942.493.498
	49.371.453.610	48.639.089.087

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức được chia (Chi tiết tại Thuyết minh số 30)	8.356.525.000	13.348.327.000
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	2.653.972.329	1.944.654.794
Ký quỹ, ký cược	-	146.880.000
Khác	83.303.132	420.403.261
	11.093.800.461	15.860.265.055

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên liệu, vật liệu	140.152.091.134	150.941.395.344
Công cụ, dụng cụ	17.032.397	20.828.138
Thành phẩm	95.003.012	44.106.875
	140.264.126.543	151.006.330.357

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho nào cần phải trích lập.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Phải Thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.181.184.585	1.628.827.143	-	5.552.357.442
Thuế thu nhập cá nhân	494.454.197	1.643.575.495	(2.596.670.295)	1.447.548.997
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.747.745.912	(4.626.521.612)	1.878.775.700
Các khoản phí, lệ phí và thuế khác	-	107.376.098	(107.376.098)	-
Tổng cộng	7.675.638.782	6.127.524.648	(7.330.568.005)	8.878.682.139
b. Phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	170.975.715	-	170.975.715
Các khoản phí, lệ phí và thuế khác	-	3.947.883	(881)	3.947.002
Tổng cộng	-	174.923.598	(881)	174.922.717

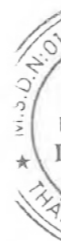
15/12/2025



	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	99.295.749.307	2.598.471.941.242	33.018.581.589	45.384.108.769	950.154.790	2.777.120.535.697
Mua sắm mới	1.164.409.258	6.250.000.000	-	239.623.704	-	7.654.032.962
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.655.945.857)	(141.490.000)	-	(1.797.435.857)
Số dư cuối năm	100.460.158.565	2.604.721.941.242	31.362.635.732	45.482.242.473	950.154.790	2.782.977.132.802
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	87.530.691.220	2.381.635.559.585	31.928.566.108	44.803.602.719	909.404.790	2.546.807.824.422
Trích khấu hao	2.386.381.408	50.053.805.962	350.669.549	278.017.637	18.000.000	53.086.874.556
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.655.945.857)	(141.490.000)	-	(1.797.435.857)
Số dư cuối năm	89.917.072.628	2.431.689.365.547	30.623.289.800	44.940.130.356	927.404.790	2.598.097.263.121
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	11.765.058.087	216.836.381.657	1.090.015.481	580.506.050	40.750.000	230.312.711.275
Tại ngày cuối năm	10.543.085.937	173.032.575.695	739.345.932	542.112.117	22.750.000	184.879.869.681

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 2.231.614.745.970 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2.202.828.355.617 đồng).

17



12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm và cuối năm	3.011.117.583	4.362.021.726	7.373.139.309
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	3.011.117.583	2.757.479.527	5.768.597.110
Trích khấu hao	-	615.717.624	615.717.624
Số dư cuối năm	3.011.117.583	3.373.197.151	6.384.314.734
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	-	1.604.542.199	1.604.542.199
Tại ngày cuối năm	-	988.824.575	988.824.575

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 4.859.642.838 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 3.757.651.929 đồng).

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí thuê chuyên gia đánh giá lò hơi	-	3.787.043.361
Công cụ dụng cụ	522.167.714	498.120.277
	522.167.714	4.285.163.638

14. THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá) của thiết bị, vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba	8.112.283.844	38.068.742.384
Viện nghiên cứu cơ khí	-	31.500.900.000
Chi nhánh Kinh doanh LNG - Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	7.605.065.755	5.201.024.862
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hàng hải Dầu khí	507.218.089	-
Khác	-	1.366.817.522
b. Các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	1.042.764.101	990.715.200
	9.155.047.945	39.059.457.584

Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư các khoản phải trả người bán ngắn hạn.

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả (Thuyết minh số 30)	7.434.600.677	7.378.097.007
Nhận kỳ quỹ, ký cược	108.093.328	133.145.206
Khác	1.318.832.756	1.917.517.597
	8.861.526.761	9.428.759.810

CH
NAM
TOÀI
H
TY
00-

2

17. CÁC KHOẢN VAY

	Phát sinh trong năm				Số cuối năm VND
	Số đầu năm VND	Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	
a. Vay dài hạn đến hạn trả					
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (*)	45.155.312.862	45.155.312.861	45.155.312.862	2.249.019.457	47.404.332.318
Tổng vay và nợ ngắn hạn	45.155.312.862	45.155.312.861	45.155.312.862	2.249.019.457	47.404.332.318
b. Vay dài hạn					
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (*)	90.310.625.546	-	45.155.312.861	2.249.019.446	47.404.332.131
Tổng vay dài hạn	90.310.625.546	-	45.155.312.861	2.249.019.446	47.404.332.131

(*) Vay dài hạn thể hiện số dư của khoản vay bằng Won với Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Hợp đồng cho vay lại số 2015/ENV-BARIA/EDCF ngày 01 tháng 9 năm 2015, kế thừa từ Hợp đồng vốn ODA số 21/TNDN ngày 20 tháng 12 năm 2004 giữa Chi nhánh Quý Hồ trợ Phát triển Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Bà Rịa – Vũng Tàu) và Nhà máy Điện Bà Rịa (nay là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa) với tổng hạn mức là 49.987.210.130 Won. Khoản vay này có nguồn gốc từ nguồn vốn vay Quỹ hợp tác phát triển kinh tế Hàn Quốc – EDCF cho mục đích thực hiện dự án duỗi hơi 306-2 Nhà máy Điện Bà Rịa. Khoản vay này có thời hạn vay là 13 năm với lãi suất là 2,4%/năm.

Số dư của khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 tương đương 4.997.821.004 Won, sẽ được hoàn trả trong 4 kỳ nửa năm với số tiền thanh toán mỗi kỳ là 1.249.455.253,5 Won và lần thanh toán cuối cùng là ngày 20 tháng 11 năm 2027.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

T. T. T. T. H
NỘI

Các khoản vay dài hạn dự kiến được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	47.404.332.318	45.155.312.862
Trong năm thứ hai	47.404.332.131	45.155.312.862
Từ năm thứ ba đến năm thứ tư	-	45.155.312.684
	94.808.664.449	135.465.938.408
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	47.404.332.318	45.155.312.862
Số phải trả sau 12 tháng	47.404.332.131	90.310.625.546

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Quỹ khen thưởng	4.136.885.074	4.314.131.074
Quỹ phúc lợi	1.904.346.987	3.525.675.444
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	205.726.966	301.335.171
	6.246.959.027	8.141.141.689

Thay đổi trong Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	8.141.141.689	7.518.006.799
Trích quỹ từ lợi nhuận	9.724.000.000	12.312.944.000
Tặng khác	39.892.000	101.920.000
Sử dụng trong năm	(11.658.074.662)	(11.791.729.110)
Số dư cuối năm	6.246.959.027	8.141.141.689

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Số lượng cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành	60.485.600	60.485.600

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng. Công ty chỉ có một loại cổ phiếu phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ 1 quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 604.856.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 604.856.000.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tại ngày đầu năm và cuối năm	
	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	48.123.557	79,56
Các cổ đông khác	12.362.043	20,44
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	60.485.600	100

35
CỔ
CỔ
PH
T
B

M.S.D.N.V
THA

07
M
PH
T
B

2011
CÓN
T
KIẾM
EL
VIỆT
/H P

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	604.856.000.000	7.560.228.689	122.500.000.000	19.793.897.715	447.270.398.883	1.201.980.525.287
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	42.816.586.078	42.816.586.078
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(12.312.944.000)	(12.312.944.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	21.546.421.501	-	(21.546.421.501)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(168.875.795.200)	(168.875.795.200)
Số dư cuối năm trước	604.856.000.000	7.560.228.689	144.046.421.501	19.793.897.715	287.351.824.260	1.063.608.372.165
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	42.570.802.456	42.570.802.456
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(9.724.000.000)	(9.724.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	12.844.975.823	-	(12.844.975.823)	-
Chí trả cổ tức (**)	-	-	-	-	(19.960.248.000)	(19.960.248.000)
Số dư cuối năm này	604.856.000.000	7.560.228.689	156.891.397.324	19.793.897.715	287.393.402.893	1.076.494.926.621

(*) Căn cứ theo Nghị quyết số 714/NQ-NĐBR của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27 tháng 6 năm 2025, Công ty tiến hành trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 9.517.000.000 đồng, Quỹ thưởng ban điều hành 207.000.000 đồng và Quỹ đầu tư phát triển 12.844.975.823 đồng từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024.

(**) Căn cứ theo Nghị quyết số 1197/NQ-NĐBR của Hội đồng Quản trị ngày 3 tháng 11 năm 2025, Công ty đã tiến hành chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông với tổng số tiền là 19.960.248.000 đồng tương ứng 3,3% từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024.

23

500-
CÔNG TY
KH
TOÁN
IT
NAM
5 HP

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cam kết thuê hoạt động

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	2.747.745.912	6.262.585.666

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dưới 1 năm	6.262.585.666	6.262.585.666
Từ 1 đến 5 năm	25.050.342.664	25.050.342.664
Trên 5 năm	152.635.512.561	158.898.098.278
Tổng	183.948.440.891	190.211.026.608

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 115.646,6 m² tại Khu phố Hương Giang, phường Long Hương, thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê từ 28.264 đồng/m²/năm đến 94.198 đồng/m²/năm tùy theo vị trí thuê. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 31 năm 4 tháng tính từ ngày 11 tháng 01 năm 2024.

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm cũng như các niên độ kế toán trước. Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng, rủi ro kinh doanh và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về lĩnh vực kinh doanh mà Công ty cung cấp và khu vực địa lý mà Công ty hoạt động. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần về bán điện	260.999.671.162	350.731.173.313
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	600.000.000	5.077.046.412
Doanh thu thuần về bán nước uống đóng chai	1.019.126.898	996.682.508
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh khác	659.608.850	601.861.089
Tổng	263.278.406.910	357.406.763.322

23. GIÁ VỐN HÀNG HÓA VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán điện	214.489.408.293	337.911.537.344
Giá vốn cung cấp dịch vụ	509.691.596	4.853.086.566
Giá vốn nước uống đóng chai đã bán	844.020.155	829.291.471
Giá vốn hoạt động kinh doanh khác	318.983.729	293.659.691
Tổng	216.162.103.773	343.887.575.072

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	35.639.240.400	47.842.622.250
Lãi tiền gửi	10.981.597.774	10.330.276.471
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	11.170.129.952
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.761.731.908	5.010.315.566
	48.382.570.082	74.353.344.239

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	2.790.993.156	3.975.315.574
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.498.038.903	-
Dự phòng giám giá các khoản đầu tư	2.863.333.333	-
	10.152.365.392	3.975.315.574

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.130.463.648	173.497.448.120
Chi phí nhân công	83.709.780.892	77.532.056.362
Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.702.592.180	54.430.811.414
Chi phí sửa chữa lớn	37.531.388.889	37.857.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.946.224.420	14.597.264.566
Chi phí khác	18.092.119.859	25.311.796.467
	255.112.569.888	383.226.876.929

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	23.878.881.348	19.349.071.466
Thuế, phí và lệ phí	2.969.958.734	6.501.857.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài (*)	2.419.142.965	2.919.467.897
Chi phí khấu hao tài sản cố định	572.517.465	820.668.696
Chi phí khác	9.360.361.984	10.343.884.757
	39.200.862.496	39.934.950.216

(*) Phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 và soát xét báo cáo tài chính 6 tháng năm 2025 là 180.000.000 đồng.

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.628.827.143	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.628.827.143	-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước (*) VND
Lợi nhuận trước thuế	44.199.629.599	42.816.586.078
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(37.277.030.734)	(47.863.638.613)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.825.646.625	3.442.942.761
Lỗi lũy kế từ kỳ trước chuyển sang	(1.604.109.774)	-
Thu nhập/(lỗ) chịu thuế năm hiện hành	8.144.135.716	(1.604.109.774)
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.628.827.143	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

(*) Số thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024 được trình bày lại theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung lần thứ 2 ngày 18 tháng 7 năm 2025.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42.570.802.456	42.816.586.078
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(9.724.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	42.570.802.456	33.092.586.078
Bình quân số cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	60.485.600	60.485.600
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	704	547

(*) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 19, Nghị quyết số 714/NQ-NĐBR của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27 tháng 6 năm 2025 đã thông qua phương án trích lập trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 9.517.000.000 đồng và Quỹ thưởng ban điều hành 207.000.000 đồng từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024. Quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 được xác định dựa trên tỷ lệ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Theo đó, Công ty trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42.816.586.078	42.816.586.078
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (VND)	-	(9.724.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	42.816.586.078	33.092.586.078
Số cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	60.485.600	60.485.600
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	708	547

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể trích lập vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm nay do Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")	Công ty mẹ cấp cao nhất
Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Mua bán điện EVN	Chi nhánh của Công ty mẹ cấp cao nhất
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin	Chi nhánh của Công ty mẹ cấp cao nhất
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện	Chi nhánh của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Simacai	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Bên liên quan khác
Công ty CP Tư Vấn Xây dựng Điện 3	Bên liên quan khác
Trường Cao Đẳng Điện Lực Tp.HCM	Bên liên quan khác
Công ty Điện Lực Vũng Tàu	Bên liên quan khác
Chi nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH - Công Ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam	Bên liên quan khác
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	Bên liên quan khác
Các ông/bà thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Người nội bộ

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán điện		
Công ty Mua bán điện EVN	260.999.671.162	350.731.173.313
Doanh thu khác		
Công ty Điện Lực Bà Rịa Vũng Tàu	-	11.476.473
Mua hàng		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")	11.910.662.848	11.305.189.787
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin	372.181.407	372.181.407
Chi nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH - Công Ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam	154.058.473	353.201.048
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	-	36.386.000
Trường Cao Đẳng Điện Lực Tp.HCM	71.627.778	21.404.630
Công ty Điện Lực Vũng Tàu	402.429	90.450
	12.508.932.935	12.088.453.322
Chi phí lãi vay		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")	2.790.993.156	3.848.485.438
Trả nợ gốc vay		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")	43.393.580.954	43.868.373.950
Lãi vay đã trả		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")	2.904.833.523	4.016.622.133

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chia cổ tức		
Tổng công ty phát điện 3 - Công ty cổ phần	15.880.773.810	134.360.971.144
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	221.100.000	1.870.640.000
Cổ đông khác	3.858.374.190	32.644.184.056
	19.960.248.000	168.875.795.200
Góp vốn		
Công ty Cổ phần Simacai	51.827.040.000	-
Thu nhập cổ tức		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	1.000.000.000	10.020.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	25.069.575.000	16.713.050.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	2.069.665.400	18.109.572.250
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	7.500.000.000	-
	35.639.240.400	44.842.622.250

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Mua bán điện EVN	49.329.143.646	45.942.493.498
Phải thu từ cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	8.356.525.000	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	-	10.348.327.000
	8.356.525.000	13.348.327.000
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")	1.042.738.270	953.444.746
Chi nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH - Công ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam	-	37.270.454
Công ty Điện Lực Vũng Tàu	25.831	-
	1.042.764.101	990.715.200
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")	265.464.259	379.304.626
Cổ đông khác	-	149.290.091
	265.464.259	528.594.717
Phải trả ngắn hạn khác		
Cổ đông khác	7.434.600.677	7.378.097.007
Vay dài hạn đến hạn trả		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")	47.404.332.318	45.155.312.862
Vay dài hạn		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")	47.404.332.131	90.310.625.546

Các khoản lương, thưởng, thù lao của các nhân sự quản lý chủ chốt

		Năm nay VND	Năm trước VND
Thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT")			
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	779.486.000	493.689.000
Ông Châu Thiên Minh Trí	Thành viên HĐQT	633.772.000	423.736.000
Ông Trần Lê Trung Hiếu	Thành viên HĐQT	115.799.000	72.348.000
Ông Trần Lê Minh	Thành viên HĐQT	115.799.000	72.348.000
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Lê Văn Huy	Tổng Giám đốc	774.888.000	477.596.000
Ông Võ Nhu	Phó Tổng Giám đốc	621.865.000	430.168.000
Khác			
Bà Phan Thị Thùy Linh	Kế toán trưởng	601.079.000	394.940.000
Bà Trần Thị Bảo Xuân	Trưởng Ban kiểm soát	595.549.000	441.402.000
Bà Đỗ Thị Lệ Trân	Thành viên Ban kiểm soát	37.542.000	66.048.000
Bà Võ Thị Thu Hòa	Thành viên Ban kiểm soát	115.799.000	66.048.000
Bà Mai Hương Giang	Thành viên Ban kiểm soát	78.257.000	-
		4.469.835.000	2.938.323.000

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 11.010.497.329 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 15.292.981.794 đồng), là thu nhập từ lãi tiền gửi, cổ tức được chia phát sinh trong năm nhưng chưa nhận được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền thu từ đi vay và tiền trả nợ gốc vay trong năm không bao gồm 0 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 34.500.000.000) đồng là số tiền đi vay và trả nợ gốc vay của các khoản vay ngắn hạn có thời gian không quá 3 tháng.

Tiền chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 7.434.600.677 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 7.378.097.007 đồng), là số tiền dự kiến chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

32. NGHĨA VỤ HOÀN NGUYÊN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời hạn kết thúc dự án của các nhà máy điện. Theo các quy định có liên quan việc trích trước chi phí hoàn nguyên môi trường phải được thực hiện theo cơ chế chính sách áp dụng cho từng ngành nghề, từng đơn vị. Công ty chưa ước tính giá trị của nghĩa vụ hoàn nguyên này vì đây là lĩnh vực kỹ thuật phức tạp và liên quan đến tính toán giá thành điện. Theo đó Công ty mẹ đang trao đổi với Tập đoàn để có hướng dẫn cụ thể hơn; đồng thời theo dõi các cập nhật về cơ chế chính sách về dự phòng hoàn nguyên áp dụng cho lĩnh vực sản xuất điện trong việc ước tính giá trị của nghĩa vụ này.


Trần Tuyết Loan
 Người lập biểu


Phan Thị Thùy Linh
 Kế toán trưởng


Lê Văn Huy
 Tổng Giám đốc
 Ngày 31 tháng 3 năm 2026



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ VĂN HUY

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

 Khu phố Hương Giang, phường Long Hương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

 0254 2212 811

 info@btp.com.vn

 <https://btp.com.vn/>

BARIA THERMAL POWER JOINT STOCK COMPANY

Quality delivered - Trust Preserved



EVN TPC BA RỊA

**ANNUAL
REPORT 2025**

LIST OF ABBREVIATIONS

GMS	General Meeting of Shareholders
BOD	Board of Directors
BOM	Board of Management
BOS	Board of Supervisors
Mem	Member
BR	Business registration
CL	Charter capital
RET	Renewable energy
EP	Electricity production
PBT	Profit before tax
PAT	Profit after tax
PDP8	Power Plan VIII



TABLE OF CONTENTS

01 GENERAL INFORMATION

- General Overview
 - History of formation and development
 - Business lines and business areas
 - Information on governance model, business organization, and management apparatus
 - Development orientation
 - Risks

02 OPERATING SITUATION DURING THE YEAR

- Production and business activities
 - Organization and personnel
 - Investment and capital contribution in affiliated companies
 - Financial situation
 - Shareholder structure
 - Report on environmental and social impacts

03 REPORT AND ASSESSMENT OF THE GENERAL DIRECTOR

- Assessment on production and business activities
 - Financial situation
 - Improvements in organizational structure, policies, and management
 - Explanation of the General Director regarding audit opinions
 - Future development plan
 - Assessment report related to environmental and social responsibilities

04 REPORT AND ASSESSMENT OF THE BOARD OF DIRECTORS

- Assessment of the Board of Directors on the Company's operational aspects
 - Evaluation of the Board of Directors on the performance of the General Director
 - Plans and orientations of the Board of Directors

05 CORPORATE GOVERNANCE

- Board of Directors
 - Board of Supervisors
 - Transactions, remuneration, and benefits of the Board of Directors, General Director, and Board of Supervisors

06 AUDITED FINANCIAL STATEMENTS

- Audit opinion
 - Audited financial statements for 2025



01

GENERAL INFORMATION

1. General Overview
2. History of formation and development
3. Business lines and business areas
4. Information on governance model, business organization, and management apparatus
5. Development orientation
6. Risks

GENERAL OVERVIEW

Company name:

BARIA THERMAL POWER JOINT STOCK COMPANY

English name:

BARIA THERMAL POWER JOINT STOCK COMPANY

Stock symbol:

BTP

Charter capital:

604,856,000,000 VND

Business Registration Certificate:

No. 3500701305 issued by the Department of Planning and Investment of Ba Ria-Vung Tau Province, first registered on November 01, 2007, and with the 7th amendment on August 18, 2025 at Ho Chi Minh City Department of Finance.

Head office:

Huong Giang Quarter, Long Huong Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Telephone:

0254 2212 811

Fax:

0254 3825 985

Website:

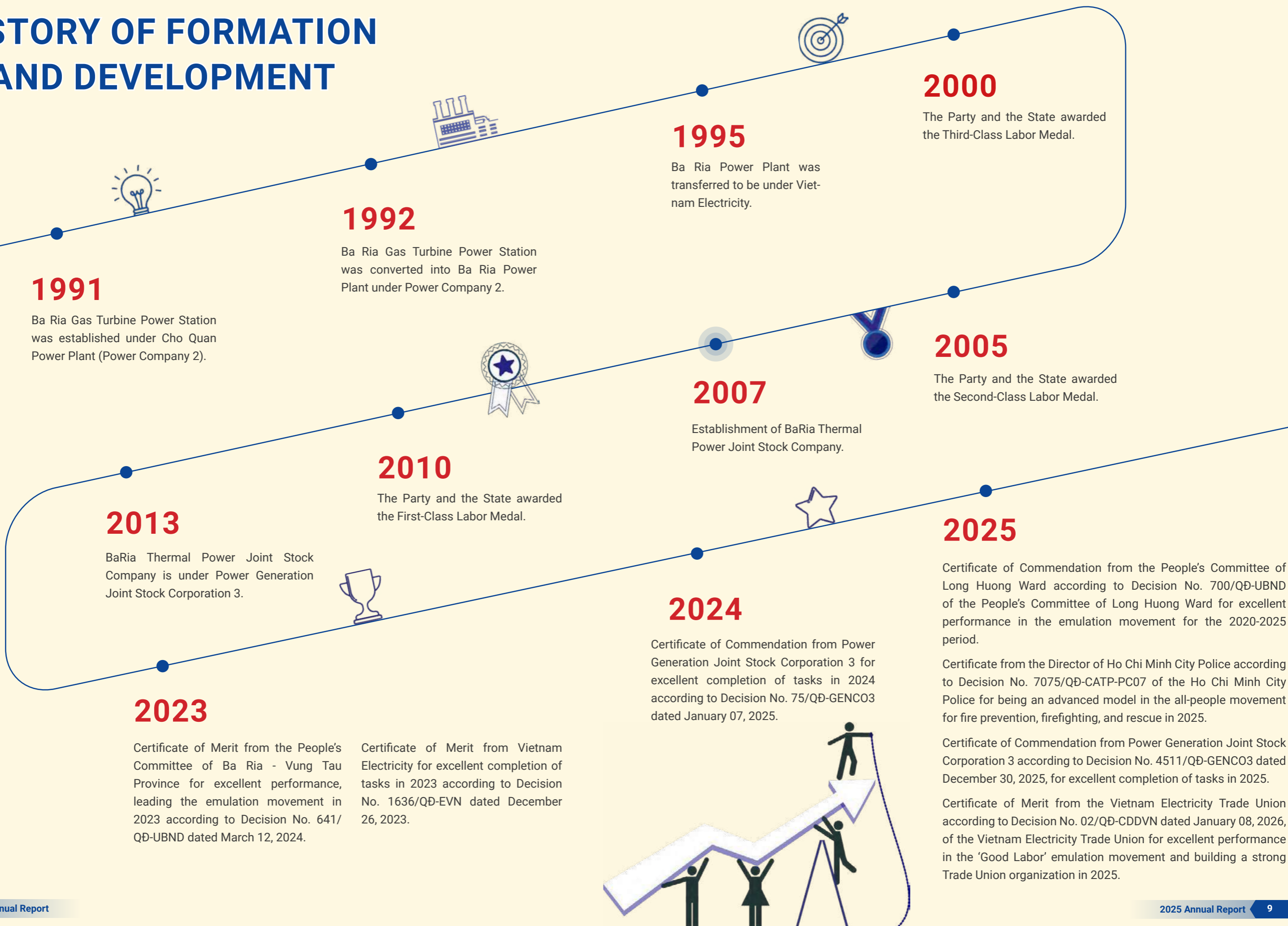
<https://btp.com.vn/>

Email:

info@btp.com.vn



HISTORY OF FORMATION AND DEVELOPMENT



1991

Ba Ria Gas Turbine Power Station was established under Cho Quan Power Plant (Power Company 2).

1992

Ba Ria Gas Turbine Power Station was converted into Ba Ria Power Plant under Power Company 2.

1995

Ba Ria Power Plant was transferred to be under Vietnam Electricity.

2000

The Party and the State awarded the Third-Class Labor Medal.

2005

The Party and the State awarded the Second-Class Labor Medal.

2007

Establishment of BaRia Thermal Power Joint Stock Company.

2010

The Party and the State awarded the First-Class Labor Medal.

2013

BaRia Thermal Power Joint Stock Company is under Power Generation Joint Stock Corporation 3.

2025

Certificate of Commendation from the People's Committee of Long Hung Ward according to Decision No. 700/QĐ-UBND of the People's Committee of Long Hung Ward for excellent performance in the emulation movement for the 2020-2025 period.

Certificate from the Director of Ho Chi Minh City Police according to Decision No. 7075/QĐ-CATP-PC07 of the Ho Chi Minh City Police for being an advanced model in the all-people movement for fire prevention, firefighting, and rescue in 2025.

Certificate of Commendation from Power Generation Joint Stock Corporation 3 according to Decision No. 4511/QĐ-GENCO3 dated December 30, 2025, for excellent completion of tasks in 2025.

Certificate of Merit from the Vietnam Electricity Trade Union according to Decision No. 02/QĐ-CDDVN dated January 08, 2026, of the Vietnam Electricity Trade Union for excellent performance in the 'Good Labor' emulation movement and building a strong Trade Union organization in 2025.

2024

Certificate of Commendation from Power Generation Joint Stock Corporation 3 for excellent completion of tasks in 2024 according to Decision No. 75/QĐ-GENCO3 dated January 07, 2025.

2023

Certificate of Merit from the People's Committee of Ba Ria - Vung Tau Province for excellent performance, leading the emulation movement in 2023 according to Decision No. 641/QĐ-UBND dated March 12, 2024.

Certificate of Merit from Vietnam Electricity for excellent completion of tasks in 2023 according to Decision No. 1636/QĐ-EVN dated December 26, 2023.

BUSINESS LINES AND BUSINESS AREAS

Business lines

No.	Name of business line	Business line code
1	Electricity transmission and distribution Details: Electricity production-business; Management, operation, maintenance, repair, testing, calibration, and renovation of electrical equipment, electrical works, and power plant architectural works.	3512 (Main)
2	Intermediate vocational training Details: Training and development of human resources for management, operation, maintenance, and repair of power plant equipment.	8532
3	Manufacture of other fabricated metal products, not elsewhere classified Details: Manufacture of other fabricated metal products and services related to metal fabrication work.	2599
4	Architectural activities and related technical consultancy services Details: Preparation of construction investment projects; construction investment management; and supervision of civil and industrial construction works.	7110
5	Rental of machinery, equipment and other tangible goods without operator Details: Equipment rental; transportation equipment rental.	7730
6	Other passenger land transport Details: Contract-based passenger transport services.	4932
7	Installation of other construction systems Details: Installation of equipment for construction works.	4329
8	Manufacture of non-alcoholic beverages, mineral water Details: Manufacture of distilled water, bottled drinking water.	1104
9	Construction of other civil engineering works Details: Construction and installation of industrial works;	4299
10	Management consultancy activities	7020
11	Wholesale of other machinery, equipment, and spare parts Details: Trading of materials and equipment;	4659
12	Short-term accommodation services Details: Restaurant and hotel business;	5510

No.	Name of business line	Business line code
13	Real estate business, land use rights owned, used, or leased Details: Real estate business; Leasing of fixed assets, wharves, offices;	6810
14	Wholesale of agricultural and forestry raw materials (except wood, bamboo, rattan) and live animals Details: agricultural products business;	4620
15	Processing and preserving aquatic products and products from aquatic products Details: Seafood processing	1020
16	Road freight transport Details: Cargo transport	4933
17	Cargo loading and unloading Details: cargo loading and unloading	5224
18	Wholesale of food Details: seafood business	4632
19	Technical testing and analysis Details: Providing testing services for electrical materials and equipment; Providing technical safety inspection services for electrical equipment and tools	7120

Business areas

The Company mainly conducts its operating activities in Ho Chi Minh City (formerly Ba Ria – Vung Tau Province).

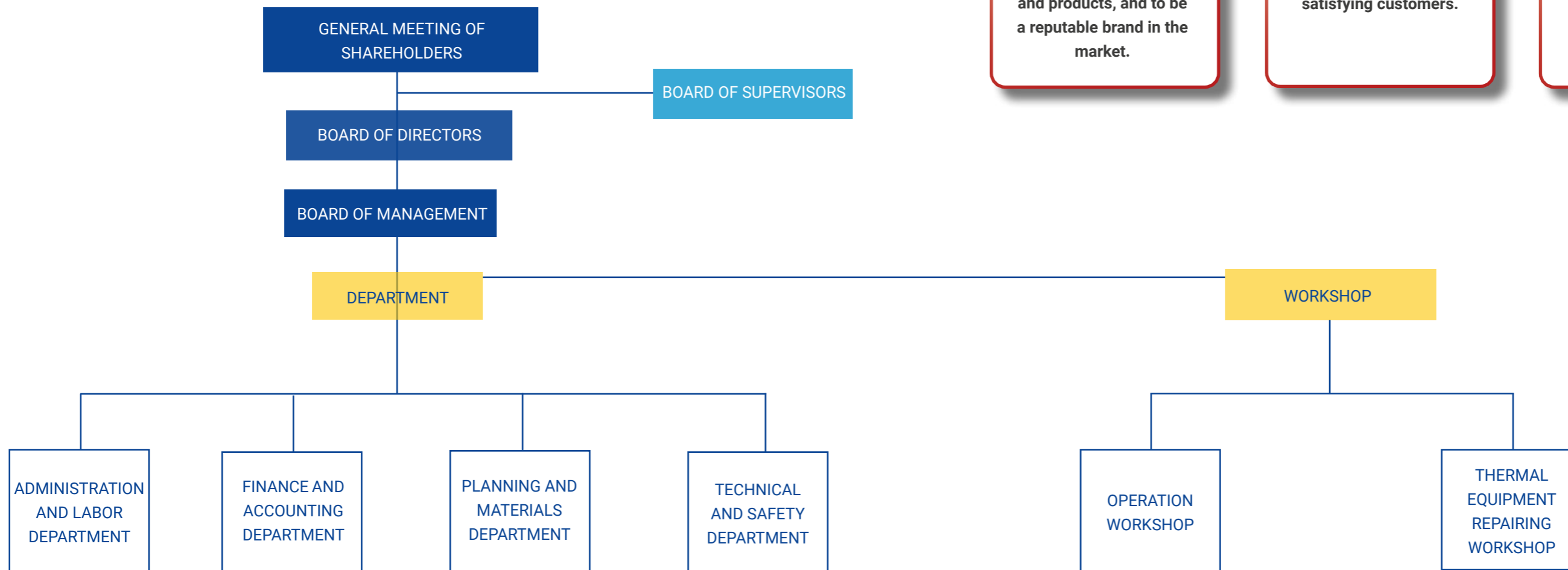
- BARIA THERMAL POWER JOINT STOCK COMPANY
- Head office: Huong Giang Quarter, Long Huong Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.
- Telephone: 0254 2212 811
- Fax: 0254 3825 985
- Email: info@btp.com.vn



INFORMATION ON GOVERNANCE MODEL, BUSINESS ORGANIZATION, AND MANAGEMENT APPARATUS

Management apparatus

The Company operates under the Joint Stock Company model as stipulated by Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020, the Company's Charter of organization and operation, as well as other relevant legal documents. Throughout its development, the Company's management structure is organized as follows:



VISION

To be a power generation unit providing high-quality, safe, and efficient services and products, and to be a reputable brand in the market.



MISSION

To ensure the supply of electricity and diverse services with the best quality, satisfying customers.



CORE VALUES

Quality – Trust
Dedication – Intelligence
Innovation – Efficiency

Governance model

General Meeting of Shareholders (GMS)

The highest decision-making authority of the Company in accordance with the Law on Enterprises and the Company's Charter of Operation.

Board of Directors (BOD)

The management body of the Company, having full authority on behalf of the Company to decide on the exercise of the Company's rights and obligations that do not fall under the authority of the General Meeting of Shareholders.

Board of Supervisors (BOS)

A body under the GMS, elected by the GMS. The role of the Board of Supervisors is to ensure the rights of shareholders and to supervise the Board of Directors and the General Director in the management and administration of the Company.

Board of Management (BOM)

Is authorized by the Board of Directors to manage all daily operating activities of the Company and is responsible to the Board of Directors for the performance of assigned rights and duties.

INFORMATION ON GOVERNANCE MODEL, BUSINESS ORGANIZATION, AND MANAGEMENT APPARATUS

Affiliated companies



Buon Don Hydropower Joint Stock Company

Address Dak Lak Province, Vietnam

Main production-business field Investment in the construction of power source projects, production and business of electricity; operation management, maintenance, repair, and renovation of electrical equipment, hydraulic works, and architecture of hydropower plants

Percentage of ownership 25%



Simacai Joint Stock Company

Address Lao Cai Province, Vietnam

Main production-business field Electricity production

Percentage of ownership 36%

Equity-invested Company



Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company

Address Hai Phong City, Vietnam

Main production-business field Production and business of electricity

Percentage of ownership 2%



Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company

Address Quang Ninh Province, Vietnam

Main production-business field Production and business of electricity

Percentage of ownership 2.3%



Phu Thanh My Joint Stock Company

Address Da Nang City, Vietnam

Main production-business field Production and business of electricity

Percentage of ownership 8.1%



DEVELOPMENT ORIENTATION

The Company's key objectives

- The Company continues the development of its operating activities in accordance with the plan approved by the General Meeting of Shareholders, focusing on maintaining the Company's stable operations under the model of providing auxiliary services for the power plant, ensuring efficiency and safety in operation.
- Focus on optimizing production and business costs, especially costs for repair, maintenance, materials, and fuel, to improve operational efficiency, improve business results, and increase value for shareholders.
- Prioritize the efficient use of existing resources, continue to review and evaluate projects and investment items currently under development, ensuring feasibility, efficiency, and alignment with the Company's development orientation in the new phase.
- The Company continues to focus on occupational safety, fire prevention and fighting, minimizing arising risks, protecting people and assets, while ensuring stable employment and income for employees.

Objectives for society and the community

- The Company aims for the goal of effective economic development associated with sustainable development, ensuring a harmony of interests between the enterprise, employees, and society.
- The Company strictly implements legal regulations on environmental protection, occupational safety, and fire prevention and fighting, contributing to minimizing negative impacts on the environment and the community around the area of operation.
- The Company commits to fully complying with its legal obligation to the State, including tax, insurance, and other social obligations in accordance with regulations.
- The Company actively participates in social security activities in the locality, contributing to creating jobs, increasing income, and improving the lives of employees, contributing to the stability and development of the community where the Company operates.

Medium and long-term development strategy

- The Company continues to carry out the review and assessment of the status of equipment and machinery on a periodic and comprehensive basis; build plans for repair, maintenance, and system renovation in an optimized direction to improve the availability and reliability of generating units.
- The Company continues to research and gradually implement plans to repair generating units using Non-OEM equipment, contributing to the proactive supply of materials, shortening repair time, reducing costs, and improving the efficiency of operating activities.
- The Company proactively conducts research, applies science and technology as well as modern management solutions, while simultaneously monitoring and carrying out tasks related to digital transformation suitable to the Company's actual conditions.
- The Board of Directors and the Board of Management continue to research, seek, and cooperate in investing in new power source projects, as well as other suitable investment opportunities to diversify operations and improve the efficiency of capital use in the medium and long term.
- Research expanding operating activities into suitable fields to increase revenue, profit, and create a foundation for sustainable development for the Company.
- Continue to consolidate reputation, improve service quality, ensure that core activities of power generation and auxiliary services are effective and profitable, gradually affirming the Company's position in the energy sector.

Objectives for employees

- The Company continues to build a stable and united working environment, enhancing the attachment of employees to the Company through innovating human resource management and production management methods.
- Focus on training and human resource development, especially for technical teams and management staff, with clear training roadmaps and objectives suitable for operational requirements and development orientation in the new phase.
- Implement reasonable salary, income, and welfare policies linked to the efficiency of operating activities to ensure the material and spiritual life of employees.
- The Company continues to pay attention to health and occupational safety, organize periodic health check-ups, equip sufficient standard personal protective equipment, and regularly organize training on occupational safety and hygiene for employees.



Economic risk

According to data from the General Statistics Office of Vietnam, Vietnam's economy in 2025 recorded positive growth, with GDP increasing by 8.02% compared to the previous year, reflecting the expansion of production, business, and consumption activities in the economy. The increase in these activities is associated with high electricity demand. However, growth prospects still contain many uncertain factors in the context of a complexly fluctuating global economy, which may affect electricity load demand, the mobilization mechanism of power sources, and the operational efficiency of enterprises in the power industry, including BaRia Thermal Power Joint Stock Company.

Besides, inflationary pressure and exchange rate fluctuations continue to be notable risks in 2025. According to the General Statistics Office of Vietnam, CPI in 2025 increased by 3.31% over the same period, while core inflation increased by 3.21%. At the same time, the USD price index increased by 3.92% compared to the same period last year. These fluctuations may increase BTP's input costs, especially for fuel, materials, equipment, and spare parts that have imported elements or are affected by international raw material prices. Meanwhile, the Company's electricity selling price and revenue are subject to regulation and depend heavily on power purchase agreements and the electricity market mechanism, making the ability to pass on the entire increased cost to the selling price limited, thereby posing a risk of narrowing profit margins.

In addition, the global economic environment continues to contain many instabilities due to geopolitical tensions and fluctuations in the international energy market. Factors such as the prolonged Russia-Ukraine conflict, the complex developments in the Middle East, and supply chain disruption risks may cause natural gas prices and energy products to fluctuate strongly. This directly affects the fuel costs for power generation of BTP, especially in the context that the Company is researching, negotiating, and carrying out procedures to purchase LNG to supplement fuel sources for power generation in the coming time.

Faced with the aforementioned economic risks, BTP proactively monitors macroeconomic developments, the energy market, and the State's administrative policies, while implementing cost management measures, fuel risk management, diversifying supply sources, and improving operational efficiency. These solutions aim to minimize adverse impacts from economic fluctuations, contributing to ensuring stable and sustainable operating activities for the Company in 2025 and subsequent years.

Raw material risk

BaRia Thermal Power Joint Stock Company operates in the gas- and oil-fired thermal power sector, with natural gas and diesel oil serving as its key input fuels. The nature of the gas- and oil-fired power industry requires a stable and continuous fuel supply to ensure safe operation and meet the capacity mobilization requirements of the power system. Therefore, any fluctuations related to fuel supply can significantly affect the exploitation capacity and electricity generation of thermal power plants in general, and BTP in particular.

According to research by Wood Mackenzie, the demand for gas and LNG in Vietnam is forecast to grow at an average rate of approximately 12% per year and could triple by the mid-2030s, driven by increasing energy demand and the national power source restructuring process. The power industry is projected to remain the largest gas-consuming sector, in which LNG-fired power plays an increasingly important role. According to the development scenario up to 2030, LNG-fired power capacity could reach approximately 22,400 MW, accounting for nearly 14.9% of the total system capacity, with electricity generation estimated at approximately 83 billion kWh, thereby creating increasing pressure on the domestic and regional gas supply market.

While demand is increasing sharply, domestic gas supply tends to decline as many gas fields in the Southeast region are entering a depletion phase, leading to a significant decrease in domestic gas output in recent years. This increases the role of imported LNG in securing fuel for power generation. However, the LNG market in Vietnam is currently still primarily accessed through short-term and spot contracts, making LNG prices highly susceptible to global supply-demand fluctuations and transport costs. In this context, risks such as supply disruptions, LNG price volatility, or international supply chain fractures can increase input fuel costs, thereby directly impacting the profit margins and operating activities of BTP.

In response to these risks, BTP proactively monitors LNG and gas market developments, implements plans to negotiate LNG purchases with suitable partners, enters into long-term contracts with diesel oil suppliers, diversifies supply sources, and optimizes operations and cost management to ensure fuel proactivity, minimize risks related to raw material fluctuations, and ensure stable and efficient production and business activities.

RISKS

Legal risks

BaRia Thermal Power Joint Stock Company, as a joint-stock company listed on the Ho Chi Minh Stock Exchange (HOSE), must comply with a multi-dimensional legal system including the Law on Enterprises, the Law on Securities, the Law on Accounting, the Law on Tax Administration, and other relevant guiding documents. Any legal changes in these laws could cause increased compliance costs, risks of late compliance, or additional expenses if not updated and implemented in a timely manner.

Specifically, Law No. 56/2024/QH15, amending and supplementing a number of articles of the Law on Securities, the Law on Accounting, and related laws, which officially took effect on January 01, 2025, has raised the requirements for information transparency, reporting standards, and accountability of listed companies. Furthermore, Circular No. 68/2024/TT-BTC of the Ministry of Finance, effective from November 02, 2024, and implemented in 2025, stipulates the roadmap for information disclosure in English, thereby increasing the requirements for the Company's reporting system, professional personnel, and compliance costs. In addition, BTP's production and business activities are also affected by specialized electricity regulations being implemented under new orientations, which may impact operational and governance plans in the coming period.

In response to legal risks arising from the aforementioned changes, BTP continues to strengthen its compliance and legal affairs. The Company proactively monitors, updates, and timely implements new legal regulations, reviews and perfects the information disclosure system and reporting processes according to current requirements, and coordinates closely with legal consultants, auditors, and regulatory agencies to ensure full fulfillment of legal obligations.

Exchange rate risk

Exchange rate risk is one of the factors that can affect the Company's financial expenses and business results in the context that the Company has outstanding loans in Foreign currency. Adverse exchange rate fluctuations, especially the depreciation of the Vietnam Dong against the borrowed Foreign currency, can increase debt repayment obligations and Interest expenses, thereby directly impacting the Company's profit.

Currently, BTP is using a loan in South Korean Won from the Economic Development Cooperation Fund (EDCF) of Korea to serve the 306-2 Steam Turbine Project, in which Vietnam Electricity (EVN) is the entity signing the loan contract and the Company performs the sub-loan from EVN. Therefore, any fluctuations in the exchange rate of the Won against the Vietnam Dong have the potential to affect the Company's financial obligations and the results of its production and business activities.

In response to this risk, BTP regularly monitors foreign exchange market developments, assesses the sensitivity of Foreign currency loans to exchange rate fluctuations, and proactively develops and adjusts appropriate financial management measures. Solutions are implemented to control Financial expenses, limit the adverse impacts of exchange rate risk, and contribute to maintaining stable production and business activities.

Labor safety risk

BTP operates in the field of electricity production and business, in which gas-oil power plants have complex technical characteristics, operating continuously with high-capacity equipment systems, high pressure, and high temperature. Employees frequently work in environments with risks of technical incidents, fuel leaks, fires, and explosions, as well as risks related to electrical systems, turbines, and auxiliary equipment. In the context of increasingly high requirements for stable and safe operation of the power system, any errors in operation, maintenance, or compliance with safety standards can lead to occupational accidents, serious technical incidents, and production disruptions.

Fully aware of these potential risks, BTP always identifies occupational safety and health as the foundation in plant operation management. The Company maintains periodic training and coaching for employees on technical procedures, electrical safety, fire prevention and fighting, and emergency response, while strictly applying safety regulations and standards in accordance with the law and the power industry. Field inspection, supervision, equipment maintenance, and employee health care are carried out regularly to minimize risks, ensure a safe working environment, and thereby contribute to maintaining the Company's stable and sustainable production activities in the long term.



RISKS

Environmental risk

Although considered cleaner than traditional energy sources such as coal or oil, electricity production from natural gas still carries certain environmental risks. The gas combustion process generates CO₂ and nitrogen oxides (NO_x), contributing to greenhouse gas emissions and air pollution if not controlled effectively. In the context of increasingly tightened emission reduction commitments, along with the strong trend of shifting to green energy and renewable energy, the gas-fired power industry is under increasing pressure to comply with stricter environmental standards. Failure to meet these requirements in a timely manner can increase compliance costs, affect operational efficiency, and pose legal and reputational risks to the business.

Aware of its role and responsibility in environmental protection, BTP always identifies the orientation of production and business activities as being associated with the goal of sustainable development and ensuring the task of providing safe and stable electricity for the National Power System. The Company focuses on building and implementing environmental management plans in a methodical manner, fully complying with current legal regulations from the project preparation and approval stages to the plant operation process. In parallel, BTP actively promotes activities to raise awareness about environmental protection internally through responding to and participating in programs and campaigns launched by EVN and EVNGENCO3, as well as community events related to the environment. Through these efforts, the Company is gradually forming an environmental culture and ethics throughout the entire system, contributing to minimizing negative impacts on the environment and consolidating the foundation for sustainable development.



Other risks

Besides the identified and forecasted risks, the Company may still face force majeure risks such as fires, natural disasters, epidemics, or other objective events beyond its control. These factors can cause significant damage to people and assets, disrupt production and business activities, affect the progress of plan implementation, and negatively impact the Company's performance as well as its stable development.

Although the probability of occurrence is not high, BTP still proactively builds and maintains appropriate prevention plans, response plans, and risk control measures to be ready to handle emergency situations. The Company assesses the impact level and probability of occurrence of each group of force majeure risks, thereby determining the priority order in risk management. Response plans are built in a comprehensive and flexible manner to minimize damage, ensure safety for employees, protect assets, and maintain production and business activities under permissible conditions.





02

OPERATING SITUATION DURING THE YEAR

1. Production and business activities
2. Organization and personnel
3. Investment and capital contribution in affiliated companies
4. Financial situation
5. Shareholder structure
6. Report on environmental and social impacts

PRODUCTION AND BUSINESS ACTIVITIES

Overview of the power industry in 2025

In 2025, the Vietnamese electricity industry continued to maintain stable growth momentum amidst a robust economic recovery, with increased industrial production, construction, and service activities, leading to high electricity consumption demand. The national power system was strengthened in both capacity scale and operational capability, thereby ensuring safe and continuous power supply for socio-economic development.

According to Vietnam Electricity (EVN), as of the end of 2025, the total installed capacity of the entire system (excluding imported capacity) reached approximately 87,600 MW, an increase of about 6,400 MW compared to 2024, making Vietnam the country with the second-largest power source capacity in the ASEAN region. The power source structure continued to shift towards diversification, in which renewable energy sources (wind, solar, biomass, etc.) reached approximately 24,453 MW, accounting for 27.9%; coal-fired thermal power reached 28,100 MW, accounting for 32.1%; and hydropower reached 24,640 MW, accounting for 28.1% of the total system capacity. Along with the increase in capacity, commercial electricity output continued to rise to meet economic development needs. The total electricity production and import of the entire system in 2025 is estimated at approximately 322.8 billion kWh, an increase of 4.6% compared to 2024. Although this growth rate is lower than the surge in 2024, it still reflects the stable expansion trend of electricity consumption in the context of the economy maintaining a positive growth rate. Additionally, the fact that there were not many prolonged heatwaves on a large scale during the year—a factor that usually causes residential electricity demand to spike—also contributed to the commercial electricity output increasing at a lower rate than forecasted.

Regarding the policy environment, the amended Law on Electricity passed at the end of 2024 and applied in 2025 has created a more synchronized legal framework for planning, investment, and operation of the competitive electricity market. Mechanisms to encourage the development of renewable energy, LNG-fired power, and the socialization of power infrastructure investment continue to be refined, thereby creating a foundation to attract private resources and improve system operational efficiency.

Total installed capacity of the entire system reached 87,600 MW, an increase of 6,400 MW compared to 2024

Commercial electricity demand is forecast to grow by an average of 10%/year during the 2026–2030 period

Offshore wind power is expected to accelerate strongly after 2030 and become a key source by the end of the planning period

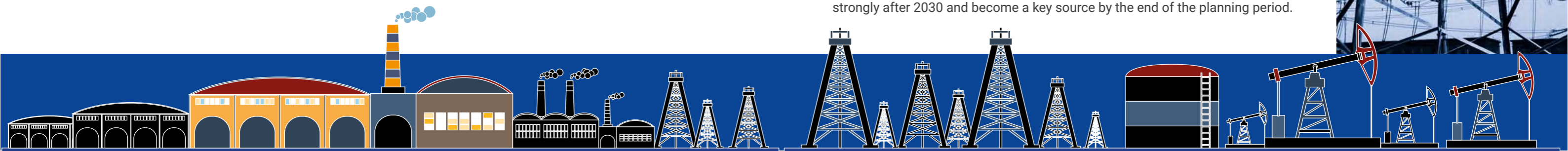
Outlook for the thermal power industry in 2026

The year 2026 holds special significance as it is the first year of implementing the 5-year Socio-Economic Development Plan for the 2026–2030 period, opening a new development phase for the country with the goal of rapid and sustainable growth. According to the executive direction of the government and the Ministry of Industry and Trade, the GDP growth target is set at a high level, striving for 10% in 2026 and continuing to increase in subsequent years. To align with this growth trajectory, commercial electricity demand is forecast to grow by an average of about 10%/year during the 2026–2030 period, reflecting the close correlation between economic growth and energy consumption.

In addition to drivers from the production, industrial, and residential sectors, the trend of developing data centers, AI technology, cloud computing, and electric vehicles is creating additional large load demand with high requirements for the stability and continuity of supply. At the same time, according to forecasts by meteorological agencies, weather tends to shift to a neutral state in the first half of 2026 before gradually moving to an El Nino phase from the second half of the year, which may cause temperatures to rise and lead to increased electricity usage, especially in the dry season.

According to the Electricity Authority of Vietnam (Ministry of Industry and Trade), to meet the target of an average GDP growth of about 10%/year for the 2026–2030 period and about 7.5%/year for the 2031–2050 period, the adjusted Power Development Plan VIII sets a target for commercial electricity by 2030 to reach approximately 500.4–557.8 billion kWh. This shows that the pressure on investment and operation of the power system will continue to increase in the medium and long term. In the context of rapidly increasing load demand and some renewable energy sources still depending on weather conditions, thermal power—especially coal-fired thermal power—still plays the role of a base-load power source in the short term due to its ability to generate power stably and be mobilized continuously, contributing to ensuring national energy security. Gas-fired and LNG power sources are gradually being supplemented but still face challenges regarding supply sources and fuel costs.

However, in the long term, Power Development Plan VIII directs a strong restructuring of the power system towards gradually reducing the role of coal-fired thermal power, limiting the development of new projects, and gradually phasing out old plants after 2035, while prioritizing the expansion of gas-fired power (especially LNG) and renewable energy. According to the adjusted plan, the proportion of installed capacity of the renewable energy group is raised to approximately 44% of the total system capacity, a significant increase compared to the previous 29%. Solar and wind power (including both onshore and offshore) are identified as two pillars in the long-term development strategy, in which offshore wind power is expected to accelerate strongly after 2030 and become a key source by the end of the planning period.



PRODUCTION AND BUSINESS ACTIVITIES

Production and business activities

No.	Indicator	Unit	2025 Actual	2025 Plan	% 2025 Actual/ 2025 Plan
1	Total revenue	Million VND	311,926	442,820	70.44%
-	Revenue from electricity production	Million VND	261,000	410,068	63.65%
-	Revenue from financial activities	Million VND	48,383	29,498	164.02%
-	Revenue from services, production, business, and other activities	Million VND	2,544	3,255	78.16%
2	Electricity production output	Million kWh	13.71	85.00	16.13%
3	Electricity sold	Million kWh	13.29	82.69	16.07%
4	Total cost	Million VND	267,726	410,930	65.15%
5	Profit before tax	Million VND	44,200	31,890	138.60%
6	Profit after tax	Million VND	42,571	31,496	135.16%



Profit before tax exceeded the plan by 38.60%

44,200 MILLION VND

Profit after tax exceeded the plan by 35.16%

42,571 MILLION VND

In 2025, the Company's electricity production activities were affected by the power system mobilization method, as the generating units mainly operated in standby and peak-shaving modes (auxiliary services), leading to electricity generation output not reaching the set plan. Specifically, electricity production output reached 13.71 million kWh, equivalent to 16.13% of the annual plan; commercial electricity output reached 13.29 million kWh, equivalent to 16.07% of the annual plan. In that context, revenue from electricity production activities reached 261,000 million VND, a decrease compared to the previous year due to short operating time and high consumption rates—a characteristic of the auxiliary service power generation model. However, the Company proactively adapted to operating conditions while leveraging other revenue sources, contributing to maintaining revenue scale at a reasonable level. Notably, the Company aggressively implemented cost optimization solutions and improved operational management efficiency, helping the total actual expenses for the year reach only 267,726 million VND, equivalent to 65.15% of the annual plan. As a result, Profit before tax reached 44,200 million VND and Profit after tax reached 42,571 million VND, exceeding the annual plan by 38.60% and 35.16%, respectively. This is a positive growth result in the context of declining electricity output, demonstrating the Company's flexible and effective management capacity in balancing production and cost control.



ORGANIZATION AND PERSONNEL

List of the Board of Management

No.	Name	Position	Number of shares owned (*)		Percentage of ownership
			Individual	Representative	
1	Mr. Le Van Huy	Member of the Board of Directors cum General Director	-	12,030,889	19.89%
2	Mr. Vo Nhu	Deputy General Director	-	-	-
3	Ms. Phan Thi Thuy Linh	Chief Accountant	-	-	-

(*) Based on the list of shareholders as of November 25, 2025

Profile of members of the Board of Management



MR. LE VAN HUY

General Director cum member of the Board of Directors

Year of birth: 1970

Qualification: Master of Business Administration; Bachelor of Engineering in Industrial Electrical Engineering

Place of birth: Truong Hai Hamlet, Ninh Giang Commune, Ninh Binh Province

Position at other companies: None

Number of shares held as of November 25, 2025:

Personal: 0 shares, 0.00% Charter Capital

Representative: 12,030,889 shares, 19.89% Charter Capital

Work experience:

November 1995 – June 1997	Employee at Power Construction Company II, Ho Chi Minh City
July 1997 – December 2000	Operator at Operation Workshop, BaRia Thermal Power Joint Stock Company.
December 2000 – April 2004	Shift Supervisor at Operation Workshop, BaRia Thermal Power Joint Stock Company.
April 2004 – April 2007	Technician at Operation Workshop, BaRia Thermal Power Joint Stock Company.
April 2007 – January 2009	Deputy Manager of Operation Workshop, BaRia Thermal Power Joint Stock Company.
January 2009 – June 2009	Acting Manager of Operation Workshop, BaRia Thermal Power Joint Stock Company.
June 2009 – July 2017	Manager of Operation Workshop, BaRia Thermal Power Joint Stock Company
July 2017 – June 2020	Deputy General Director of Technology at BaRia Thermal Power Joint Stock Company.
June 2020 – June 2025	General Director cum member of the Board of Directors; Secretary of the Party Committee of BaRia Thermal Power Joint Stock Company.
June 2020 – present	General Director cum member of the Board of Directors of BaRia Thermal Power Joint Stock Company.



MR. VO NHU

Deputy General Director

Year of birth: 1967

Qualification: Electrical Engineering & Power Supply Engineer

Place of birth: Village 3, Duy Nghia Commune, Da Nang City

Position at other companies: Member of the BOD of Simacai Joint Stock Company

Number of shares held as of November 25, 2025:

Personal: 0 shares, 0% Charter Capital

Representative: 0 shares, 0% Charter Capital

Work experience:

April 1994 – September 2010	Technician, Operation Workshop, BaRia Thermal Power Joint Stock Company
September 2010 – November 2010	Technician, Electrical-Automation Repair Workshop, BaRia Thermal Power Joint Stock Company
November 2010 – March 2011	Technician, Operation Workshop, BaRia Thermal Power Joint Stock Company
March 2011 – December 2017	Deputy Manager, Operation Workshop, BaRia Thermal Power Joint Stock Company
January 2018 – April 2020	Manager, Operation Workshop, BaRia Thermal Power Joint Stock Company.
April 2020 – present	Deputy General Director of BaRia Thermal Power Joint Stock Company, Deputy Secretary of the Party Committee of BaRia Thermal Power Joint Stock Company
June 2020 – August 2022	Member of the Executive Committee of the Trade Union of BaRia Thermal Power Joint Stock Company
September 2022 – present	Chairman of the Trade Union of BaRia Thermal Power Joint Stock Company



MS. PHAN THI THUY LINH

Chief Accountant

Year of birth: 1987

Qualification: Bachelor of Accounting

Place of birth: Binh Minh Ward, Tay Ninh Province

Position at other companies: None

Number of shares held as of November 25, 2025:

Personal: 0 shares, 0% Charter Capital

Representative: 0 shares, 0% Charter Capital

Work experience:

April 2009 – September 2009	Office, BaRia Thermal Power Joint Stock Company
October 2009 – June 2014	Specialist at Finance - Accounting Department, BaRia Thermal Power Joint Stock Company.
July 2014 – January 2018	Deputy Head of Finance - Accounting Department, BaRia Thermal Power Joint Stock Company.
February 2018 – June 2025	Head of the Supervisors of BaRia Thermal Power Joint Stock Company.
June 2025 – present	Chief Accountant and Person in charge of Information Disclosure of BaRia Thermal Power Joint Stock Company.

ORGANIZATION AND PERSONNEL

Changes in the Board of Management in 2025

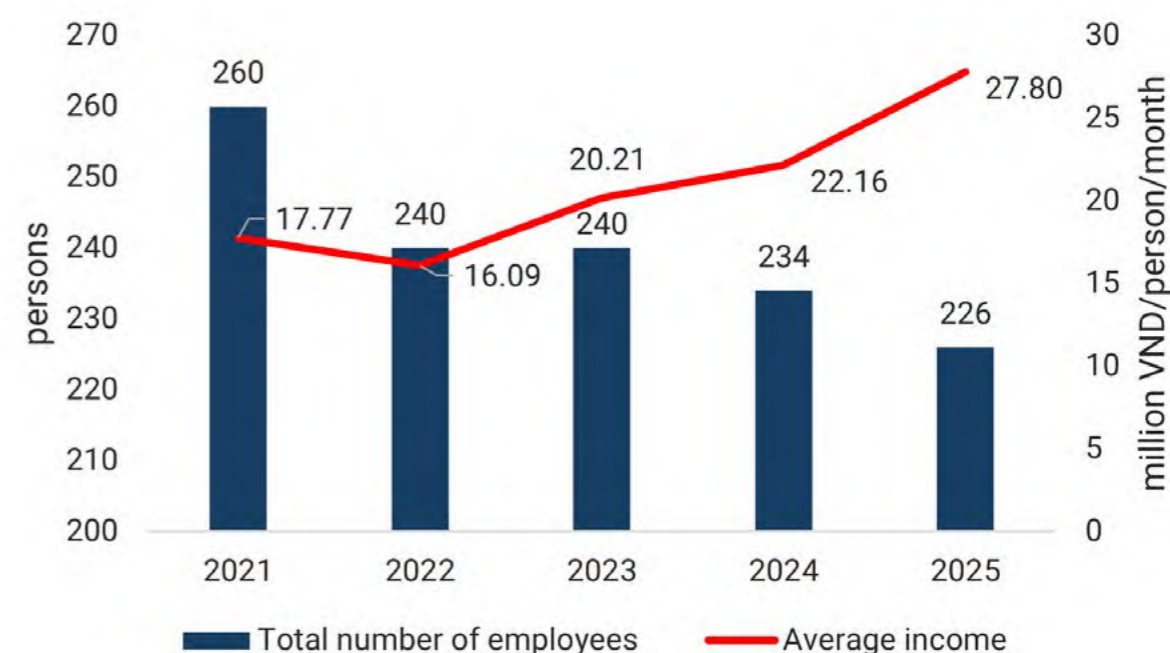
No.	Name	Title	Appointment date	Resignation/ dismissal date
1	Ms. Tran Thi Bao Xuan	Person in charge of accounting		June 26, 2025
2	Ms. Phan Thi Thuy Linh	Chief Accountant	June 26, 2025	

Number of employees in 2025

No.	Classification nature	Quantity (people)	Proportion
I	By labor qualification	226	100.00%
1	University and postgraduate degree	139	61.50%
2	College and intermediate professional degree	39	17.26%
3	Primary and technical worker	48	21.24%
II	By gender	226	100.00%
1	Male	193	85.40%
2	Female	33	14.60%
III	By labor object	226	100.00%
1	Direct labor	166	73.45%
2	Indirect labor	60	26.55%
IV	By labor contract duration	221	100.00%
1	Short-term contract under 1 year	0	0.00%
2	Fixed-term contract from 1 to 3 years	2	0.90%
3	Indefinite-term contract	219	99.10%
V	By age	226	100.00%
1	Under 30 years old	8	3.54%
2	From 30-39 years old	13	5.75%
3	From 40-49 years old	110	48.67%
4	50-59 years old	93	41.15%
5	Over 60 years old	2	0.88%

Average income

Indicator	2021	2022	2023	2024	2025
Total number of employees (persons)	260	240	240	234	226
Average income (million VND/ person/month)	17.77	16.09	20.21	22.16	27.80

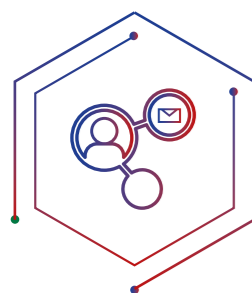


ORGANIZATION AND PERSONNEL

Personnel policy

BaRia Thermal Power Joint Stock Company identifies human resources as the core factor that directly determines the efficiency of production and business activities, operational safety, and the sustainable development of the Company. On that basis, BTP continuously improves its human resource management, focusing on building policies for recruitment, training, remuneration, and a professional working environment, to create conditions for employees to work with peace of mind, promote their capabilities, and commit to the Company for the long term.

Regarding recruitment



BTP focuses on building a strict, transparent recruitment policy suitable for the characteristics of the electricity industry. The Company prioritizes recruiting staff with high qualifications and skills, especially in the fields of operation, equipment maintenance and repair, electrical engineering, mechanics, automation, and technical management. The recruitment process is carried out according to the principles of openness and objectivity, ensuring the selection of the right person for the right job, meeting the requirements for safe, stable, and efficient operation of the Plant. Through recruitment, BTP is gradually building a high-quality workforce that meets the requirements of electricity production in the context of a competitive electricity market and increasingly high requirements for safety and the environment.

Regarding training



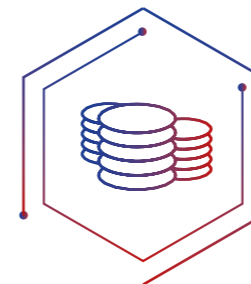
The Company identifies training as one of the key tasks to maintain the quality of human resources and ensure the efficiency of plant operations. Accordingly, the Company continues to organize internal training and coaching programs to enhance professional skills, knowledge of equipment operation, occupational safety, and environmental protection for employees. Through these activities, employees gradually improve their capabilities, meeting job requirements and adapting to the increasingly high demands in electricity production activities.

Regarding the working environment



BTP always focuses on building a safe, disciplined, and professional working environment, considering this the foundation for employees to work with peace of mind and maximize their work efficiency. The Company strictly complies with regulations on occupational safety and hygiene, while regularly inspecting and monitoring working conditions at the Plant to minimize risks and protect the health of employees. In addition, the Company also cares for the mental well-being of its staff and employees through cultural and sports activities, health care, and internal engagement, contributing to building a corporate culture of solidarity, responsibility, and professionalism.

Regarding salary, bonus, and welfare policies



The Company develops salary, bonus, and welfare policies in a fair and transparent manner, linked to work efficiency and production and business results. Employee income is reviewed and adjusted in accordance with their capabilities, qualifications, and level of task completion. In addition to salary, BTP also fully implements regimes and policies for employees in accordance with the provisions of the law and Vietnam Electricity, while simultaneously implementing forms of rewards to promptly recognize and encourage collectives and individuals with achievements in operation, electricity production, and safety assurance. Welfare, insurance, health care, and internal engagement activities are maintained regularly, contributing to improving the material and spiritual life of employees.



INVESTMENT AND CAPITAL CONTRIBUTION IN AFFILIATED COMPANIES

Buon Don Hydropower Joint Stock Company

Unit: Million VND

Indicator	2024	2025	% 2025/2024
Total assets	1,276,004	1,247,829	97.79
Net revenue	296,142	367,175	123.99
Costs of goods sold	183,448	195,557	106.60
Financial income	4,537	28,902	637.04
Financial expenses	28,328	15,258	53.86
costs to sell	-	-	-
General and administrative expenses	13,687	14,476	105.76
Profit from operating activities	75,216	170,786	227.06
Other profit	-125	351	-
Profit before tax	75,092	171,138	227.90
Profit after tax	70,313	162,378	230.94

Simacai Joint Stock Company

The company is in the project construction phase and has not yet commenced production, therefore there are no business results.

Investment and implementation of new projects

None



FINANCIAL SITUATION

Overview of the financial situation

Unit: Million VND

No.	Indicator	2025	2024	% 2025/2024
1	Total assets	1,218,679	1,271,615	95.84%
2	Net revenue	263,278	357,407	73.66%
3	Profit from operating activities	46,128	43,949	104.96%
4	Other profit	(1,928)	(1,133)	-
5	Profit before tax	44,200	42,817	103.23%
6	Profit after tax	42,571	42,817	99.43%

Key financial indicators

Indicator	Unit	2025	2024
Solvency indicators			
Current ratio	Times	5.00	4.47
Quick ratio	Times	3.52	3.18
Capital structure indicators			
Debt/Total assets ratio	%	11.67	16.36
Debt/Owners's equity ratio	%	13.21	19.56
Operational capacity indicators			
Inventory turnover	Times	1.48	2.17
Total asset turnover	Times	0.21	0.26
Profitability indicators			
Profit after tax/Net revenue ratio	%	16.17	11.98
Profit after tax/Average owners's equity ratio	%	3.98	3.78
Profit after tax/Average total assets ratio	%	3.42	3.14
Profit from operating activities/Net revenue ratio	%	17.52	12.30

FINANCIAL SITUATION

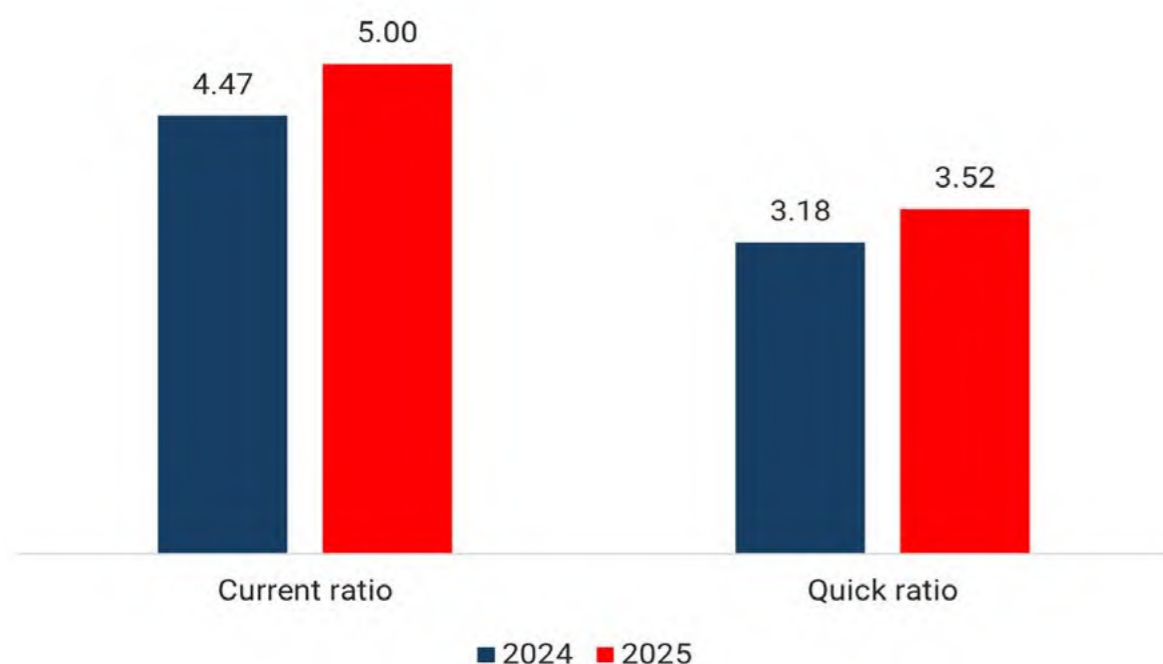
Key financial indicators

Solvency indicators

In 2025, the Company's solvency continued to be consolidated with indicators maintained at high levels and improved compared to the previous year. Specifically, the current ratio reached 5.00 times (compared to 4.47 times in 2024) and the quick ratio reached 3.52 times (compared to 3.18 times). These levels are significantly higher than the standard safety threshold, reflecting a solid financial foundation, the ability to well meet due debt obligations, and the high level of liquidity safety of the Company.

As of December 31, 2025, current assets reached 473,872 million VND, a decrease of 9.87% compared to the beginning of the period. The decline mainly came from the Company's proactive restructuring of its financial asset portfolio to optimize capital usage efficiency. In particular, short-term financial investments decreased from 200,000 million VND to 177,000 million VND (a decrease of 11.5%), corresponding to term deposits being withdrawn to increase investment in an affiliated company (Simacai Joint Stock Company), in line with the strategic investment expansion orientation and long-term profitability enhancement. At the same time, inventories recorded a decrease of 10,742 million VND, showing that the Company is implementing control over procurement and reserve plans to improve inventory turnover and release working capital. Despite the shrinking scale of current assets, the Company still maintains a high liquidity asset structure, with cash and Cash equivalents accounting for 18.25% and short-term financial investments accounting for 37.35% of total current assets.

In parallel, current liabilities at the end of the year reached 94,779 million VND, a decrease of 22,916 million VND (19.47%) compared to the beginning of the period. The decrease mainly came from the Company completing payments for short-term trade payables, especially the payment to the National Research Institute of Mechanical Engineering (31,501 million VND). Proactively reducing debt obligations helps improve the quality of the Balance Sheet, reduces payment pressure, and contributes to further improving liquidity ratios.



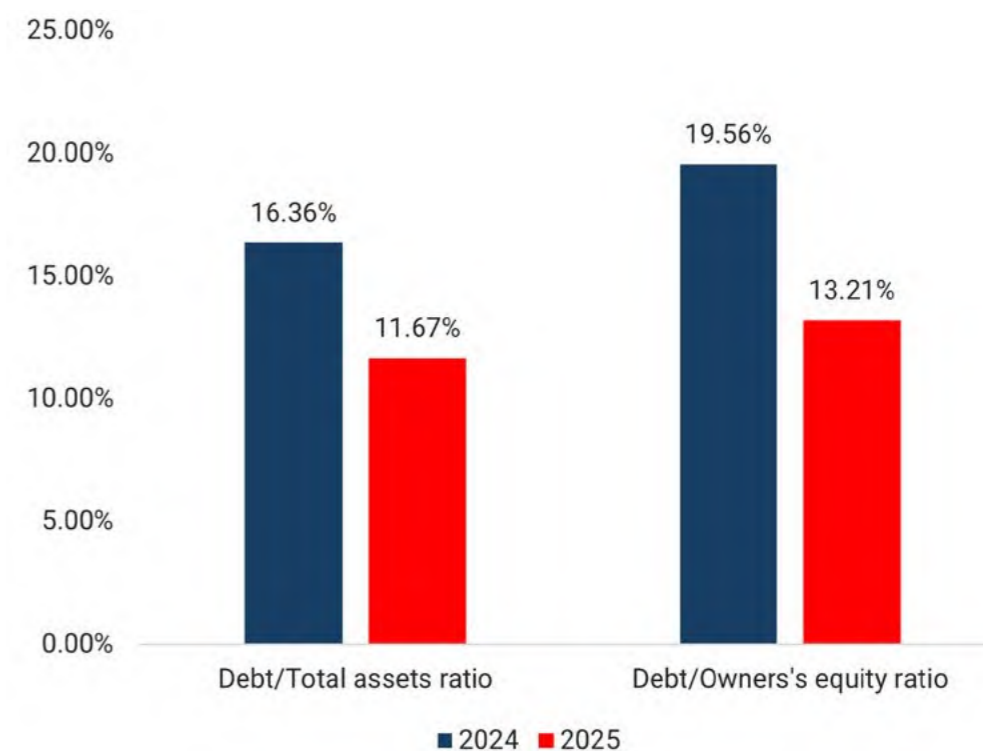
Capital structure indicators

In 2025, the Company's capital structure continued to improve in a safer and more prudent direction, reflected in the simultaneous sharp decrease in financial leverage ratios. Specifically, the debt-to-total-assets ratio decreased to 11.67% and the debt-to-equity ratio decreased to 13.21%. These levels remain low compared to the industry average, showing that the Company has a high level of financial autonomy, less dependence on loan capital, and significant room for capital mobilization when necessary.

As of December 31, 2025, total liabilities reached 142,184 million VND, a decrease of 60,823 million VND compared to the previous year, mainly due to the Company proactively paying off due obligations and gradually narrowing outstanding loans. In particular, short-term trade payables decreased significantly because the Company completed payments to the National Research Institute of Mechanical Engineering as mentioned earlier. In addition, the Won-denominated loan with Vietnam Electricity (EDCF source - South Korea) continues to be repaid on schedule, with the outstanding balance decreasing to 94,809 million VND and is expected to be fully settled by the end of 2027.

The Company's total assets as of December 31, 2025, reached 1,218,679 million VND, a slight decrease compared to the beginning of the period, mainly due to the decline in current assets as analyzed above. Meanwhile, long-term assets continued to be consolidated, with long-term financial investments increasing by 48,964 million VND due to increased investment in an affiliated company and the recognition of provisions for financial investments. Although fixed assets decreased by 46,049 million VND due to planned amortisation (depreciation), this reflects reasonable cost allocation and optimization of existing asset usage efficiency.

In parallel, Owners's equity also increased by 12,887 million VND, mainly thanks to the increase in the Investment and development fund and Retained earnings, thereby consolidating the internal capital base and enhancing overall financial capacity.



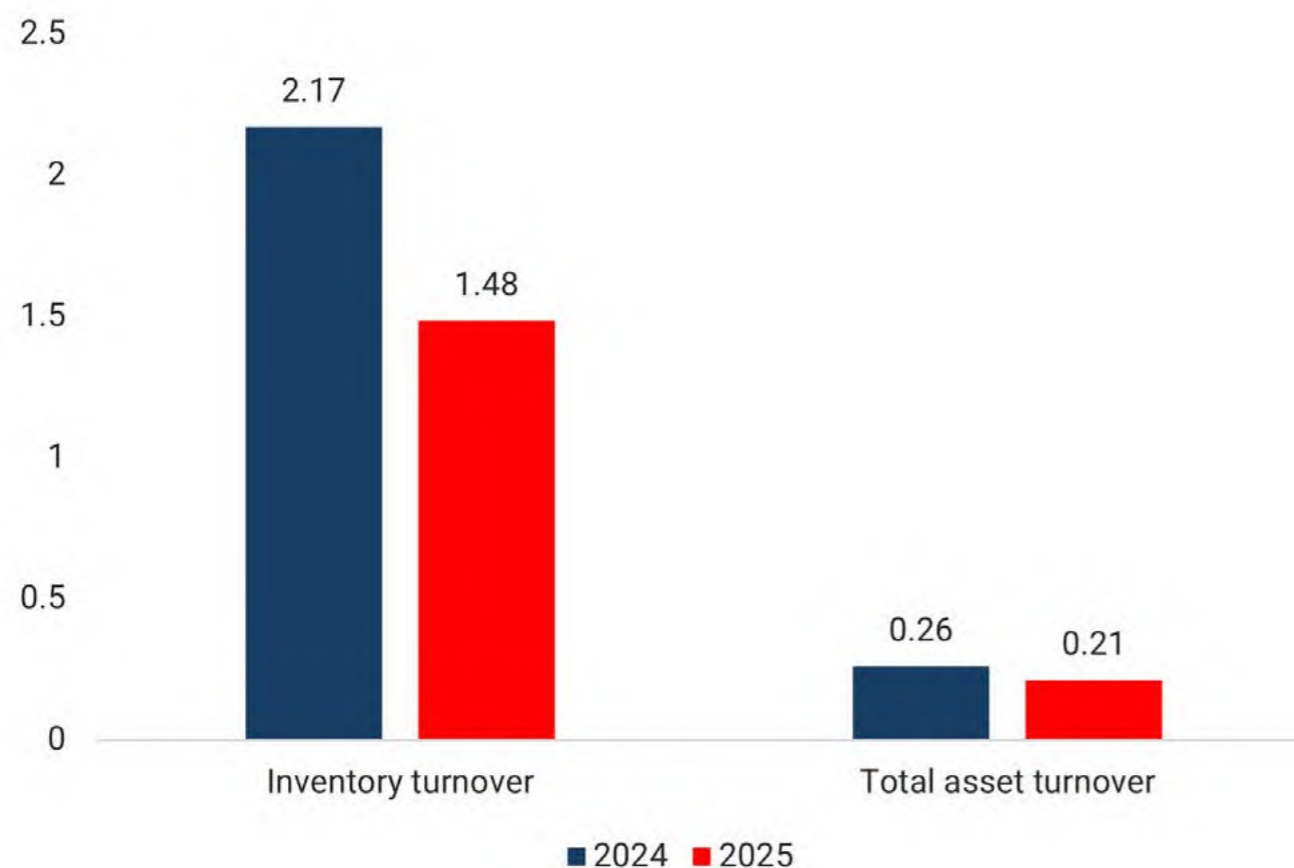
FINANCIAL SITUATION

Key financial indicators

Operating capacity indicators

In 2025, the Company's operating activities continued to be affected by electricity market factors and unfavorable demand for power source mobilization, leading to both net revenue and costs decreasing compared to the same period. Specifically, net revenue reached 263,278 million VND, a decrease of 26.34%, while Costs of goods sold decreased more sharply by 37.14%, to 216,162 million VND. The higher decrease in costs compared to the revenue decrease rate shows that the Company proactively controlled production costs well and used raw materials efficiently, thereby contributing to maintaining profit margins and limiting adverse impacts from the decline in electricity production and commercial electricity output during the year.

In that context, inventory turnover reached 1.48 times, a decrease compared to the 2.17 times level in 2024, mainly due to the slower rate of raw material consumption as electricity production output decreased, while the value of ending inventory only decreased slightly by 7.09%. At the same time, total asset turnover also decreased from 0.26 times to 0.21 times, mainly due to revenue decreasing in line with electricity production and commercial electricity output, while the total asset scale only fluctuated slightly. This reflects the characteristics of a power generation and auxiliary service enterprise where mobilization levels depend heavily on system dispatch needs, rather than internal capacity. However, the Company still maintains a stable asset base, focusing on maximizing equipment efficiency and controlling costs, creating conditions to be ready to seize opportunities to increase output when market conditions are more favorable.

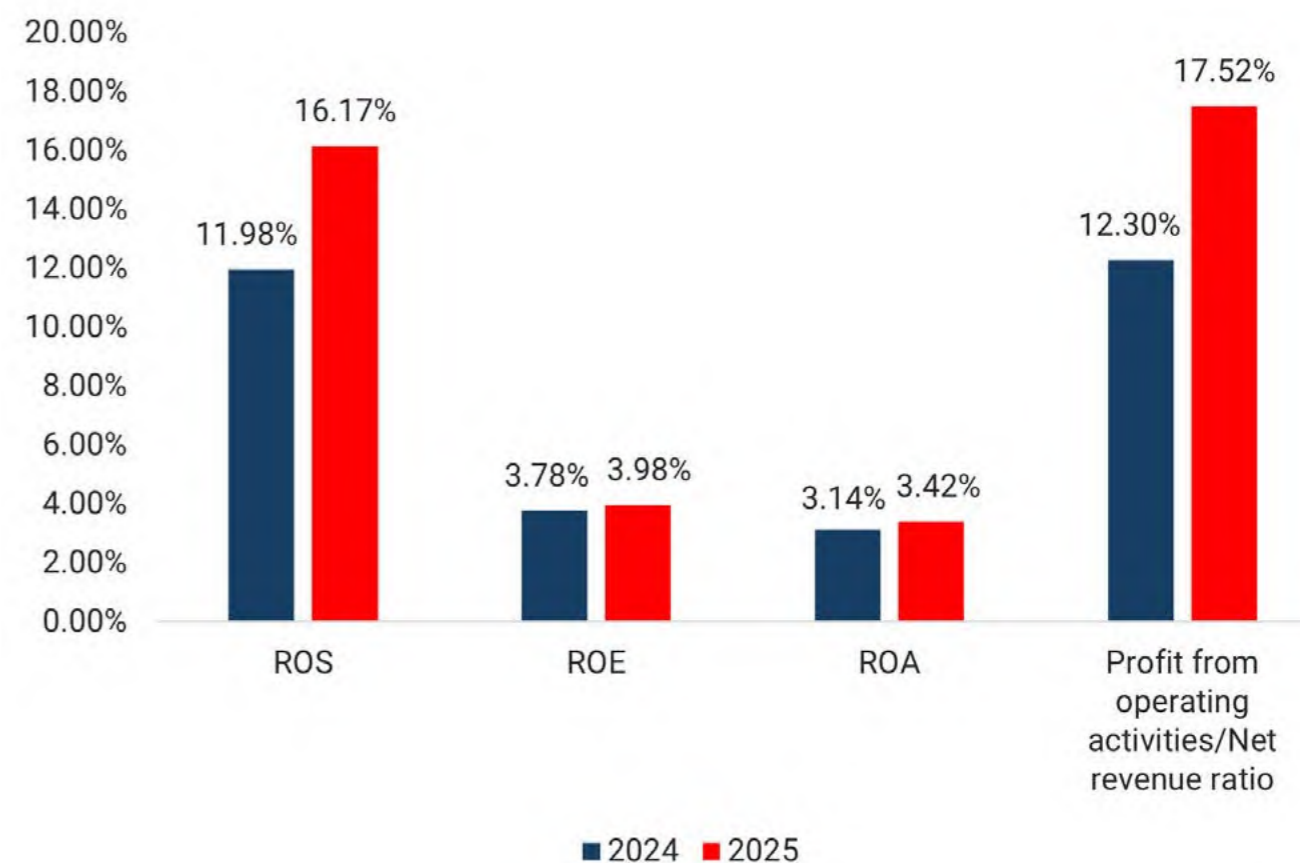


Profitability indicators

In 2025, although net revenue was affected by low electricity production and commercial electricity output levels, the Company's profitability indicators still recorded clear improvements, reflecting efficiency in cost management and optimization of operating activities.

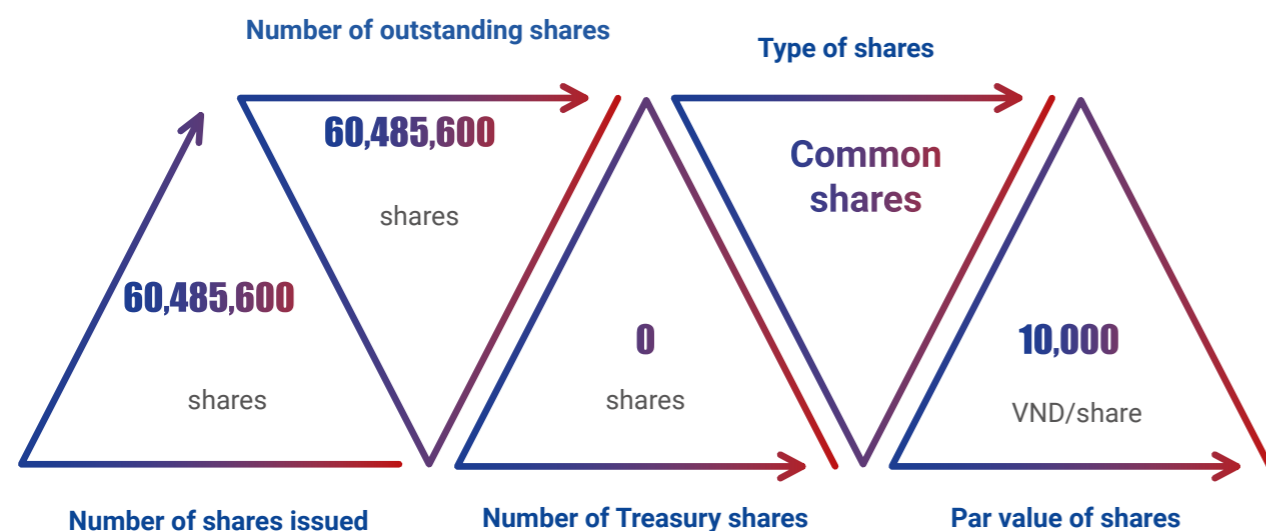
Specifically, the ratio of profit from operating activities to net revenue reached 17.52%, a significant increase compared to the 12.30% level in 2024, while the ratio of profit after tax to net revenue reached 16.17%, higher than the 11.98% level of the previous year. This result is mainly thanks to Costs of goods sold decreasing significantly more than the revenue decrease, demonstrating that the Company proactively reduced fuel costs, optimized equipment operation, and strictly controlled production costs, thereby improving profit margins and core profit quality.

In addition, the efficiency of capital and asset usage continued to improve. The Return on Equity (ROE) reached 3.98%, a slight increase compared to the 3.78% level in 2024, and the Return on Assets (ROA) also improved clearly, reaching 3.42%. These indicators show that the Company is exploiting assets and capital more and more effectively, while maintaining stable profitability in unfavorable market conditions.



SHAREHOLDER STRUCTURE

Stock information



Shareholder structure

(Based on the list as of: November 25, 2025)

No.	Indicator	Number of shares (shares)	Number of shareholders (persons)	Ownership percentage (%)
I	Ordinary share	60,485,600	1,864	100.00
1	Domestic shareholders	57,459,320	1,824	95.00
-	Individual	7,831,949	1,812	12.95
-	Organization	49,627,371	12	82.05
2	Foreign shareholders	3,026,280	40	5.00
-	Individual	105,180	28	0.17
-	Organization	2,921,100	12	4.83
II	Preference shares	-	-	-
III	Treasury shares	-	-	-
	Total	60,485,600	1,864	100.00

Major shareholders

(Based on the list as of: November 25, 2025)

No.	Shareholder name	Address	Number of shares (shares)	Ownership percentage (%)
1	Power Generation Joint Stock Corporation 3	No. 60-66 Nguyen Co Thach Street, Sala Urban Area, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	48,123,557	79.56

Changes in owners' investment capital

Since its inception, the Company has not increased its Charter capital.

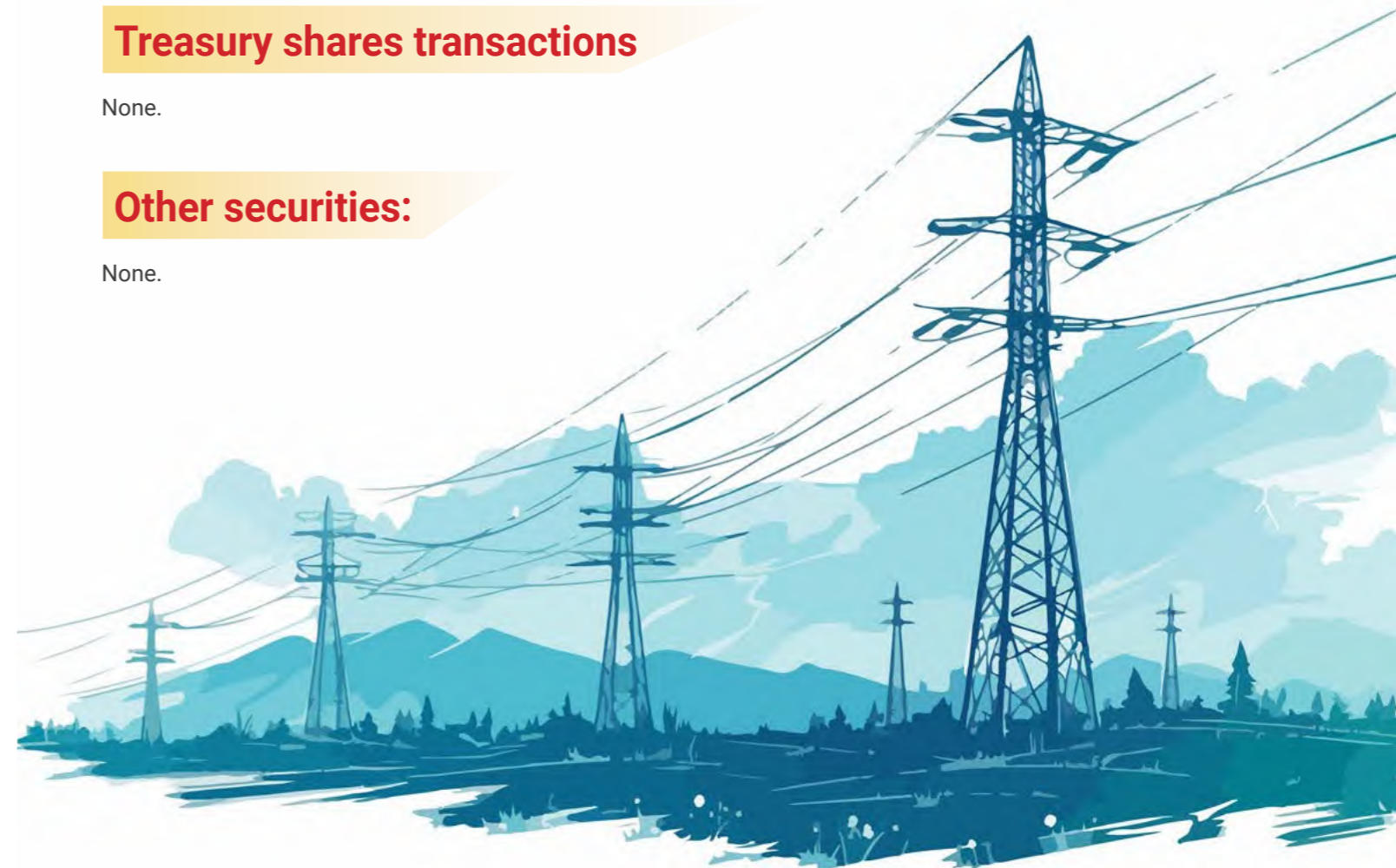
Maximum foreign ownership percentage: 49%

Treasury shares transactions

None.

Other securities:

None.



REPORT ON ENVIRONMENTAL AND SOCIAL IMPACTS



REPORT ON ENVIRONMENTAL AND SOCIAL IMPACTS

Treatment of domestic and industrial wastewater

The Company's wastewater sources include:

- Domestic wastewater.
- Industrial wastewater.

Water is an essential and irreplaceable resource in the electricity generation activities of BaRia Thermal Power Joint Stock Company. Recognizing the importance of this resource, the Company always prioritizes the economical, efficient, and responsible use of water, while applying strict control procedures to ensure that all treated wastewater meets the National Technical Regulations on the environment before discharge.

During the year, the centralized wastewater treatment system continued to operate stably, in conjunction with periodic monitoring of water quality parameters, enabling the timely detection and handling of any abnormal fluctuations.

Management of raw materials

The Company uses natural gas as the primary fuel for its generating units, which is an energy source with lower emissions compared to traditional fossil fuels, contributing to the reduction of greenhouse gas emissions and improving production efficiency. In the event of a gas supply interruption, DO oil is used as an alternative fuel to ensure the continuity and safety of power supply to the system.

With a sustainable development orientation, the Company focuses on strictly managing input materials through:

- Optimizing fuel and chemical consumption norms;
- Controlling inventory reasonably, limiting losses and waste;
- Prioritizing the selection of suppliers that meet quality and environmental standards.

In parallel, the Company continues to apply advanced technical and technological solutions in operation and maintenance, including Reliability Centered Maintenance (RCM), digitalization of operational data, and real-time equipment condition monitoring. These solutions help detect risks early, reduce downtime, save repair costs, and optimize unit efficiency, thereby reducing fuel consumption and environmental emissions.

Through improving energy efficiency, saving resources, and reducing emissions, the Company is gradually contributing to the goal of reducing greenhouse gas emissions, aiming for net-zero emissions by 2050 in accordance with Vietnam's commitment at COP26. This not only demonstrates environmental responsibility but also reinforces the Company's image as an energy enterprise that operates safely, friendly, and responsibly toward the community.

Exhaust gas treatment

Sources of dust and exhaust gas at the Company mainly come from:

- Exhaust gas from generating units using natural gas as the primary fuel;
- DO oil backup fuel.

Compared to traditional fossil fuels, natural gas has lower emission characteristics, especially for dust, SO_x, and CO₂, thus contributing to minimizing environmental impact from the inputs. Prioritizing the use of cleaner fuel sources demonstrates the Company's consistent orientation in the transition to an environmentally friendly power generation model.

The Company always places top priority on controlling ambient air pollution levels around the plant area through a strict technical management and environmental monitoring system. Improvement solutions have been implemented synchronously, including upgrading the exhaust pipe system, installing steam tails, and increasing the chimney height to 25m to increase exhaust gas dispersion capacity, minimizing impact on the surrounding area. At the same time, the Company conducted periodic environmental monitoring of emission parameters, ensuring that dust, NO_x, CO, and other air pollutants consistently remained within the permissible limits in accordance with the National Technical Regulations.

Results from monitoring reports and environmental impact assessments show that the combination of using natural gas, optimizing unit operating modes, and improving exhaust gas dispersion infrastructure has helped the air quality around the plant area be controlled stably, fully meeting current environmental standards. This confirms the Company's responsibility in complying with the law, protecting the health of employees and the local community, and contributing to the implementation of sustainable development commitments.

REPORT ON ENVIRONMENTAL AND SOCIAL IMPACTS

Energy consumption

As an electricity production unit, the Company identifies efficient energy use and saving self-consumed electricity as one of the management focuses to improve operational efficiency and reduce emissions. The Company has established a system for monitoring, reporting, and updating energy consumption data on a monthly basis, thereby closely evaluating the situation of electricity and fuel use and timely detecting non-optimal points to have adjustment measures.

Energy consumption data is aggregated and analyzed at the end of the year to build reduction plans for the next period, while integrating energy-saving targets into operational management. This approach not only helps control production costs but also contributes to reducing emission intensity per unit of electricity.

- In parallel with monitoring, the Company also implements many solutions to save self-consumed electricity in operational areas and offices, such as:
- Using inverters for the air compressor system and ACC fans of the ST10 unit to adjust speed according to actual demand;
- Gradually replacing traditional lighting systems with energy-saving LED lights;
- Optimizing equipment operation time, turning off machines when not needed;
- Utilizing natural light and ventilation in office areas;
- Promoting communication to raise awareness of energy saving for employees.

In addition, the Company is gradually digitizing operational data and applying smart energy management solutions, helping to improve internal load forecasting capabilities and optimize unit operating modes. As a result, self-consumed energy levels are effectively controlled, contributing to improving the overall efficiency of the plant.

Treatment of domestic solid waste and hazardous waste

The amount of waste generated during the Company's operations is tracked, recorded, and managed regularly. Common industrial solid waste is mainly generated from production and equipment maintenance activities, including paper, cardboard, packaging, replacement materials, air filters/screens, metal scrap (iron, steel, aluminum...), wood, and packaging materials. The Company performs sorting at the source, prioritizing reuse or recovery of valuable scrap to minimize the volume of waste that needs to be treated.

For domestic solid waste, the Company signed a contract with Ba Ria Urban Service Joint Stock Company under Contract No. 07/HĐVS.5 dated January 02, 2025, for daily collection and transportation, ensuring environmental hygiene within the plant premises, maintaining a green – clean – beautiful landscape, and preventing the risk of secondary pollution.

For hazardous waste (waste oil, oil-contaminated rags, fluorescent lamps, batteries, chemicals, chemical-contaminated packaging, technical sludge...), the Company manages it according to a strict process: separate collection, labeling, storage in a specialized warehouse that meets technical standards, and measures to prevent leakage and fire/explosion. All hazardous waste is handed over to units with legal treatment licenses, ensuring the transportation – treatment – disposal process fully complies with environmental protection laws. Records, vouchers, tracking logs, and periodic reports are fully stored to serve the inspection and supervision of functional agencies.

Besides complying with the law, the Company also promotes awareness for employees about waste sorting, minimizing waste generation, and using materials economically, encouraging recycling initiatives and the use of environmentally friendly materials in office and production activities.



REPORT ON ENVIRONMENTAL AND SOCIAL IMPACTS

Report on responsibility to the local community

In 2025, the Company organized for officers and employees to participate in humanitarian blood donation with 79 participants, contributing to supporting community health care. At the same time, the Company implemented support for building and repairing Great Solidarity Houses for households in particularly difficult circumstances in Long Huong Ward. In addition, BTP actively joined hands to support people in the Central and Central Highlands regions affected by storms and floods through donation activities, support, and sending forces to participate in cleaning, embellishing infrastructure, checking and replacing electrical systems, fans, light bulbs, and power lines, while also supporting electrical repairs for health stations, communes, wards, and disadvantaged households. These activities not only demonstrate the spirit of mutual affection and sharing with society but also contribute to strengthening the close Relationship between the business and the locality, affirming the Company's commitment to harmonious development between business efficiency and community responsibility.



Policies related to employees

The Company identifies human resources as a key factor for sustainable development and always places employees at the center of its management strategy. Annually, the Company organizes the Employee Conference and periodic dialogues to listen to and receive feedback, ensuring legal rights and benefits while enhancing transparency and internal cohesion.

The Company also fully implements salary, bonus, insurance, and welfare policies as prescribed, while caring for the material and spiritual lives of employees through periodic health check-ups, cultural and sports activities, and welfare support programs. In addition, professional training, occupational safety, and skills enhancement are prioritized to improve the quality of human resources, ensuring a safe, professional, and stable long-term working environment.

Report on green capital market activities in accordance with the guidance of The State Securities Commission of Vietnam

Currently, the Company has not engaged in capital mobilization activities within the green capital market. However, it is very interested in monitoring information regarding these activities and will actively participate upon receiving directives from The State Securities Commission of Vietnam.





03

REPORT AND ASSESSMENT OF THE GENERAL DIRECTOR

- 1. Assessment on production and business activities**
- 2. Financial situation**
- 3. Improvements in organizational structure, policies, and management**
- 4. Explanation of the General Director regarding audit opinions**
- 5. Future development plan**
- 6. Assessment report related to environmental and social responsibilities**

ASSESSMENT ON PRODUCTION AND BUSINESS ACTIVITIES

Overall assessment on the Company's operations

Unit: Million VND

No.	Indicator	Actual 2025	Actual 2024	Plan 2025	Actual 2025/ Plan 2025	Actual 2025 / Actual 2024
1	Total revenue	311,926	431,957	442,820	70.44%	72.21%
2	Total expenses	267,726	389,141	410,930	65.15%	68.80%
3	Profit before tax	44,200	42,817	31,890	138.60%	103.23%
4	Profit after tax	42,571	42,817	31,496	135.16%	99.43%

In 2025, in the context of the macroeconomic environment maintaining a positive growth momentum with GDP increasing by 8.02% and stable electricity demand, under the close direction of Power Generation Joint Stock Corporation 3 (EVNGENCO3), the effective coordination of the Trade Union, and the solidarity and efforts of the Board of Management and all employees, the Company basically completed the set profit targets. Although total revenue reached 311,926 million VND, equivalent to 70.44% of the plan, due to the impact of generating units mainly operating in reserve and peak-shaving modes, the Company proactively implemented effective cost-reduction and operational optimization solutions. As a result, total costs were controlled at 267,726 million VND, creating a foundation for profit before tax and profit after tax to reach 44,200 million VND and 42,571 million VND, respectively, far exceeding the set targets and maintaining stability compared to the previous year, thereby clearly demonstrating the effectiveness in management as well as the Company's flexible adaptability in a volatile market context.

Reach **311,926** million VND

Total revenue

Reach **44,200** million VND

Profit before tax

Advantages

- In 2025, the Company continued to receive close attention, direction, and effective support from Vietnam Electricity (EVN) and Power Generation Joint Stock Corporation 3 (EVNGENCO3), creating a solid foundation for the Company to proactively overcome difficulties, improve management efficiency, optimize operations, and maintain stable growth.
- The power industry is forecasted to maintain positive growth momentum thanks to the continuously increasing demand for electricity, associated with the process of industrialization, urbanization, and economic recovery. As an essential infrastructure industry, electricity continues to hold a strategic position in ensuring national energy security, thereby opening up many opportunities for sustainable development for power generation units, including BaRia Thermal Power Joint Stock Company.
- Currently, the Company operates under the mechanism of providing auxiliary services, in which the variable price of the power purchase contract is determined based on actual fuel costs, thereby significantly limiting the risk of entry price fluctuations and creating a stable foundation for revenue, profit, and cash flows. On this basis, proactively optimizing operations, reducing fuel consumption, and controlling production costs continue to help the Company improve its cost of goods sold and enhance profitability.
- In addition, the Company possesses a stable, experienced, and highly qualified workforce, which meets the requirements for operating generating units and effectively implementing production and business tasks. Promoting comprehensive digital transformation in management, technical-production, and construction investment has contributed to improving labor productivity, optimizing resources, enhancing transparency and adaptability, thereby strengthening competitive advantages and creating momentum for the Company's long-term development.

Difficulties

- In 2025, the energy market continued to be affected by macroeconomic fluctuations and global trade, along with gas fuel prices remaining at high levels, which somewhat affected the competitiveness of gas-fired thermal power sources. Furthermore, the electricity market operation mechanism is increasingly being perfected towards competition, prioritizing the mobilization of low-cost power sources, which caused the demand for mobilizing the Company's generating units to be low at times, with many units operating in reserve status, thereby impacting the electricity generation output and revenue during the period.
- While the economy's electricity consumption demand maintains a long-term growth trend, the supply of domestic gas, especially in the Southeast region, continues to decline as many gas fields enter a natural depletion phase, increasing dependence on imported LNG and setting higher requirements for fuel cost management as well as flexibility in system operation.

FINANCIAL SITUATION

Assets situation

Unit: Million VND

Indicator	December 31, 2025		December 31, 2024		% increase/ decrease
	Value	Proportion	Value	Proportion	
Current assets	473,872	38.88%	525,740	41.34%	-9.87%
Non-current assets	744,807	61.12%	745,875	58.66%	-0.14%
Total assets	1,218,679	100.00%	1,271,615	100.00%	-4.16%

Assessment

The nature of the power generation industry requires large investments in fixed assets and technical infrastructure from the initial stage; therefore, non-current assets always account for the majority of the Company's total assets. As of December 31, 2025, the Company's total assets reached 1,218,679 million VND, a slight decrease of 4.16% compared to the beginning of the period, mainly due to the adjustment of current assets in the context of the Company proactively restructuring cash flows and optimizing the efficiency of working capital usage.

Specifically, current assets reached 473,872 million VND, a decrease of 9.87%, in which short-term financial investments decreased from 200,000 million VND to 177,000 million VND (a decrease of 11.5%). Conversely, non-current assets continued to be consolidated and maintained a stable foundation for production activities, especially long-term financial investments, which increased by 48,964 million VND due to increased investment in an affiliated company with a total value of 51,827 million VND. Meanwhile, fixed assets decreased by 46,049 million VND, mainly due to planned amortisation (depreciation), reflecting the asset cycle characteristics of the power industry, while the system of Equipment & machine is still maintained in safe and efficient operation.

Liabilities situation

Unit: Million VND

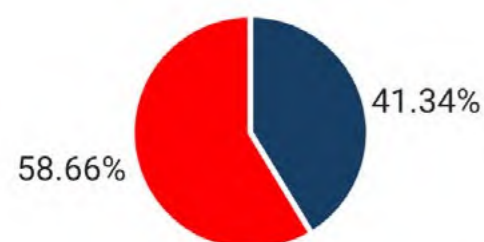
Indicator	December 31, 2025		December 31, 2024		% increase/ decrease
	Value	Proportion	Value	Proportion	
Current liabilities	94,779	66.66%	117,696	56.58%	-19.47%
Long-term liabilities	47,404	33.34%	90,311	43.42%	-47.51%
Total liabilities	142,184	100.00%	208,007	100.00%	-31.64%

Assessment

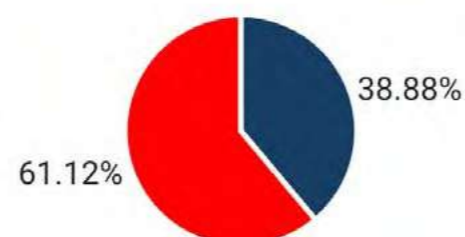
As of December 31, 2025, current liabilities were recorded at 94,779 million VND, a decrease of 22,916 million VND, corresponding to a decrease of 19.47% compared to the beginning of the period. This decrease mainly came from the Company completing payments to the National Research Institute of Mechanical Engineering. Long-term liabilities decreased sharply by 47.51% as the Company made timely principal repayments for the Won-denominated loan from Vietnam Electricity, which financed the 306-2 steam tail project. The outstanding balance of this loan continued to narrow to 94,809 million VND (including the portion due within the year) and is expected to be fully settled by the end of 2027 according to the committed schedule.

As a result, total liabilities at the end of the year were only 142,184 million VND, a decrease of 31.64% compared to 2024. The significant reduction in debt obligations in the context of stable production and business activities has contributed to improving the quality of the Balance Sheet, enhancing financial safety, and creating room for the Company to flexibly mobilize resources for investment plans in the coming period.

2024 asset proportion

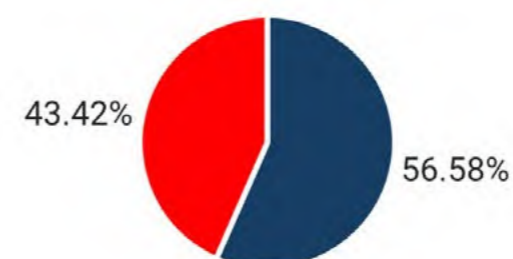


2025 asset proportion

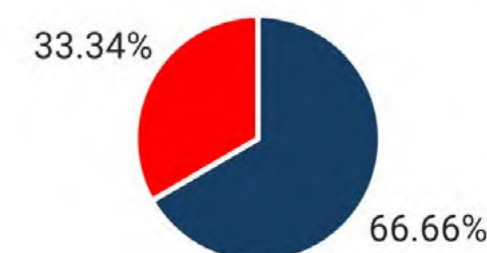


■ Current assets ■ Non-current assets ■ Current assets ■ Non-current assets

2024 liabilities proportion



2025 liabilities proportion



■ Current liabilities ■ Long-term liabilities ■ Current liabilities ■ Long-term liabilities

IMPROVEMENTS IN ORGANIZATIONAL STRUCTURE, POLICIES, AND MANAGEMENT

In 2025, the Company continued to perfect its organizational structure towards streamlining, improving specialization, and coordination efficiency between units, thereby enhancing management capacity and the ability to react flexibly to fluctuations in the electricity market. With close attention and direction from Power Generation Joint Stock Corporation 3 (EVNGENCO3), the Company proactively implemented synchronized management and operational solutions, successfully completing the task of supplying safe and stable electricity to the national power system, especially during peak periods and the dry season.

Production operation continues to be identified as the focus, with the goal of ensuring safety, reliability, and optimizing economic efficiency. The Company promotes cost control, practices thrift, prevents waste in the procurement of materials and equipment, improves the efficiency of maintenance and repair, and maximizes the capacity of generating units. In parallel, labor productivity is also improved through reasonable personnel arrangement, strengthening professional training, and applying advanced management methods.

In particular, the digital transformation program continues to be implemented comprehensively in the fields of technology, material management, finance-accounting, and production management, helping to standardize data, ensure process transparency, and improve the quality of decision-making.

Explanation of the General Director regarding audit opinions

The 2025 audited financial statements of BaRia Thermal Power Joint Stock Company were approved in full; therefore, the General Director has no explanation to provide.



FUTURE DEVELOPMENT PLAN

No.	Indicator	Unit	Plan 2026 (*)
1	Total electricity generation	Million kWh	85.00
2	Electricity sold (Commercial)	Million kWh	82.69
3	Total revenue	Million VND	432,138
4	Total expenses	Million VND	396,448
5	Profit before tax	Million VND	35,690
6	Profit after tax	Million VND	34,623
7	Dividends	%	2.00

(*) The 2026 plan targets are based on data currently prepared by the Company; the official 2026 plan figures will be approved by the 2026 General Meeting of Shareholders.

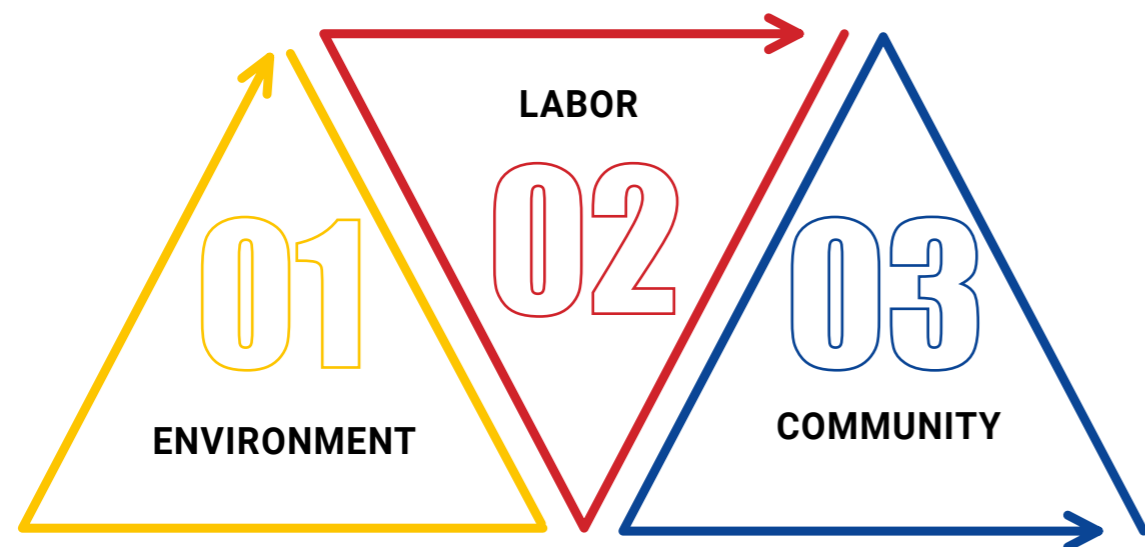
Basis for completing the plan

To ensure the completion of the 2026 production and business activities targets, the Company will focus on synchronously implementing solutions to optimize operational efficiency and enhance proactiveness in resource management. In the context of declining domestic gas sources, the Company must always proactively seek and diversify additional gas supply sources, and develop flexible fuel plans to ensure sufficient fuel for continuous, safe, and stable operation. Simultaneously, the monitoring and supervision of the units' performance are also strictly carried out, combined with timely management direction and work progress control, helping to optimize generating unit efficiency and minimize arising financial risk.

Besides that, forecasting the power system and power market situation will continue to be prioritized, thereby helping the Company proactively build production plans suitable to supply-demand trends, optimize costs, and effectively leverage power mobilization opportunities.

The Company also identifies the development of high-quality human resources as a key factor, through promoting professional training, improving operational skills, and strengthening the application of digital transformation in management and production. Building a specialized, experienced workforce will create a solid foundation to help the Company improve labor productivity, adapt quickly to new technological requirements, and consolidate competitive advantages.

ASSESSMENT REPORT RELATED TO ENVIRONMENTAL AND SOCIAL RESPONSIBILITIES



Assessment related to environmental indicators



Aiming for sustainable development, the Company identifies environmental protection as a consistent task alongside electricity production activities. Besides ensuring operational efficiency and economic effectiveness, the Company pays special attention to raising awareness of resource saving, anti-waste, and strict compliance with environmental legal regulations among all officers and employees.

In 2025, the Company continued to synchronously implement solutions to control emissions and minimize environmental impacts. Production processes are optimized to improve fuel efficiency, reduce energy consumption, and limit waste generation. Environmental monitoring and supervision are carried out periodically, ensuring that emission parameters are always within the permitted limits according to national technical standards.

In parallel, industrial hygiene and fire and explosion risk control are maintained regularly in production areas, corridors, and warehouses to maintain a safe and clean working environment. The Company also periodically reviews and evaluates environmental risks throughout the entire operation process to timely implement preventive and remedial measures, gradually building an environmentally friendly power plant model.

Assessment related to labor-related issues



To build a safe, stable, and highly cohesive working environment, policies on salaries, bonuses, and welfare are always implemented fully, timely, and transparently. Employees are equipped with labor protection gear, participate in 24/24 accident insurance, health care insurance, and periodic health check-ups, thereby ensuring safety and improving the quality of life.

Occupational health and safety work is also strengthened through training programs, professional drills, and periodic inspections and examinations, helping to raise awareness and skills in preventing accidents and occupational diseases. As a result, the working environment is always maintained safely, risks are limited, and continuous, efficient production operation is ensured.

In 2025, the Company also organized many practical activities to care for the material and spiritual life of employees, such as responding to the National Week for Disaster Prevention and Control, the jogging program on the occasion of Workers' Month towards World Environment Day on June 5, the "Trade Union Meal" to express gratitude to employees, along with fire prevention and rescue training courses. These activities not only contribute to improving the health of employees but also help enhance the spirit of solidarity and the long-term attachment of employees to the Company.

Assessment related to the Company's responsibility to the local community



In 2025, BTP continued to promote social responsibility activities with many practical programs aimed at the community and the locality where the Company operates, affirming its role as a business that is connected and develops sustainably with society.

Notably, the Company organized campaigns for officers and employees to participate in humanitarian blood donation, implemented support for building and repairing Great Solidarity Houses for households in especially difficult circumstances in Long Huong Ward. BTP also actively joined hands to support people in the Central and Central Highlands regions affected by storms and floods through donation activities, support, and sending forces to participate in cleaning and refurbishing infrastructure, power line systems, as well as supporting electrical repairs for medical stations, communes, wards, and disadvantaged households.

These activities not only contribute to spreading the spirit of sharing and mutual affection but also affirm the Company's commitment to harmonious development between production and business efficiency and social responsibility, thereby consolidating the image of a reputable, humane, and sustainable business in the community.



04

REPORT AND ASSESSMENT OF THE BOARD OF DIRECTORS

1. Assessment of the Board of Directors on the Company's operational aspects
2. Evaluation of the Board of Directors on the performance of the General Director
3. Plans and orientations of the Board of Directors

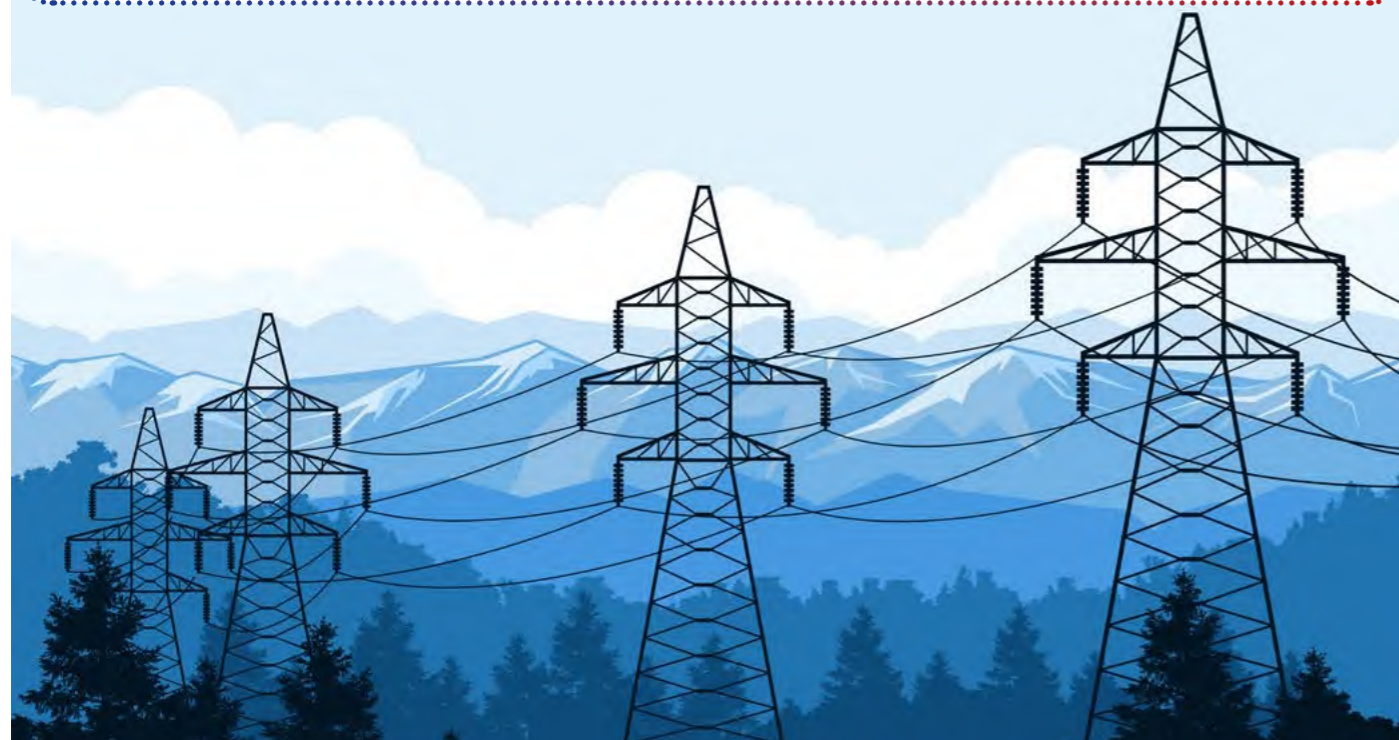
ASSESSMENT OF THE BOARD OF DIRECTORS ON THE COMPANY'S OPERATIONAL ASPECTS

Regarding production and business activities

Unit: MWh

No.	Indicators	Actual 2025	Plan 2025	% Actual 2025/ Plan 2025
I	Electricity generation	13,712.46	85,000.00	16.13%
1	Electricity production of TBK	10,851.13	55,935.58	19.40%
	By gas	9,509.32	55,935.58	17.00%
	By DO oil	1,341.81	0.00	-
2	Electricity production of TBH	2,861.33	29,064.42	9.84%
	ST9 exhaust steam	1,543.93	13,247.10	11.66%
	ST10 exhaust steam	1,317.40	15,817.32	8.33%
II	Commercial electricity	13,290.61	82,688.93	16.07%

To ensure accuracy and efficiency in electricity sales payments, the Company proactively completed full documentation, strengthened control, and transparently reconciled data with the Power Trading Company, thereby ensuring payment on schedule and in accordance with regulations.



Regarding financial work

The Company implemented financial management in a proactive and cautious manner, establishing detailed financial plans linked to each production and business target and long-term investment strategy. Resources were allocated flexibly, prioritizing material items to optimize asset efficiency and improve profitability. Simultaneously, the Company also strengthened cost control, reduced unnecessary expenses, promoted thrift and anti-waste practices, thereby improving profit margins.

Cash flows and debt management were also closely monitored, ensuring safe liquidity and maintaining stable cash sources to serve continuous production. Besides that, the Company regularly evaluated the efficiency of investments, proactively managed financial risk, and fully complied with regulations on information disclosure, contributing to consolidating the reputation and trust of shareholders and partners.



Regarding governance work



The Company continued to improve its governance model towards being modern, transparent, and professional. The system of internal regulations and procedures was reviewed, updated, and standardized to improve coordination efficiency between units, increase control, and minimize operational risks. In parallel, the Company also promoted the application of information technology and digital transformation in production, financial, and human resources management, gradually digitizing data and automating reports, helping to improve labor productivity and support timely and accurate decision-making.

Regarding investment in new power source development

The Company regularly monitored and updated the progress of power source projects under development and completed items to evaluate investment efficiency, draw experience in management, and optimize operating costs. Simultaneously, the Company also proactively researched power development planning, sought and screened potential investment opportunities, and actively worked with partners to discuss, negotiate, and prepare necessary conditions for participating in new projects.



PLANS AND ORIENTATIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS

Regarding electricity production and business activities

No.	Criteria	Unit	2026 Plan (*)
1	Total electricity generation	Million kWh	85.00
2	Electricity sold (Commercial)	Million kWh	82.69
3	Total revenue	Million VND	432,138
4	Total expenses	Million VND	396,448
5	Profit before tax	Million VND	35,690
6	Profit after tax	Million VND	34,623
7	Dividends	%	2.00

(*) The 2026 plan targets are based on current data prepared by the Company; the official 2026 plan data will be approved by the 2026 General Meeting of Shareholders.

Regarding corporate governance

The Board of Directors directs the Company to continue perfecting its governance model towards transparency, professionalism, and alignment with good corporate governance practices, ensuring that all activities strictly comply with the Company's Charter, internal regulations, and current legal provisions. Internal control, risk management, and compliance monitoring are strengthened to proactively prevent financial, legal, and operational risks, thereby enhancing safety and sustainability in production and business activities.

In parallel, the Company needs to focus on improving operational efficiency through cost optimization, standardization of business processes, promotion of digital transformation, and application of information technology in data management, planning – finance, and production operations. Resource management should be implemented in a lean and effective manner, contributing to improved labor productivity and increased value for shareholders.

In the field of finance – accounting, the Company continues to maintain strict financial discipline, ensuring proactive cash flows management, timely debt collection, and reasonable balance of resources for production and business needs and development investment. At the same time, the Board of Directors focuses on developing high-quality human resources through intensive training, fostering management and technical capabilities, and building a professional team ready to adapt to the increasingly high requirements of the market.

Regarding investment in the development of new power sources

The Board of Directors identifies investment in new power sources as a key orientation to expand scale and create long-term growth momentum for the Company. The Company needs to proactively monitor and evaluate projects in the industry, while actively researching and negotiating with potential partners to seek effective investment opportunities, prioritizing high-efficiency and environmentally friendly power sources.



EVALUATION OF THE BOARD OF DIRECTORS ON THE PERFORMANCE OF THE GENERAL DIRECTOR

In 2025, the General Director seriously implemented and fully executed the Resolutions and Decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, ensuring that management activities complied with the strategic direction and development goals of the Company, while maximizing the protection of the legal rights of shareholders.

The General Director maintained a flexible management mechanism, proactively monitored developments in the power market, fuel supply situation, and production and business activities, thereby timely proposing and implementing appropriate solutions to optimize operational efficiency, control costs, and limit arising risks. The direction of production dispatching was also carried out strictly, helping to ensure that generating units operate safely and stably, meeting the mobilization requirements of the national power system.

The General Director strengthened internal management, promoted cost reduction, improved labor productivity, and pushed for digital transformation in management and operation. Regularly evaluating the performance of each unit, timely identifying shortcomings, and exploiting development opportunities well helped the Company use resources effectively, improve investment efficiency, and enhance competitiveness.



05

CORPORATE GOVERNANCE

1. Board of Directors
2. Board of Supervisors
3. Transactions, remuneration, and benefits of the Board of Directors, General Director, and Board of Supervisors

BOARD OF DIRECTORS

Composition and structure of the Board of Directors

No.	Member of the Board of Directors	Position	Number of shares owned (shares) (*)		Ownership percentage (%) / Charter Capital
			Individual	Representative	
1	Mr. Nguyen Tien Dung	Chairman of the Board of Directors	3,200	19,249,423	31.82
2	Mr. Le Van Huy	Member of the Board of Directors cum General Director	-	12,030,889	19.89
3	Mr. Tran Le Trung Hieu	Non-executive member of the Board of Directors	-	4,812,356	7.96
4	Mr. Tran Le Minh	Independent member of the Board of Directors	-	-	-
5	Mr. Chau Thien Minh Tri	Non-executive member of the Board of Directors	-	12,030,889	19.89

(*) Based on the list of shareholders as of November 25, 2025



Profile of the Board of Directors



MR. NGUYEN TIEN DUNG

Chairman of the Board of Directors

Year of birth: 1968

Qualification: Mechanical Engineer, Master of Business Administration.

Place of birth: Hoang Hoa Commune, Thanh Hoa Province

Position at other companies: None

Number of shares held as of November 25, 2025:

Individual: 3,200 shares, accounting for 0.0053% of Charter Capital

Representative: 19,249,423 shares, accounting for 31.82% of Charter Capital

Work experience:

January 1989 – July 1991 Worked at Tri An Hydropower Plant

August 1991 – November 1992 Worked at the gas turbine station of Cho Quan Power Plant

December 1992 – December 1995 Head of electromechanical repair group, Ba Ria Power Plant.

January 1996 – December 1997 Head of mechanical repair group, Electromechanical Repair Workshop, Ba Ria Power Plant.

January 1998 – June 2003 Deputy Manager of Mechanical Repair Workshop.

June 2003 – February 2008 Manager of Mechanical and Thermal Repair Workshop, Ba Ria Thermal Power Company.

February 2008 – September 2010 Deputy General Director of BaRia Thermal Power Joint Stock Company.

October 2010 – June 2019 Member of the Board of Directors and General Director of BaRia Thermal Power Joint Stock Company.

July 2019 – June 2021 Head of Production Engineering Department, Power Generation Joint Stock Corporation 3.

July 2021 – October 2021 Member of the Board of Directors of BaRia Thermal Power Joint Stock Company.

November 2021 – present Chairman of the Board of Directors of BaRia Thermal Power Joint Stock Company

June 2025 – present Party Secretary of the Party Committee of BaRia Thermal Power Joint Stock Company

BOARD OF DIRECTORS

Profile of the Board of Directors



Member of the Board of Directors

Year of birth: 1977

Qualification: Engineer in Electrification and Power Supply

Place of birth: Ba Ria Ward, Ho Chi Minh City

Current position at other companies: Chief of Office - TTBV, Power Generation Joint Stock Corporation 3.

Number of shares held as of November 25, 2025:

Individual: 0 shares, accounting for 0% of Charter Capital

Representative: 4,812,356 shares, accounting for 7.96% of Charter Capital

MR. TRAN LE TRUNG HIEU

Work experience:

March 2000 – July 2007	Operator at Operation Workshop 2, Phu My Thermal Power Company.
July 2007 – January 2012	Shift Leader at Operation Workshop 2, Phu My Thermal Power One Member Limited Liability Company
January 2012 – January 2013	Head of Technical and Office Group, Operation Workshop 2, Phu My Thermal Power One Member Limited Liability Company.
January 2013 – September 2014	Deputy Manager of Operation Workshop 2, Power Generation Joint Stock Corporation 3.
October 2014 – April 2016	Deputy Chief of Office - Security and Fire Prevention, Power Generation Joint Stock Corporation 3.
May 2016 – present	Chief of Office - Security and Fire Prevention, Power Generation Joint Stock Corporation 3
June 2021 – present	Member of the Board of Directors of BaRia Thermal Power Joint Stock Company.



Independent member of the Board of Directors

Year of birth: 1966

Qualification: Electrical Engineer, Master of Business Administration

Place of birth: Tinh An Dong Commune, Quang Ngai Province

Position at other companies: Deputy General Director of Power Engineering Consulting Joint Stock Company 3 (EVNPECC3).

Number of shares held as of November 25, 2025:

Individual: 0 shares, accounting for 0% of Charter Capital

Representative: 0 shares, accounting for 0% of Charter Capital

MR. TRAN LE MINH

Work experience:

January 1990 – February 2003	Worked at Source Project Department, Power Engineering Consulting Joint Stock Company 3 (EVNPECC3)
December 2003 – November 2007	Deputy Head of Source Project Department, Power Engineering Consulting Joint Stock Company 3 under Vietnam Electricity (EVNPECC3).
December 2007 – January 2009	Head of Source Project Department, Power Engineering Consulting Joint Stock Company 3 (EVNPECC3).
February 2009 – present	Deputy General Director of Power Engineering Consulting Joint Stock Company 3 (EVNPECC3).
May 2022 – present	Independent member of the Board of Directors of BaRia Thermal Power Joint Stock Company.



Member of the Board of Directors

Year of birth: 1970

Qualification: Master of Business Administration

Place of birth: Long Chau Ward, Vinh Long Province

Position at other companies: None

Number of shares held as of November 25, 2025:

Individual: 0 shares, accounting for 0% of Charter Capital

Representative: 12,030,889 shares, accounting for 19.89% of Charter Capital

MR. CHAU THIEN MINH TRI

Work experience:

October 1996 – March 2003	Accounting staff - Management Board of Phu My - BR Power Projects.
April 1997 – August 1998	Accounting staff - Phu My Power Plant.
September 1998 – April 1999	Assistant to Head of Accounting, Phu My Power Plant.
May 1999 – May 2007	Deputy Head of Technical and Financial Department, Phu My Power Plant
May 2007 – December 2012	Head of General Department, Phu My Thermal Power Company.
January 2013 – October 2018	Head of Investment and Construction Department, Power Generation Joint Stock Corporation 3.
October 2018 – April 2023	Head of Investment and Construction Management Department, Power Generation Joint Stock Corporation 3.
August 2020 – April 2021	Member of the Support Working Group for testing and power generation of generating units at Thuong Kon Tum Hydropower Project, Power Generation Joint Stock Corporation 3.
April 2021 – April 2023	Representative, Deputy Chairman of the Board of Directors at Sesan 3A Power Investment and Development Joint Stock Company
April 2023 – present	Member of the Board of Directors of BaRia Thermal Power Joint Stock Company.

MR. LE VAN HUY

- See Part II (Profile of the Board of Management)

Member of the Board of Directors cum General Director

Sub-committees under the Board of Directors

The Board of Directors of BaRia Thermal Power Joint Stock Company has established a sub-committee to assist the Board of Directors, which is the Internal Audit Committee consisting of 03 members, headed by Mr. Tran Le Minh – Independent member of the Board of Directors.

BOARD OF DIRECTORS

Supervising the Board of Management by the Board of Directors

- Development of the plan to organize the 2025 Annual General Meeting of Shareholders on June 26, 2025.
- Supervising the direction and management of production and business activities according to the 2025 plan.
- Organizing and directing the strict implementation of the 2024 financial reporting regime and the 2025 semi-annual financial statements.
- Supervising the implementation of the goals of the Board of Management while providing directions and decisions related to the implementation of the Resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.
- Organizing field trips to inspect the construction progress of the Si Ma Cai Hydropower Project.

Meetings of the Board of Directors in 2025

No.	Member of the Board of Directors	Number of meetings	Attendance rate	Reasons for absence
1	Mr. Nguyen Tien Dung	03/03	100%	
2	Mr. Le Van Huy	03/03	100%	
3	Mr. Tran Le Trung Hieu	03/03	100%	
4	Mr. Tran Le Minh	03/03	100%	
5	Mr. Chau Thien Minh Tri	03/03	100%	

Changes in the Board of Directors in 2025

In 2025, there were no changes in the structure of the Board of Directors.



List of Resolutions/Decisions of the Board of Directors in 2025

No.	Resolution No.	Date	Content
1	118/NQ-NĐBR	February 04, 2025	Resolution on approving the finalization of the 2024 other production salary fund
2	241/NQ-NĐBR	March 03, 2025	Resolution on the plan for holding the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of BTP
3	239/NQ-NĐBR	March 03, 2025	Resolution on the plan for holding the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of Buon Don Hydropower Joint Stock Company.
4	240/NQ-NĐBR	March 03, 2025	Resolution on re-appointing the Deputy Director and Chief Accountant of Buon Don Hydropower Joint Stock Company
5	256/NQ-NĐBR	March 05, 2025	Resolution on approving the program for developing the Internal Management Regulations of BaRia Thermal Power Joint Stock Company in 2025
6	322/NQ-NĐBR	March 21, 2025	Resolution on amending and issuing the Regulations on salary payment for employees
7	352/NQ-NĐBR	March 28, 2025	Resolution on issuing the Regulations on Information Disclosure at BaRia Thermal Power Joint Stock Company
8	394/NQ-NĐBR	April 09, 2025	Resolution on extending the time for holding the 2025 Annual General Meeting of Shareholders
9	398/NQ-NĐBR	April 09, 2025	Resolution approving the contents of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders of Buon Don Hydropower Joint Stock Company
10	412/NQ-NĐBR	April 14, 2025	Resolution approving the contents of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of Phu Thanh My Joint Stock Company.
11	436/NQ-NĐBR	April 15, 2025	Resolution on organizational model restructuring at BaRia Thermal Power Joint Stock Company
12	469/NQ-NĐBR	April 23, 2025	Resolution of the 1st/2025 Board of Directors meeting
13	493/NQ-NĐBR	April 28, 2025	Resolution on approving the list of general risk profiles and the list of material risk profiles for 2025 of BaRia Thermal Power Joint Stock Company
14	535/NQ-NĐBR	May 15, 2025	Resolution on the appointment of the Chief Accountant of BaRia Thermal Power Joint Stock Company

BOARD OF DIRECTORS

List of Resolutions/Decisions of the Board of Directors in 2025

No.	Resolution No.	Date	Content
15	536/NQ-NĐBR	May 15, 2025	Resolution on approving the application of regulations and rules on bidding using production and business expenses at BaRia Thermal Power Joint Stock Company
16	565/NQ-NĐBR	May 26, 2025	Resolution on extending the time for holding the 2025 Annual General Meeting of Shareholders
17	600/NQ-NĐBR	May 30, 2025	Resolution on approving the appointment of heads of units after the merger
18	671/NQ-NĐBR	June 19, 2025	Resolution on approving the policy of additional capital contribution for the Si Ma Cai Hydropower Project
19	674/NQ-NĐBR	June 19, 2025	Resolution of the 2nd/2025 Board of Directors meeting
20	714/NQ-NĐBR	June 27, 2025	Resolution of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of BaRia Thermal Power Joint Stock Company
21	723/NQ-NĐBR	June 30, 2025	Resolution approving the contents of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of Simacai Joint Stock Company.
22	935/NQ-NĐBR	August 20, 2025	Resolution on authorizing loans from BIDV to supplement capital for Buon Don Hydropower Joint Stock Company
23	1197/NQ-NĐBR	November 03, 2025	Resolution on finalizing the list of shareholders for the 2024 cash dividend payment
24	1196/NQ-NĐBR	November 03, 2025	Resolution of the Board of Directors' meeting, session 3/2025
25	1225/NQ-NĐBR	November 10, 2025	Resolution approving the contents of the 2025 Extraordinary General Meeting of Shareholders of Buon Don Hydropower Joint Stock Company
26	1309/NQ-NĐBR	November 24, 2025	Resolution on issuing regulations on bidding work using operating and business expenses at BaRia Thermal Power Joint Stock Company
27	1412/NQ-NĐBR	December 22, 2025	Resolution on stopping the research on investing in the Ba Ria – Buon Ho wind power plant project
28	1440/NQ-NĐBR	December 26, 2025	Resolution approving the list of overall risk profiles and material risk profiles for 2026 of BaRia Thermal Power Joint Stock Company

Activities of the independent member of the Board of Directors

In the role of an independent member of the Board of Directors, Mr. Tran Le Minh always fully participates in the meetings of the Board of Directors, actively contributing opinions with an objective, responsible, and cautious spirit. He has made important contributions, helping the Board of Directors monitor, supervise, and manage the Company's activities effectively.

Evaluation results of the independent member regarding the activities of the Board of Directors:

- The Board of Directors has worked with a spirit of responsibility and transparency in governance, strictly complying with regulations for public companies. Meetings of the Board of Directors have been convened in a timely manner and conducted in accordance with the procedures stipulated in the Charter and the Regulations on Corporate Governance.
- Meeting minutes are always prepared in a full and detailed manner, recording discussion opinions, voting results, and final decisions. Decisions of the Board of Directors at meetings are passed according to the majority principle, ensuring democracy and transparency in the decision-making process.
- Besides performing the function of managing and supervising the operational activities of the Board of Management, the Board of Directors has actively coordinated closely with the Board of Management to seek, propose, and implement effective solutions to resolve difficulties during the operation process.

Members of the Board of Directors with certificates of Training courses on corporate governance

No.	Member of the Board of Directors	Position	Certificate name
1	Mr. Le Van Huy	Member of the Board of Directors cum General Director	Level 2 Management Official of EVN "Leadership for Talent Development" 2024

Members of the Board of Directors participating in the Program on corporate governance

No.	Member of the Board of Directors	Position	Program name
1	Mr. Le Van Huy	Member of the Board of Directors cum General Director	Level 2 Management Official of EVN "Leadership for Talent Development" 2024

BOARD OF SUPERVISORS

Composition and structure of the Board of Supervisors

No.	Member of the Board of Supervisors	Position	Number of shares owned (shares) (*)		Ownership percentage (%)
			Individual	Representative	
1	Ms. Tran Thi Bao Xuan	Head of the BOS	-	-	-
2	Ms. Vo Thi Thu Hoa	Member	-	-	-
3	Ms. Mai Huong Giang	Member	-	-	-

(*) Based on the list of shareholders as of November 25, 2025

Profile of members of the Board of Supervisors



Head of the Supervisors

Year of birth: 1973

Qualification: Bachelor of Finance and Accounting

Place of birth: Vinh Long Province

Position at other companies: Specialist at the Internal Audit and Construction Supervision Department of Power Generation Joint Stock Corporation 3

Number of shares held as of November 25, 2025:

Individual: 0 shares, accounting for 0% of Charter Capital

Representative: 0 shares, accounting for 0% of Charter Capital

Work experience:

April 2001 – July 2010	Specialist, Finance and Accounting Department.
August 2010 – September 2012	Deputy Head of Finance and Accounting Department
October 2012 – December 2012	Head of Finance and Accounting Department
January 2013 – December 2025	Chief Accountant of BaRia Thermal Power Joint Stock Company
November 2017 – June 2025	Information Disclosure Officer of BaRia Thermal Power Joint Stock Company
January 2025 – June 2025	In charge of the financial and accounting functions of BaRia Thermal Power Joint Stock Company.
June 2025 – present	Head of the Board of Supervisors of BaRia Thermal Power Joint Stock Company.



MS. VO THI THU HOA

Member of the Board of Supervisors

Year of birth: 1991

Qualification: Bachelor of Finance – Banking

Place of birth: Bien Hoa - Dong Nai Province

Position at other companies: Specialist of Finance - Accounting Department - Power Generation Joint Stock Corporation 3 - JSC

Number of shares held as of November 25, 2025:

Individual: 0 shares, accounting for 0% of Charter Capital

Representative: 0 shares, accounting for 0% of Charter Capital

Work experience:

April 2016 – present	Finance - Accounting Department - Power Generation Joint Stock Corporation 3 - JSC.
January 2022 – present	Member of the Board of Supervisors of BaRia Thermal Power Joint Stock Company.



MS. MAI HUONG GIANG

Member of the Board of Supervisors

Year of birth: 1983

Qualification: Bachelor of Law

Place of birth: Dan Hai Commune, Nghe Tinh Province

Position at other companies: Deputy Head of Bidding Management Department, Investment and Construction Management Board, Power Generation Joint Stock Corporation 3.

Number of shares held as of November 25, 2025:

Individual: 0 shares, accounting for 0% of Charter Capital

Representative: 0 shares, accounting for 0% of Charter Capital

Work experience:

June 2006 – September 2006	Employee of Tan Dai Hung Plastic Joint Stock Company.
October 02, 2006 – December 31, 2010	Bidding - Contract Specialist, Planning - Materials Department, Phu My Thermal Power One Member Limited Liability Company.
January 01, 2011 – December 31, 2012	Deputy Head of Bidding - Contract Team, Planning - Materials Department, Phu My Thermal Power One Member Limited Liability Company.
January 01, 2013 – December 31, 2015	Deputy Head of Planning Department, Planning Board, Power Generation Joint Stock Corporation 3.
January 01, 2016 – July 31, 2017	Deputy Head of Department, Planning Department, EVNGENCO3 Power Plant Repair and Maintenance Company.
August 01, 2017 – September 30, 2018	Head of Department, Planning Department, EVNGENCO3 Power Plant Repair and Maintenance Company.
October 01, 2018 – March 31, 2022	Head of Department, Planning - Materials Department, EVNGENCO3 Power Plant Repair and Maintenance Company.
April 01, 2022 – July 05, 2024	Team Leader, Bidding Management Board, Power Generation Joint Stock Corporation 3.
July 06, 2024 – June 30, 2025	Deputy Head of Board, Bidding Management Board, Power Generation Joint Stock Corporation 3.
July 01, 2025 – present	Deputy Head of Bidding Management Board, Investment and Construction Management Board, Power Generation Joint Stock Corporation 3.
June 26, 2025 – present	Member of the Board of Supervisors of BaRia Thermal Power Joint Stock Company.

BOARD OF SUPERVISORS

Changes in members of the Board of Supervisors in 2025

No.	Name	Position	Appointment date	Resignation/ dismissal date
1	Ms. Phan Thi Thuy Linh	Head of the Board of Supervisors		June 26, 2025
2	Ms. Tran Thi Bao Xuan	Head of the Board of Supervisors	June 26, 2025	
3	Ms. Do Thi Le Tran	Member of the Board of Supervisors		June 26, 2025
4	Ms. Mai Huong Giang	Member of the Board of Supervisors	June 26, 2025	

Meetings of the Board of Supervisors in 2025

No.	Member of the Board of Supervisors	Number of meetings attended	Attendance percentage	Reasons for absence
1	Ms. Phan Thi Thuy Linh	02/03	66,67%	Dismissed on June 26, 2025
2	Ms. Tran Thi Bao Xuan	01/03	33,33%	Joined the Board of Supervisors on June 26, 2025
3	Ms. Do Thi Le Tran	02/03	66,67%	Dismissed on June 26, 2025
4	Ms. Mai Huong Giang	01/03	33,33%	Joined the Board of Supervisors on June 26, 2025
5	Ms. Vo Thi Thu Hoa	03/03	100%	

In addition to the 03 periodic meetings mentioned above, members of the Board of Supervisors regularly discuss, reach consensus, and decide on contents and tasks within their assigned functions and duties in accordance with regulations.

Content of meetings of the Board of Supervisors

No.	Minutes No.	Date	Content
1	207/BB-NĐBR	January 10, 2025	Monitoring production-business activities in 2024
2	532/BB-NĐBR	March 28, 2025	Monitoring production-business activities in the last 6 months of 2024, auditing the 2024 financial statements.
3	1085/BB-NĐBR	September 12, 2025	Monitoring production-business activities in the first 6 months of 2025, plan for the last 6 months of 2025.

Activities of the Board of Supervisors

The Board of Supervisors has fully performed the functions and duties assigned by the General Meeting of Shareholders; Prepared the 2025 audit plan and assigned tasks to members of the Board of Supervisors; Regularly inspected and monitored the Company's production-business activities. The supervisory activities of the Board of Supervisors always comply with the law, ensuring accuracy, objectivity, openness, transparency, and timeliness.

The Board of Supervisors held 03 meetings in January, March, and September 2025.

Main content of the meetings:

- + Inspecting and evaluating the implementation of the General Meeting of Shareholders' Resolution by the Board of Directors.
- + Supervising the management and administration of the Board of Directors and the General Director.
- + Inspecting and determining the reliability of the financial statements. Analyzing and evaluating financial indicators.
- + Verifying documents submitted to the 2025 Annual General Meeting of Shareholders, including: Report on the activities of the Board of Directors in 2024 and the 2025 objectives and tasks of the Board of Directors; Proposal for approval of the 2024 production-business results and the 2025 production-business plan of the General Director; Audited financial statements and documents submitted to the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of the Company. Proposing the selection of the 2025 Audit Firm.
- + Verifying the Company's salary fund plan/finalization; Appraising the audited financial statements.
- + Organizing a meeting to elect the Head of the Supervisors to work on a full-time basis for the 2022-2027 term.

Supervising the Company in disclosing information in accordance with regulations.

Organizing a preliminary/final review meeting to evaluate the audit work in 2025.

At the end of each inspection period, the Board of Supervisors prepares inspection and supervision reports for all of the Company's production-business activities and sends them to shareholders via the website, the Company's General Meeting of Shareholders documents, and sends them to the Board of Directors and the General Director.



TRANSACTIONS, REMUNERATION, AND BENEFITS OF THE BOARD OF DIRECTORS, GENERAL DIRECTOR, AND BOARD OF SUPERVISORS

List of related parties

No.	Related party	Relationship
1	Vietnam Electricity ("EVN")	Ultimate parent company
2	Power Generation Joint Stock Corporation 3	Parent company
3	Electric Power Trading Company - EVN Branch	Branch of Ultimate parent company
4	Information and Communications Technology Company of Vietnam Electricity	Branch of Ultimate parent company
5	Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company	Fellow group subsidiary
6	Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company	Fellow group subsidiary
7	EVNGENCO3 Power Service Company	Branch of Ultimate parent company
8	Buon Don Hydropower Joint Stock Company	Affiliated company
9	Simacai Joint Stock Company	Affiliated company
10	Vinh Son - Song Hinh Hydropower Joint Stock Company	Other related party
11	Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	Other related party
12	Power Engineering Consulting Joint Stock Company 3	Other related party
13	Ho Chi Minh City Electric Power College	Other related party
14	Vung Tau Power Company	Other related party
15	Branch of Southern Power Corporation – Southern Electricity Testing Company	Other related party
16	Thu Duc Thermal Power Company Limited	Other related party
17	Members of the Board of Directors, Board of Supervisors, Board of Management, and Chief Accountant	Internal personnel

Major transactions with related parties

Unit: VND

No.	Related party	2025	2024
Electricity revenues			
1	EVN Power Trading Company	260,999,671,162	350,731,173,313
Other revenues			
1	Ba Ria - Vung Tau Power Company	-	11,476,473
Purchases			
1	Vietnam Electricity (EVN)	11,910,662,848	11,305,189,787
2	Branch of Southern Power Corporation – Southern Electricity Testing Company	154,058,473	353,201,048
3	Information and Communications Technology Company of Vietnam Electricity	372,181,407	372,181,407
4	Ho Chi Minh City University of Electric Power	71,627,778	21,404,630
5	Thu Duc Thermal Power Company Limited Ho Chi Minh City Electric Power College	-	36,386,000
6	Vung Tau Power Company	402,429	90,450
Interest			
1	Vietnam Electricity (EVN)	2,790,993,156	3,848,485,438
Loan repayment			
1	Vietnam Electricity (EVN)	43,393,580,954	43,868,373,950

TRANSACTIONS, REMUNERATION, AND BENEFITS OF THE BOARD OF DIRECTORS, GENERAL DIRECTOR, AND BOARD OF SUPERVISORS

Major transactions with related parties

Unit: VND

No.	Related party	2025	2024
Interest paid			
1	Vietnam Electricity (EVN)	2,904,833,523	4,016,622,133
Dividend declared			
1	Power Generation Joint Stock Corporation 3	15,880,773,810	134,360,971,144
2	Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	221,100,000	1,870,640,000
3	Others	3,858,374,190	32,644,184,056
Capital contributed			
1	Simacai Joint Stock Company	51,827,040,000	-
Dividend income			
1	Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company	1,000,000,000	10,020,000,000
2	Buon Don Hydropower Joint Stock Company	25,069,575,000	16,713,050,000
3	Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company	2,069,665,400	18,109,572,250
4	Phu Thanh My Joint Stock Company	7,500,000,000	-

Balances with related parties

Unit: VND

No.	Related party	2025	2024
Short-term trade receivables			
1	Electric Power Trading Company	49,329,143,646	45,942,493,498
Receivables from dividends received			
1	Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company	-	3,000,000,000
2	Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company	-	10,348,327,000
3	Buon Don Hydropower Joint Stock Company	8,356,525,000	-
Short-term trade payables			
1	Vietnam Electricity (EVN)	1,042,738,270	953,444,746
2	Branch of Southern Power Corporation – Southern Electricity Testing Company	-	37,270,454
3	Vung Tau Power Company	25,831	-
Short-term accrued expenses			
1	Vietnam Electricity (EVN)	265,464,259	379,304,627
2	Others	-	149,290,090

TRANSACTIONS, REMUNERATION, AND BENEFITS OF THE BOARD OF DIRECTORS, GENERAL DIRECTOR, AND BOARD OF SUPERVISORS

Other short-term payables

Unit: VND

No.	Related party	2025	2024
Other short-term payables			
1	Others	7,434,600,677	7,378,097,007
Short-term loans			
1	Vietnam Electricity (EVN)	47,404,332,318	45,155,312,862
Long-term loans			
1	Vietnam Electricity (EVN)	47,404,332,131	90,310,625,546

Transactions between internal persons of the listed company, affiliated persons of internal persons with Company's subsidiaries, or companies controlled by the listed company: None.

Transactions between the Company and a company where a member of the Board of Directors, a member of the Board of Supervisors, or the General Director has been a founding member or a member of the Board of Directors, or General Director within the last three (03) years (calculated at the time of reporting): None.

Transactions between the Company and a company where an affiliated person of a member of the Board of Directors, a member of the Board of Supervisors, or the General Director is a member of the Board of Directors or General Director: None.

Other transactions of the Company (if any) that may bring material or non-material benefits to members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, or the General Director: None.



TRANSACTIONS, REMUNERATION, AND BENEFITS OF THE BOARD OF DIRECTORS, GENERAL DIRECTOR, AND BOARD OF SUPERVISORS

Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major share-holders, internal persons and affiliated persons:

No.	Name of organization/ individual	Relationship	NSH No.*, date of issue, place of issue	Address	Time of transactions with the Company	Resolution/Decision No. of GMS/BOD... approved (if any, specifying date of issue)	Content, quantity, total value of transaction	Note
1	Electric Power Trading Company	Branch of the Ultimate Parent company		No. 11 Cua Bac Street, Ba Dinh Ward, Hanoi City, Vietnam	2025		260,999,671,162	Electricity sales revenue (Excluding VAT)
							49,329,143,646	Trade receivables from customers for electricity sales (including VAT)
2	Vietnam Electricity (EVN)	Ultimate Parent company (Level 1 Unit)		No. 11 Cua Bac Street, Ba Dinh Ward, Hanoi City, Vietnam	2025	GMS Resolution No.: 714/NQ-NĐBR dated June 27, 2025	1,042,738,270	Short-term Trade payables (Electricity purchase)
							265,464,259	Short-term accruals
							11,910,662,848	Electricity production costs (Electricity purchase)
							2,790,993,156	Interest expenses
							47,404,332,318	Long term loans due to date
							47,404,332,131	Long-term loans
							2,904,833,523	Interest expense
							43,393,580,954	Principal repayment

TRANSACTIONS, REMUNERATION, AND BENEFITS OF THE BOARD OF DIRECTORS, GENERAL DIRECTOR, AND BOARD OF SUPERVISORS

Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major share-holders, internal persons and affiliated persons:

No.	Name of organization/ individual	Relationship	NSH No.*, date of issue, place of issue	Address	Time of transactions with the Company	Resolution/Decision No. of GMS/BOD... approved (if any, specifying date of issue)	Content, quantity, total value of transaction	Note
3	Vung Tau Power Company (Formerly: Ba Ria-Vung Tau Power Company)	Other related party	No. 60 Tran Hung Dao, Vung Tau Ward, Ho Chi Minh City		2025		25,831	Short-term Trade payables (Electricity purchase for firefighting pump station)
							6,360,056	Powerful Water revenue (Excluding VAT)
							402,429	Electricity costs for firefighting pump station (Electricity purchase)
4	Southern Power Corporation Limited Branch - Southern Electrical Testing Company	Other related party		22 Bis Phan Dang Luu, Gia Dinh Ward, Ho Chi Minh City	2025		154,058,473	Transformer oil sample testing costs
5	Ho Chi Minh City Electricity College	Other related party		554 Ha Huy Giap, An Phu Dong Ward, Ho Chi Minh City	2025		71,627,778	Training costs and dormitory costs
6	Electricity Telecommunications and Information Technology Company	Other related party		No. 11, Cua Bac Street, Ba Dinh Ward, Hanoi City	2025		372,181,407	Software maintenance service costs
7	Power Generation Joint Stock Corporation 3	Parent company		No. 60-66 Nguyen Co Thach, Sala Urban Area, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City	2025		15,880,773,810	Dividend distribution

TRANSACTIONS, REMUNERATION, AND BENEFITS OF THE BOARD OF DIRECTORS, GENERAL DIRECTOR, AND BOARD OF SUPERVISORS

Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major share-holders, internal persons and affiliated persons:

No.	Name of organization/ individual	Relationship	NSH No.*, date of issue, place of issue	Address	Time of transactions with the Company	Resolution/Decision No. of GMS/BOD... approved (if any, specifying date of issue)	Content, quantity, total value of transaction	Note
8	Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	Other related party		Km 28 National Highway 18, Chi Linh Ward, Hai Phong City, Vietnam	2025		221,100,000	Dividend distribution
9	Simacai Hydropower Joint Stock Company	Affiliated company		Lot 68, D3 Road Resettlement Area, Cam Duong Ward, Lao Cai Province	2025		51,827,040,000	Capital contribution investment
10	Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company	Company member within the same Group		Residential Group 6, Nam Trieu Ward, Hai Phong City	2025		1,000,000,000	Income from dividends, distributed profits
11	Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company	Company member within the same Group		Group 33, Ha Khanh 5 Quarter, Cao Xanh Ward, Quang Ninh Province	2025		2,069,665,400	Income from dividends, distributed profits
12	Buon Don Hydropower Joint Stock Company	Affiliated company		23/2 Thu Khoa Huan - Thanh Nhat Ward - Dak Lak Province	2025		25,069,575,000	Income from dividends, distributed profits
							8,356,525,000	Dividends and distributed profits receivable

TRANSACTIONS, REMUNERATION, AND BENEFITS OF THE BOARD OF DIRECTORS, GENERAL DIRECTOR, AND BOARD OF SUPERVISORS

Salaries, bonuses, remuneration, and other benefits

Unit: VND

No.	Name	Title	Year 2025	Year 2024
BOARD OF DIRECTORS				
1	Nguyen Tien Dung	Chairman	779,486,000	493,689,000
2	Chau Thien Minh Tri	Member	633,772,000	423,736,000
3	Tran Le Trung Hieu	Member	115,799,000	72,348,000
4	Tran Le Minh	Member	115,799,000	72,348,000
BOARD OF MANAGEMENT				
1	Le Van Huy	General Director, member of the Board of Directors	774,888,000	477,596,000
2	Vo Nhu	Deputy General Director	621,865,000	430,168,000
3	Phan Thi Thuy Linh	Chief Accountant	601,079,000	394,940,000
BOARD OF SUPERVISORS				
1	Tran Thi Bao Xuan	Head of the Board of Supervisors	595,549,000	441,402,000
2	Do Thi Le Tran	Member of the Board of Supervisors	37,542,000	66,048,000
3	Vo Thi Thu Hoa	Member of the Board of Supervisors	115,799,000	66,048,000
4	Mai Huong Giang	Member of the Board of Supervisors	78,257,000	-
Total			4,469,835,000	2,938,323,000

Evaluation of the implementation of regulations on corporate governance

In 2025, BTP continued to maintain and improve the quality of corporate governance based on full compliance with legal regulations, especially regulations applicable to public companies and listed companies. Governance activities were implemented synchronously, ensuring proper authority and procedures in accordance with the Company's Charter and internal regulations, thereby effectively promoting the role of representing shareholders' interests and enhancing transparency in management.

The Board of Directors and the General Director have coordinated closely in supervision, decision-making, and organizing the implementation of the production-business plan, ensuring that all activities of the Company take place safely, effectively, and in accordance with the strategic direction approved by the General Meeting of Shareholders. The internal control and risk management system continues to be strengthened, contributing to improving management capacity, preventing risks, and using resources optimally.

BTP strictly implements the obligation to disclose information in accordance with regulations, ensuring it is complete, accurate, and timely, while enhancing information transparency through the Company's website, creating conditions for shareholders and investors to access information in a timely manner. The General Meeting of Shareholders is organized in accordance with regulations, and shareholders' rights, including voting rights, access to information, and dividend payments, are always guaranteed.



06

AUDITED FINANCIAL STATEMENTS

1. Audit opinion
2. Audited financial statements for 2025

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of Ba Ria Thermal Power Joint Stock Company (the “Company”) presents this report together with the Company’s financial statements for the year ended 31 December 2025.

THE BOARDS OF DIRECTORS, MANAGEMENT AND SUPERVISORS

The members of the Boards of Directors, Management and Supervisors of the Company during the year and to the date of this report are as follows:

Board of Directors

Mr. Nguyen Tien Dung	Chairman
Mr. Le Van Huy	Member
Mr. Tran Le Trung Hieu	Member
Mr. Tran Le Minh	Member
Mr. Chau Thien Minh Tri	Member

Board of Management

Mr. Le Van Huy	General Director
Mr. Vo Nhu	Deputy General Director

Board of Supervisors

Ms. Tran Thi Bao Xuan	Head of Board of Supervisor (appointed on 26 June 2025)
Ms. Phan Thi Thuy Linh	Head of Board of Supervisor (resigned on 26 June 2025)
Ms. Do Thi Le Tran	Supervisor (resigned on 26 June 2025)
Ms. Vo Thi Thu Hoa	Supervisor
Ms. Mai Huong Giang	Supervisor (appointed on 26 June 2025)

THE BOARD OF MANAGEMENT’S STATEMENT OF RESPONSIBILITY

The Board of Management of the Company is responsible for preparing the financial statements, which give a true and fair view of the financial position of the Company as at 31 December 2025, and its financial performance and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting. In preparing these financial statements, the Board of Management is required to:

- select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- state whether applicable accounting principles have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the financial statements;
- prepare the financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business; and
- design and implement an effective internal control system for the purpose of properly preparing and presenting the financial statements so as to minimize errors and frauds.

The Board of Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept, which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Company and that the financial statements comply with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting. The Board of Management is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of frauds and other irregularities.

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT (Continued)

The Board of Management confirms that the Company has complied with the above requirements in preparing these financial statements.

For and on behalf of the Board of Management.



Le Van Huy
General Director
31 March 2026

KẾ TOÁN CHẾ ĐỘ

C/100

KẾ ĐỀ VI

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

To: **The shareholders, The Boards of Directors and Management
Ba Ria Thermal Power Joint Stock Company**

We have audited the accompanying financial statements of Ba Ria Thermal Power Joint Stock Company (the "Company"), prepared on 31 March 2026 as set out from page 04 to page 30, which comprise the balance sheet as at 31 December 2025, and the statement of income, and statement of cash flows for the year then ended, and a summary of significant accounting policies and other explanatory information.

Board of Management's Responsibility

The Board of Management is responsible for the preparation and fair presentation of these financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting and for such internal control as Board of Management determines is necessary to enable the preparation of financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditors' Responsibility

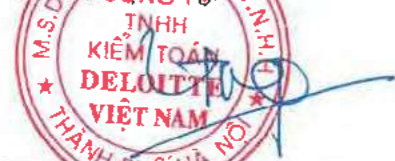
Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditors consider internal control relevant to the Company's preparation and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by Board of Management, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Auditors' Opinion

In our opinion, the financial statements give a true and fair view of the financial position of the Company as at 31 December 2025, and its financial performance and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting.



Nguyen Quang Trung

Audit Partner

Audit Practising Registration Certificate

No. 0733-2023-001-1

DELOITTE VIETNAM AUDIT COMPANY LIMITED

31 March 2026

Hanoi, S.R. Vietnam

Ung Hong Diem An

Auditor

Audit Practising Registration Certificate

No. 4132-2022-001-1

101 4 9 12 101

101 4 9 12 101

BALANCE SHEET As at 31 December 2025

Unit: VND

ASSETS	Codes	Notes	Closing balance	Opening balance
A. CURRENT ASSETS	100		473,871,649,773	525,740,129,339
I. Cash and cash equivalents	110	5	86,491,651,982	89,293,046,945
1. Cash	111		2,691,651,982	1,293,046,945
2. Cash equivalents	112		83,800,000,000	88,000,000,000
II. Short-term financial investments	120		177,000,000,000	200,000,000,000
1. Held-to-maturity investments	123	6	177,000,000,000	200,000,000,000
III. Short-term receivables	130		60,490,004,071	64,499,354,142
1. Short-term trade receivables	131	7	49,371,453,610	48,639,089,087
2. Short-term advances to suppliers	132		24,750,000	-
3. Other short-term receivables	136	8	11,093,800,461	15,860,265,055
IV. Inventories	140		140,264,126,543	151,006,330,357
1. Inventories	141	9	140,264,126,543	151,006,330,357
V. Other short-term assets	150		9,625,867,177	20,941,397,895
1. Short-term prepayments	151		747,185,038	801,898,734
2. Value added tax deductibles	152		-	12,463,860,379
3. Taxes and other receivables from the State budget	153	10	8,878,682,139	7,675,638,782
B. NON-CURRENT ASSETS	200		744,807,002,369	745,874,584,045
I. Fixed assets	220		185,868,694,256	231,917,253,474
1. Tangible fixed assets	221	11	184,879,869,681	230,312,711,275
- Cost	222		2,782,977,132,802	2,777,120,535,697
- Accumulated depreciation	223		(2,598,097,263,121)	(2,546,807,824,422)
2. Intangible assets	227	12	988,824,575	1,604,542,199
- Cost	228		7,373,139,309	7,373,139,309
- Accumulated amortisation	229		(6,384,314,734)	(5,768,597,110)
II. Long-term assets in progress	240		-	1,989,959,183
1. Construction in progress	242		-	1,989,959,183
III. Long-term financial investments	250	6	496,214,634,467	447,250,927,800
1. Investments in joint-ventures, associates	252		225,577,040,000	173,750,000,000
2. Equity investments in other entities	253		273,500,927,800	273,500,927,800
3. Provision for impairment of long-term financial investments	254		(2,863,333,333)	-
IV. Other long-term assets	260		62,723,673,646	64,716,443,588
1. Long-term prepayments	261	13	522,167,714	4,285,163,638
2. Long-term reserved spare parts	263	14	62,201,505,932	60,431,279,950
TOTAL ASSETS (270=100+200)	270		1,218,678,652,142	1,271,614,713,384

The accompanying notes are an integral part of these financial statements

BALANCE SHEET (Continued)
As at 31 December 2025

Unit: VND

RESOURCES	Codes	Notes	Closing balance	Opening balance
C. LIABILITIES	300		142,183,725,521	208,006,341,219
I. Current liabilities	310		94,779,393,390	117,695,715,673
1. Short-term trade payables	311	15	9,155,047,945	39,059,457,584
2. Taxes and other payable from the State budget	313	10	174,922,717	-
3. Payables to employees	314		22,518,839,420	15,282,449,011
4. Short-term accrued expenses	315		417,765,202	628,594,717
5. Other current payables	319	16	8,861,526,761	9,428,759,810
6. Short-term loans and obligations under finance leases	320	17	47,404,332,318	45,155,312,862
7. Bonus and welfare funds	322	18	6,246,959,027	8,141,141,689
II. Long-term liabilities	330		47,404,332,131	90,310,625,546
1. Long-term loans and obligations under finance leases	338	17	47,404,332,131	90,310,625,546
D. EQUITY	400		1,076,494,926,621	1,063,608,372,165
I. Owner's equity	410	19	1,076,494,926,621	1,063,608,372,165
1. Owner's contributed capital	411		604,856,000,000	604,856,000,000
2. Share premium	412		7,560,228,689	7,560,228,689
3. Investment and development fund	418		156,891,397,324	144,046,421,501
4. Other reserves	420		19,793,897,715	19,793,897,715
5. Retained earnings	421		287,393,402,893	287,351,824,260
- Retained earnings accumulated to the prior year end	421a		244,822,600,437	244,535,238,182
- Retained earnings of the current year	421b		42,570,802,456	42,816,586,078
TOTAL RESOURCES (440=300+400)	440		1,218,678,652,142	1,271,614,713,384

Tran Tuyet Loan
Preparer

Phan Thi Thuy Linh
Chief Accountant

Le Van Huy
General Director
31 March 2026



INCOME STATEMENT

For the year ended 31 December 2025

Unit: VND

ITEMS	Codes	Notes	Current year	Prior year
1. Gross revenue from goods sold and services rendered	01	22	263,278,406,910	357,406,763,322
2. Net revenue from goods sold and services rendered (10=01)	10		263,278,406,910	357,406,763,322
3. Cost of sales	11	23	216,162,103,773	343,887,575,072
4. Gross profit from goods sold and services rendered (20=10-11)	20		47,116,303,137	13,519,188,250
5. Financial income	21	24	48,382,570,082	74,353,344,239
6. Financial expenses	22	25	10,152,365,392	3,975,315,574
- In which: Interest expense	23		2,790,993,156	3,975,315,574
7. Selling expenses	25		17,691,211	13,023,801
8. General and administration expenses	26	27	39,200,862,496	39,934,950,216
9. Operating profit (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		46,127,954,120	43,949,242,898
10. Other income	31		264,926,104	197,229,199
11. Other expenses	32		2,193,250,625	1,329,886,019
12. Loss from other activities (40=31-32)	40		(1,928,324,521)	(1,132,656,820)
13. Accounting profit before tax (50=30+40)	50		44,199,629,599	42,816,586,078
14. Current corporate income tax expense	51	28	1,628,827,143	-
15. Net profit after corporate income tax (60=50-51)	60		42,570,802,456	42,816,586,078
16. Basic earnings per share	70	29	704	547

Tran Tuyet Loan
Preparer

Phan Thi Thuy Linh Chief
Accountant

Le Van Huy
General Director
31 March 2026



2. ACCOUNTING CONVENTION AND FINANCIAL YEAR

Accounting convention

The accompanying financial statements, expressed in Vietnam Dong (VND), are prepared under the historical cost convention and in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting.

The accompanying financial statements are not intended to present the financial position, results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam.

Financial year

The Company's financial year begins on 01 January and ends on 31 December.

3. NEW ACCOUNTING GUIDANCE IN ISSUE

On 27 October 2025, the Ministry of Finance issued Circular No. 99/2025/TT-BTC ("Circular 99") guiding the application of accounting regime for enterprises, Circular 99 is effective from 1 January 2026 and applies for financial years beginning on or after 1 January 2026. This Circular will supersede the following regulations:

- Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance ("Circular 200") providing guidance on the corporate accounting regime (except for contents relating to accounting guidance for the equitisation of State-owned enterprises);
- Circular No. 75/2015/TT-BTC dated 18 May 2015 of the Ministry of Finance on amendments to Article 128 of Circular 200;
- Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 of the Ministry of Finance amending and adding some articles of Circular 200; and
- Circular No. 195/2012/TT-BTC dated 15 November 2012 of the Ministry of Finance providing accounting guidance for investors.

The General Director is considering the extent of impact of the adoption of Circular 99 on the Company's financial statements for future accounting periods, beginning on or after 1 January 2026.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

The significant accounting policies, which have been adopted by the Company in the preparation of these financial statements, are as follows:

Estimates

The preparation of financial statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting requires the Board of Management to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of assets, liabilities and disclosures of contingent assets and liabilities at the date of the financial statements and the reported amounts of revenues and expenses during the financial year. Although these accounting estimates are based on the Board of Management's best knowledge, actual results may differ from those estimates.

Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, demand deposits, cash in transit and short-term, highly liquid investments (not exceeding 3 months) that are readily convertible to known amounts of cash and which are subject to an insignificant risk of changes in value.

Financial investments

Held-to-maturity investments

Held-to-maturity investments comprise investments that the Company has the positive intent or ability to hold to maturity, including term deposits.

Held-to-maturity investments are recognised on a trade date basis and are initially measured at acquisition price plus directly attributable transaction costs. Post-acquisition interest income from held-to-maturity investments is recognised in the income statement on accrual basis. Pre-acquisition interest is deducted from the cost of such investments at the acquisition date.

Held-to-maturity investments are measured at cost less provision for impairment of held-to-maturity investments.

Provision for impairment of held-to-maturity investments is made in accordance with prevailing accounting regulations.

Investments in subsidiaries, joint ventures, associates

Investments in associates

An associate is an entity over which the Company has significant influence and that is neither a subsidiary nor an interest in joint venture. Significant influence is the power to participate in the financial and operating policy decisions of the investee but not control or joint control over those policies.

Interests in subsidiaries, jointly controlled entities and associates are initially recognised at cost. The Company's share of the net profit of the investee after acquisition is recognised in the income statement. Other distributions received other than such profit share are deducted from the cost of the investments as recoverable amounts.

Investments in subsidiaries, jointly controlled entities and associates are carried in the balance sheet at cost less provision for impairment of such investments (if any). Provisions for impairment of these investments are made when there is reliable evidence for declining in value of these investments at the balance sheet date.

Equity investments in other entities

Equity investments in other entities represent the Company's investments in ordinary shares of the entities over which the Company has no control, joint control, or significant influence.

Equity investments in other entities are carried at cost less provision for impairment.

Receivables

Receivables represent the amounts recoverable from customers or other debtors and are stated at book value less provision for doubtful debts.

Provision for doubtful debts is made for receivables that are overdue for six months or more or when the debtor is in dissolution, in bankruptcy, or is experiencing similar difficulties and so may be unable to repay the debt.



Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realisable value. Cost comprises direct materials and where applicable, direct labour costs and those overheads that have been incurred in bringing the inventories to their present location and condition. The Company applies perpetual method to account for inventories. Cost is calculated using the weighted average method. Net realisable value represents the estimated selling price less all estimated costs to completion and costs to be incurred in marketing, selling and distribution.

The evaluation of necessary provision for inventory obsolescence follows current prevailing accounting regulations which allow provisions to be made for obsolete, damaged, or sub-standard inventories and for those which have costs higher than net realisable values as at the balance sheet date.

Tangible fixed assets and depreciation

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The costs of purchased tangible fixed assets comprise their purchase prices and any directly attributable costs of bringing the assets to their working condition and location for their intended use. The costs of self-constructed or manufactured assets are the actual construction or manufacturing cost plus installation and test running costs.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives as follows:

	Years
Buildings and structures	10 – 30
Machinery and equipment	05 – 14
Motor vehicles	05 – 12
Office equipment	03 – 10
Others	05 – 10

Leasing

Leases are classified as finance leases whenever the terms of the lease transfer substantially all the risks and rewards of ownership to the lessee. All other leases are classified as operating leases.

Leases where substantially all the rewards and risks of ownership of assets remain with the leasing company are accounted for as operating leases. Rentals payable under operating leases are charged to the income statement on a straight-line basis over the term of the relevant lease. Benefits received and receivable as an incentive to enter into an operating lease are also spread on a straight-line basis over the lease term.

Intangible assets and amortisation

Intangible assets represent land use rights, computer software that are stated at cost less accumulated amortisation. Land use rights are amortised using the straight-line method over the duration of the right to use the land. Computer software are amortised on the straight-line method within 3 years based on their estimated useful lives.

Construction in progress

Properties in the course of construction for production, rental or administrative purposes, or for other purposes, are carried at cost includes costs that are necessary to form the assets in accordance with the Company’s accounting policy. Depreciation of these assets, on the same basis as other assets, commences when the assets are ready for their intended use.

Prepayments

Prepayments are expenses which have already been paid but relate to results of operations of multiple accounting periods, including short-term prepayments and long-term prepayments.

Short-term prepayments comprise insurance costs, cost of tools, supplies and other prepaid expenses, which have an amortization period of one year.

Long-term prepayments comprise costs of tools, supplies and other expenses which are expected to provide future economic benefits to the Company. These expenditures have been capitalised as long-term prepayments and are allocated to the income statement using the straight-line method in accordance with the current prevailing accounting regulations.

Payable provisions

Payable provisions are recognised when the Company has a present obligation as a result of a past event, and it is probable that the Company will be required to settle that obligation. Provisions are measured at the Board of Management’s best estimate of the expenditure required to settle the obligation as at the balance sheet date.

Revenue recognition

Revenue from the sale of goods is recognised when all five (5) following conditions are satisfied:

- (a) the Company has transferred to the buyer the significant risks and rewards of ownership of the goods;
- (b) the Company retains neither continuing managerial involvement to the degree usually associated with; ownership nor effective control over the goods sold;
- (c) the amount of revenue can be measured reliably;
- (d) it is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company; and
- (e) the costs incurred or to be incurred in respect of the transaction can be measured reliably.

Revenue of a transaction involving the rendering of services is recognised when the outcome of such transactions can be measured reliably. Where a transaction involving the rendering of services is attributable to several years, revenue is recognised in each year by reference to the percentage of completion of the transaction at the balance sheet date of that year. The outcome of a transaction can be measured reliably when all four (4) following conditions are satisfied:

- (a) the amount of revenue can be measured reliably;
- (b) it is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company;
- (c) the percentage of completion of the transaction at the balance sheet date can be measured reliably; and
- (d) the costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

The company is currently generating electricity in the form of auxiliary services for mobilized electricity output according to the dispatching order of the National Power System Dispatching Center and in accordance with the Regulation on Transmission Power System issued by the Ministry of Industry and Trade. Electricity sales revenue is calculated according to the Contract for Supporting Services of Ba Ria Power Plant No. 01/2020/DVPT-BTP-EVN dated 29 June 2020 and amended and supplemented Contracts.

Electricity revenue recorded monthly includes revenue at fixed prices; revenues at variable prices and DO oil-based starter revenues.

H. C. C. H. B. / 12/1

H. C. C. H. B. / 12/1

In which:

- Fixed-price revenue is determined based on published Availability Capacity, Realized Availability Factor, and Fixed Unit Price.
- Variable price revenue includes gas variable price revenue and DO oil variable price revenue; determined based on the fuel attrition rate (DO oil, gas) specified in the power purchase contract multiplied by the actual gas price for gas and the weighted average export price for DO oil fuel and the total power generation measured at 0:00 on the first day of each month.
- Revenue from electricity generation using DO fuel is determined based on the fuel initialization cost and the number of unit activations during the month.

Interest income is accrued on a time basis, by reference to the principal outstanding and at the applicable interest rate.

Foreign currencies

Transactions arising in foreign currencies are translated at exchange rates ruling at the transaction date. The balances of monetary items denominated in foreign currencies as at the balance sheet date are retranslated at the exchange rates of commercial bank where the Company usually transacts on the same date. Exchange differences arising from the translation of these accounts are recognised in the income statement.

Borrowing costs

Borrowing costs are recognised in the income statement in the year when incurred unless they are capitalised in accordance with Vietnamese Accounting Standard No. 16 “Borrowing costs”. Accordingly, borrowing costs directly attributable to the acquisition, construction or production of qualifying assets, which are assets that necessarily take a substantial period of time to get ready for their intended use or sale, are added to the cost of those assets, until such time as the assets are substantially ready for their intended use or sale. Investment income earned on the temporary investment of specific borrowings pending their expenditure on qualifying assets is deducted from the cost of those assets. For specific borrowings for the purpose of construction of fixed assets and investment properties, borrowing costs are capitalised even when the construction period is under 12 months.

Taxation

Income tax expense represents the sum of the tax currently payable and deferred tax.

The tax currently payable is based on taxable profit for the year. Taxable profit differs from profit before tax as reported in the income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other years (including loss carried forward, if any) and it further excludes items that are never taxable or deductible.

Deferred tax is recognised on significant differences between carrying amounts of assets and liabilities in the financial statements and the corresponding tax bases used in the computation of taxable profit and is accounted for using balance sheet liability method. Deferred tax liabilities are generally recognised for all temporary differences and deferred tax assets are recognised to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences can be utilised.

Deferred tax is calculated at the tax rates that are expected to apply in the year when the liability is settled or the asset realised. Deferred tax is charged or credited to profit or loss, except when it relates to items charged or credited directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in equity.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right to set off current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same tax authority and the Company intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

The determination of the tax currently payable is based on the current interpretation of tax regulations. However, these regulations are subject to periodic variation and their ultimate determination depends on the results of the tax authorities’ examinations.

Other taxes are paid in accordance with the prevailing tax laws in Vietnam.

5. CASH AND CASH EQUIVALENTS

	Closing balance VND	Opening balance VND
Cash on hand	350,785,705	3,613,119
Bank demand deposits	2,340,866,277	1,289,433,826
Cash equivalent (*)	83,800,000,000	88,000,000,000
	86,491,651,982	89,293,046,945

(*) Cash equivalents include term deposits with an original maturity of three months or less and earn an interest rate from 3.5% to 4.75% per annum (as at 31 December 2024: 3.5% per annum).

6. FINANCIAL INVESTMENTS

a. Held-to-maturity investments

	Closing balance VND	Opening balance VND
Current investments		
Term deposits (*)	177,000,000,000	200,000,000,000

(*) Term deposits with an original maturity from 3 months to 12 months and earn an interest rate of 4.3% to 5.5% per annum (as at 31 December 2024: 3.5% per annum to 4.3% per annum).

10: / 0: / 0: / A / Đ / I / H /

100 / C / K / Đ / V / AN /

10: / 0: / 0: / A / Đ / I / H /

100 / C / K / Đ / V / AN /

11. INCREASES, DECREASES IN TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings and structures	Machinery and equipment	Motor vehicles	Office equipment	Others	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
COST						
Opening balance	99,295,749,307	2,598,471,941,242	33,018,581,589	45,384,108,769	950,154,790	2,777,120,535,697
New purchases	1,164,409,258	6,250,000,000	-	239,623,704	-	7,654,032,962
Disposals	-	-	(1,655,945,857)	(141,490,000)	-	(1,797,435,857)
Closing balance	100,460,158,565	2,604,721,941,242	31,362,635,732	45,482,242,473	950,154,790	2,782,977,132,802
ACCUMULATED DEPRECIATION						
Opening balance	87,530,691,220	2,381,635,559,585	31,928,566,108	44,803,602,719	909,404,790	2,546,807,824,422
Charge for the year	2,386,381,408	50,053,805,962	350,669,549	278,017,637	18,000,000	53,086,874,556
Disposals	-	-	(1,655,945,857)	(141,490,000)	-	(1,797,435,857)
Closing balance	89,917,072,628	2,431,689,365,547	30,623,289,800	44,940,130,356	927,404,790	2,598,097,263,121
NET BOOK VALUE						
Opening balance	11,765,058,087	216,836,381,657	1,090,015,481	580,506,050	40,750,000	230,312,711,275
Closing balance	10,543,085,937	173,032,575,695	739,345,932	542,112,117	22,750,000	184,879,869,681

The historical cost of tangible fixed assets of the Company which were fully depreciated but still in use as at 31 December 2025 was VND 2,231,614,745,970 (as at 31 December 2024: VND 2,202,828,355,617).

17

12. INCREASES, DECREASES IN INTANGIBLE ASSETS

	Land use rights	Computer software	Total
	VND	VND	VND
COST			
Opening balance and closing balance	3,011,117,583	4,362,021,726	7,373,139,309
ACCUMULATED AMORTISATION			
Opening balance	3,011,117,583	2,757,479,527	5,768,597,110
Charge for the year	-	615,717,624	615,717,624
Closing balance	3,011,117,583	3,373,197,151	6,384,314,734
NET BOOK VALUE			
Opening balance	-	1,604,542,199	1,604,542,199
Closing balance	-	988,824,575	988,824,575

The cost of intangible assets includes VND 4,859,642,838 (31 December 2024: VND 3,757,651,929) of assets which have been fully depreciated but are still in use.

13. LONG-TERM PREPAYMENTS

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Cost of hiring a boiler assessor	-	3,787,043,361
Tools, supplies	522,167,714	498,120,277
	522,167,714	4,285,163,638

14. LONG-TERM RESERVED SPARE PARTS

Long-term replacement equipment, supplies, and spare parts reflect the net value (after deducting provisions for devaluation) of equipment, supplies, and spare parts used to reserve, replace, and prevent damage to assets but do not qualify for classification as fixed assets and have a reserve period of more than 12 months or more than one normal production and business cycle.

15. SHORT-TERM TRADE PAYABLES

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
a. Third parties	8,112,283,844	38,068,742,384
National Research Institute of Mechanical Engineering	-	31,500,900,000
LNG Branch – Petrovietnam Gas Joint Stock Corporation	7,605,065,755	5,201,024,862
Marine Petroleum Engineering Joint Stock Company	507,218,089	-
Others	-	1,366,817,522
b. Related parties (Details stated in Note 30)	1,042,764,101	990,715,200
	9,155,047,945	39,059,457,584

At the balance sheet date, all short-term trade payables are able to be paid off by the Company.

16. OTHER SHORT-TERM PAYABLES

	Closing balance VND	Opening balance VND
Dividend payable (Details stated in Note 30)	7,434,600,677	7,378,097,007
Short-term deposits received	108,093,328	133,145,206
Others	1,318,832,756	1,917,517,597
	8,861,526,761	9,428,759,810

HA
M
TH
AN
Y
/C

17. LOANS

	Opening balance VND	In the year		Revaluation VND	Closing balance VND
		Increases VND	Decreases VND		
a. Current portion of long-term loans					
Vietnam Electricity (*)	45,155,312,862	45,155,312,861	45,155,312,862	2,249,019,457	47,404,332,318
Total Short-term loans	45,155,312,862	45,155,312,861	45,155,312,862	2,249,019,457	47,404,332,318
b. Long-term loans					
Vietnam Electricity (*)	90,310,625,546	-	45,155,312,861	2,249,019,446	47,404,332,131
Total Long-term loans	90,310,625,546	-	45,155,312,861	2,249,019,446	47,404,332,131

(*) The long-term loan represents loan drawn in Won with the Vietnam Electricity under the On-Lending Agreement No. 2015/ENV-BARIA/EDCF dated 1 September 2015, inherited from the ODA Agreement No. 21/TNDN dated 20 December 2004 between Economic Development Cooperation Fund - Ba Ria - Vung Tau Branch (now Vietnam Development Bank - Ba Ria - Vung Tau Branch) and Ba Ria Power Plant (now Ba Ria Thermal Power Joint Stock Company) with a total limit of KRW 49,987,210,130. This loan originates from a loan from the Korea Economic Development Cooperation Fund - EDCF for the purpose of implementing the 306-2 Ba Ria Power Plant tailgate project. This loan has a loan term of 13 years with an interest rate of 2.4%/year.

The loan as at 31 December 2025 equivalent to KRW 4,997,821,004, will be repaid in 4 semi-annual term with a payment amount of KRW 1,249,455,253.5, and the final payment is 20 November 2027.



Long-term loans are repayable as follows:

	Closing balance VND	Opening balance VND
On demand or within one year	47,404,332,318	45,155,312,862
In the second year	47,404,332,131	45,155,312,862
In the third to fourth year inclusive	-	45,155,312,684
	94,808,664,449	135,465,938,408
Less: Amount due for settlement within 12 months (shown under current liabilities)	47,404,332,318	45,155,312,862
Amount due for settlement after 12 months	47,404,332,131	90,310,625,546

18. BONUS AND WELFARE FUNDS

	Closing balance VND	Opening balance VND
Bonus funds	4,136,885,074	4,314,131,074
Welfare funds	1,904,346,987	3,525,675,444
Bonus funds of management and directors	205,726,966	301,335,171
	6,246,959,027	8,141,141,689

Changes in Bonus and welfare funds

	Current year VND	Prior year VND
Opening balance	8,141,141,689	7,518,006,799
Appropriation	9,724,000,000	12,312,944,000
Other increase	39,892,000	101,920,000
Usage of fund	(11,658,074,662)	(11,791,729,110)
Closing balance	6,246,959,027	8,141,141,689

19. OWNER'S EQUITY

Number of shares

Shares	Closing balance	Opening balance
Number of shares issued and existing in circulation	60,485,600	60,485,600

An ordinary share has par value of VND 10,000. The Company has only issued ordinary share which is not entitled to a fixed dividend. Shareholders owning ordinary shares are entitled to receive dividends when they are announced and have the right to vote at the rate of one voting right per share held at the shareholders' meetings of the Company. All shares have the same right to inherit the Company's net assets.

Charter capital and investment capital

According to the Company's Enterprise Registration Certificate, the Company's charter capital is VND 604,856,000,000 (as at 31 December 2024: VND 604,856,000,000). The charter capital contributions by the shareholder as at 31 December 2025 had been fully made.

At the balance sheet date, details of owners' shareholding as below:

	Closing balance and Opening balance	
	Ordinary shares	%
Power Generation Joint Stock Corporation 3	48,123,557	79.56
Others	12,362,043	20.44
Number of shares issued	60,485,600	100

Movement in owner's equity

	Owner's contributed capital	Share premium	Investment and development fund	Other owner's capital	Retained earnings	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Prior year's opening balance	604,856,000,000	7,560,228,689	122,500,000,000	19,793,897,715	447,270,398,883	1,201,980,525,287
Profit for the year	-	-	-	-	42,816,586,078	42,816,586,078
Appropriation to Bonus and welfare fund	-	-	-	-	(12,312,944,000)	(12,312,944,000)
Appropriation to investment and development fund	-	-	21,546,421,501	-	(21,546,421,501)	-
Dividend declared	-	-	-	-	(168,875,795,200)	(168,875,795,200)
Current year's opening balance	604,856,000,000	7,560,228,689	144,046,421,501	19,793,897,715	287,351,824,260	1,063,608,372,165
Profit for the year	-	-	-	-	42,570,802,456	42,570,802,456
Appropriation to Bonus and welfare fund (*)	-	-	-	-	(9,724,000,000)	(9,724,000,000)
Appropriation to investment and development fund (*)	-	-	12,844,975,823	-	(12,844,975,823)	-
Dividends declared (**)	-	-	-	-	(19,960,248,000)	(19,960,248,000)
Current year's closing balance	604,856,000,000	7,560,228,689	156,891,397,324	19,793,897,715	287,393,402,893	1,076,494,926,621

(*) Pursuant to Resolution No. 714/NQ-NĐBR dated 27 June 2025 of the Annual General Meeting of Shareholders, the Company has appropriated to Bonus and welfare fund with VND 9,517,000,000, Bonus of executive management fund with VND 207,000,000 and Investment and development funds with VND 12,844,975,823 from profit after tax of the year 2024.

(**) Pursuant to Resolution No. 1197/NQ-NĐBR dated 3 November 2025 of the Board of Directors, the Company has paid dividends at a rate of 3.3% by cash, equivalent to an amount of VND 19,960,248,000 from retained earnings of the year 2024.

20. OFF BALANCE SHEET ITEMS

Operating lease commitments

	Current year VND	Prior year VND
Minimum operating lease expense recognized in business results for the year	2,747,745,912	6,262,585,666

At the balance sheet date, the Company had outstanding commitments under non-cancellable operating leases, which fall due as follows:

	Closing balance VND	Opening balance VND
Within one year	6,262,585,666	6,262,585,666
In the second to fifth year inclusive	25,050,342,664	25,050,342,664
After five years	152,635,512,561	158,898,098,278
	183,948,440,891	190,211,026,608

Operating lease payments represent total rentals payable by the Company for renting 115,646.6 m² of land in Huong Giang Quarter, Long Huong Ward, Ho Chi Minh City, ranges from 28,264 VND/m²/year to 94,198 VND/m²/year, depending on the rental location. The land lease agreement was signed for a period of 31 years and 4 months from 11 January 2024.

21. BUSINESS AND GEOGRAPHICAL SEGMENTS

The main production and business activities of the Company are producing and trading electricity in Ho Chi Minh City. Other production and business activities of the Company accounted for a very small proportion of total revenue and performance of the Company in the period as well as in previous accounting periods. The Board of Management believes that the Company's business risk and profitability are not affected by differences in the business lines provided by the Company and the geographical areas in which the Company operates. Therefore, the Company does not present segment reports by business lines and geographical areas.

22. NET REVENUE FROM GOODS SOLD AND SERVICES RENDERED

	Current year VND	Prior year VND
Net revenue from sales of electricity	260,999,671,162	350,731,173,313
Net revenue from services rendered	600,000,000	5,077,046,412
Net revenue from the sale of bottled beverages	1,019,126,898	996,882,508
Net revenue from other business activities	659,608,850	601,861,089
	263,278,406,910	357,406,763,322

23. COST OF SALES

	Current year VND	Prior year VND
Cost of electricity sold	214,489,408,293	337,911,537,344
Cost of services rendered	509,691,596	4,853,086,566
Cost of the sale of bottled beverages	844,020,155	829,291,471
Cost of other business activities	318,983,729	293,659,691
	216,162,103,773	343,887,575,072

24. FINANCIAL INCOME

	Current year VND	Prior year VND
Dividend and profit received	35,639,240,400	47,842,622,250
Bank interest	10,981,597,774	10,330,276,471
Unrealised foreign exchange gain	-	11,170,129,952
Foreign exchange gain	1,761,731,908	5,010,315,566
	48,382,570,082	74,353,344,239

25. FINANCIAL EXPENSES

	Current year VND	Prior year VND
Interest expense	2,790,993,156	3,975,315,574
Foreign exchange loss	4,498,038,903	-
Provision	2,863,333,333	-
	10,152,365,392	3,975,315,574

26. PRODUCTION COST BY NATURE

	Current year VND	Prior year VND
Raw materials and consumables	47,130,463,648	173,497,448,120
Labour cost	83,709,780,892	77,532,056,362
Depreciation and amortisation	53,702,592,180	54,430,811,414
Major repair expense	37,531,388,889	37,857,500,000
Out-sourced services	14,946,224,420	14,597,264,566
Other monetary expenses	18,092,119,859	25,311,796,467
	255,112,569,888	383,226,876,929

27. SELLING EXPENSES AND GENERAL AND ADMINISTRATION EXPENSES

	Current year VND	Prior year VND
Labour cost	23,878,881,348	19,349,071,466
Taxes, fees and charges	2,969,958,734	6,501,857,400
Out-sourced services (*)	2,419,142,965	2,919,467,897
Depreciation and amortisation	572,517,465	820,668,696
Other monetary expenses	9,360,361,984	10,343,884,757
	39,200,862,496	39,934,950,216

(*) The audit service fee for the financial statements for the year ending 31 December 2025 and the review service fee for the financial statements for six-month period ended 30 June 2025 is totally VND 180,00,000.

28. CORPORATE INCOME TAX EXPENSE

	Current year VND	Prior year VND
Current corporate income tax expense		
Corporate income tax expense based on taxable profit in the current year	1,628,827,143	-
Total current corporate income tax expense	1,628,827,143	-

The current corporate income tax expense for the year was computed as follows:

	Current year VND	Prior year (*) VND
Profit before tax	44,199,629,599	42,816,586,078
Adjustments for taxable profit		
Less: non-taxable income	(37,277,030,734)	(47,863,638,613)
Add back: non-deductible expenses	2,825,646,625	3,442,942,761
Loss carry forward	(1,604,109,774)	-
Taxable profit/(loss)	8,144,135,716	(1,604,109,774)
Tax rate	20%	20%
Corporate income tax expense based on taxable profit in the current year	1,628,827,143	-

The Company is obliged to pay corporate income tax at the rate of 20% of its taxable income. No income tax has been provided for during the year as the Company has no taxable income.

(*) Corporate income tax expense for 2024 is restated in accordance with the second amended corporate income tax finalization return dated 18 July 2025.

29. BASIC EARNINGS PER SHARE

	Current year VND	Prior year (Restated) VND
Profit for the year	42,570,802,456	42,816,586,078
Appropriated to bonus and welfare fund (VND) (*)	-	(9,724,000,000)
Profit attributable to ordinary shareholders (VND)	42,570,802,456	33,092,586,078
Average ordinary shares in circulation for the year (shares)	60,485,600	60,485,600
Basic earnings per share (VND/share)	704	547

(*) As presented in Note 19, pursuant to Resolution No. 714/NQ-NĐBR dated 27 June 2025 of the Annual General Meeting of Shareholders, the Company has appropriated to Bonus and welfare fund with VND 9,517,000,000. Bonus of executive management fund with VND 207,000,000 from profit after tax of the year 2024. The bonus and welfare fund for the financial year ended 31 December 2024 is determined based on the percentage of profit after corporate income tax for the financial year ended 31 December 2024. Accordingly, the Company restates basic earnings per share for the prior year as below:

	Reported	Restated
Profit for the year	42,816,586,078	42,816,586,078
Less: Appropriated to bonus and welfare fund (VND)	-	(9,724,000,000)
Profit attributable to ordinary shareholders (VND)	42,816,586,078	33,092,586,078
Weighted average ordinary shares in circulation for the year (shares)	60,485,600	60,485,600
Basic earnings per share (VND/share)	708	547

As at 31 December 2025, the Company has not reliably estimated the amount of profit that can be appropriated for the Bonus and Welfare Fund for this year because the General Meeting of Shareholders has not yet decided on the rate of appropriation. If the Company appropriates the Bonus and Welfare Fund, the net profit belonging to shareholders and basic earnings per share will be decreased.

30. RELATED PARTY TRANSACTIONS AND BALANCES

List of related parties with significant transactions and balances for the year:

Related party	Relationship
Vietnam Electricity ("EVN")	Ultimate parent company
Power Generation Joint Stock Corporation 3	Parent company
Electric Power Trading Company - EVN Branch	Branch of Ultimate parent company
Information and Communications Technology Company of Vietnam Electricity	Branch of Ultimate parent company
Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company	Fellow group subsidiary
Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company	Fellow group subsidiary
EVNGENCO3 Power Service Company	Branch of Parent company
Buon Don Hydropower Joint Stock Company	Associate
Simacai Joint Stock Company	Associate
Vinh Son - Song Hinh Hydropower Joint Stock Company	Other related party
Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company	Other related party
Power Engineering Consulting Joint Stock Company 3	Other related party
Ho Chi Minh City Electric Power College	Other related party
Vung Tau Power Company	Other related party
Branch of Southern Power Corporation – Southern Electricity Testing Company	Other related party
Thu Duc Thermal Power Company Limited	Other related party
Members of the Board of Directors, Board of Supervisor, Board of Management, and Chief Accountant	Internal personnel

During the year, the Company entered into the following significant transactions with its related parties:

	Current year VND	Prior year VND
Electricity revenues		
Electric Power Trading Company	260,999,671,162	350,731,173,313
Other revenues		
Ba Ria - Vung Tau Power Company	-	11,476,473
Purchases		
Vietnam Electricity ("EVN")	11,910,662,848	11,305,189,787
Information and Communications Technology Company of Vietnam Electricity	372,181,407	372,181,407
Branch of Southern Power Corporation – Southern Electricity Testing Company	154,058,473	353,201,048
Thu Duc Thermal Power Company Limited	-	36,386,000
Ho Chi Minh City Electric Power College	71,627,778	21,404,630
Vung Tau Power Company	402,429	90,450
	12,508,932,935	12,088,453,322
Interest		
Vietnam Electricity ("EVN")	2,790,993,156	3,848,485,438
Loan repayment		
Vietnam Electricity ("EVN")	43,393,580,954	43,868,373,950

Interest paid
Vietnam Electricity ("EVN")

Dividend declared

Power Generation Joint Stock Corporation 3
Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company
Others

Capital contributed

Simacai Joint Stock Company

Dividend income

Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company
Buon Don Hydropower Joint Stock Company
Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company
Phu Thanh My Joint Stock Company

Significant related party balances as at the balance sheet date were as follows:

	Closing balance VND	Opening balance VND
Short-term trade receivables		
Electric Power Trading Company	49,329,143,646	45,942,493,498
Receivables from dividends received		
Buon Don Hydropower Joint Stock Company	8,356,525,000	-
Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company	-	3,000,000,000
Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company	-	10,348,327,000
	8,356,525,000	13,348,327,000
Short-term trade payables		
Vietnam Electricity ("EVN")	1,042,738,270	953,444,746
Branch of Southern Power Corporation – Southern Electricity Testing Company	-	37,270,454
Vung Tau Power Company	25,831	-
	1,042,764,101	990,715,200
Short-term accrued expenses		
Vietnam Electricity ("EVN")	265,464,259	379,304,626
Others	-	149,290,091
	265,464,259	528,594,717
Other short-term payables		
Others	7,434,600,677	7,378,097,007
Short-term loans		
Vietnam Electricity ("EVN")	47,404,332,318	45,155,312,862
Long-term loans		
Vietnam Electricity ("EVN")	47,404,332,131	90,310,625,546

Remunerations paid to the Company’s Board of Directors and Board of Management, Chief Accountant and other management personnel during the year was as follows:

		<u>Current year</u>	<u>Prior year</u>
		VND	VND
Board of Directors			
Mr. Nguyen Tien Dung	Chairman	779,486,000	493,689,000
Mr. Chau Thien Minh Tri	Member	633,772,000	423,736,000
Mr. Tran Le Trung Hieu	Member	115,799,000	72,348,000
Mr. Tran Le Minh	Member	115,799,000	72,348,000
Board of Management			
Mr. Le Van Huy	General Director	774,888,000	477,596,000
Mr. Vo Nhu	Member of Board of Directors	621,865,000	430,168,000
	Deputy General Director		
Others			
Ms. Phan Thi Thuy Linh	Chief Accountant	601,079,000	394,940,000
Ms. Tran Thi Bao Xuan	Head of Board of Supervisors	595,549,000	441,402,000
Ms. Do Thi Le Tran	Supervisor	37,542,000	66,048,000
Ms. Vo Thi Thu Hoa	Supervisor	115,799,000	66,048,000
Ms. Mai Huong Giang	Supervisor	78,257,000	-
		4,469,835,000	2,938,323,000

32. ABANDONMENT RESPONSIBILITY

As at 31 December 2025, the Board of Managements assessed that the Company was obliged to clean, restore and return the premises at the end of the lease term or project termination of the power plants. According to relevant regulations, the advance deduction of abandonment costs must be made according to the mechanism and policies applicable to each industry and each unit. The Company is unable to estimate the value of this revert obligation as it is a complex technical area and involves calculating the cost of electricity. Accordingly, the Parent company is discussing with EVN for more specific instructions; and monitor updates on the policy mechanism on revert provisions applicable to the power generation sector in estimating the value of this obligation.


 Tran Tuyet Loan
 Preparer


 Phan Thi Thuy Linh
 Chief Accountant


 Le Van Huy
 General Director
 31 March 2026



31. SUPPLEMENTAL DISCLOSURES OF CASH FLOW INFORMATION

Supplemental non-cash disclosures

Cash inflows of interest earned, dividends and profits received during the year exclude an amount of VND 11,010,497,329 (at 31 December 2024: VND 15,292,981,794), representing the interest income during the year that has not yet been received. Consequently, changes in receivables have been adjusted by the same amount.

The cash proceeds from borrowings and cash repayment to borrowings in the year do not include an amount of VND 0 (at 31 December 2024: 34,500,000,000) represent for the amounts of borrowing that have payment term which is not more than 3 months.

Cash outflows of dividends and profits paid during the year exclude an amount of VND 7,434,600,677 (at 31 December 2024: VND 7,378,097,007), representing the dividend declared during the year that has not yet been paid. Consequently, changes in payables have been adjusted by the same amount.





ANNUAL REPORT

2025

BARIA THERMAL POWER JOINT STOCK COMPANY

Ho Chi Minh City, April 20, 2026

CONFIRMATION OF THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE

GENERAL DIRECTOR



anh
LE VAN HUY

BARIA THERMAL POWER JOINT STOCK COMPANY

 **Huong Giang Quarter, Long Huong Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.**

 **0254 2212 811**

 **info@btp.com.vn**

 **<https://btp.com.vn/>**